

VŨ ĐỨC SAO BIỂN

KIM DUNG GIỮ ĐỒI XÔI

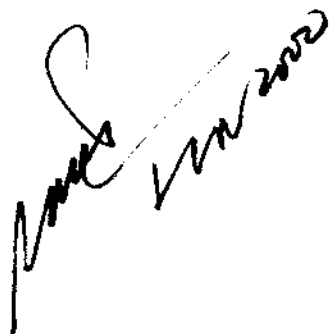
TỪ AQ ĐẾN VI TIỂU BẢO

QUYẾT NHA



Kim Dung giữa đời tôi

(quyển hạ)



HOAN NGHÊNH BẠN ĐỌC GÓP Ý PHÊ BÌNH

Nhà xuất bản Trẻ

161B Lý Chính Thắng, quận 3, Tp.HCM

Điện thoại: 8465596 - 8444289

Email: nxbtre@hcm.vnn.vn

vũ đức sao biển

Kim Dung giữa đời tôi

(quyển hạ)

Từ AQ. đến Vi Tiểu Bảo

Tái bản lần thứ nhất

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Lời tựa

Con cá thì nó lội. Con chim thì nó hót. Còn người cầm bút thì viết, viết những điều đúng đắn, nghiêm túc để phục vụ mọi người.

*Tôi viết **Kim Dung giữa đời** tôi, quyển hạ tức **Từ AQ đến Vi Tiểu Bảo** trong trạng thái thường bị choáng váng do máu lên não không đủ. Các bác sĩ ở bệnh viện Nguyễn Tri Phương cho biết tôi bị thiếu năng tuần hoàn não và trong những ngày được điều trị, các bác sĩ cho phép tôi được vào chùa Đại Từ Liên Xã, ngôi chùa nằm trong khuôn viên bệnh viện để hoàn thành cuốn sách này.*

Tôi là nhà báo cầm bút viết văn nên văn chương của tôi – kể cả văn chương khảo luận tác phẩm Kim Dung – vẫn phải mang theo tính bồng bềnh, trôi nổi như cuộc sống của tác giả nó. Những bài viết về tác phẩm văn chương tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung thường ra đời giữa những căn phòng se se ngọn gió đông hay khắc nghiệt con nóng hè trong các khách sạn, nhà nghỉ khắp mọi miền đất nước. Kim Dung có

thế ngồi phòng máy lạnh viết văn, còn tôi viết về tác phẩm của ông trong nắng, trong mưa, trong khói bụi thị thành hay giữa không gian tĩnh mịch của đêm cao nguyên tê buốt. Văn chương của tôi đi sát với cuộc đời, gắn bó với những suy niệm về cuộc sống, tình yêu và cái chết, và thậm chí, còn là tâm trạng ở từng thời điểm một, mượn cái ngày xưa để nói cái ngày nay, mượn con người trong tác phẩm để biểu thị khát vọng của con người trong thực tế.

Mục tiêu của tư duy văn học là sự sáng tạo. Kim Dung đã tạo ra một thế giới võ lâm riêng trong thế giới đại trà của hàng mấy tỉ người. Tôi cũng đã tình nguyện trốn vào thế giới võ lâm ấy của ông để được quên, dù trong một giai đoạn ngắn, thế giới hiện thực mà tôi đang sống và góp mặt. Lại thay, đọc tác phẩm của ông, tôi càng thấy gắn bó với cuộc đời nhiều hơn, yêu quý con người hơn. Ấy bởi vì văn chương của ông gần như đã khái quát hóa một cách trọn vẹn những hoan lạc, sầu bi, nghiệt ngã, thống hận của kiếp người. Từ đó, tôi khát vọng đi tìm một thế giới nhân văn, nhân bản.

Descartes nói: "Tôi tư duy là tôi hiện hữu" (Je pense donc je suis). Đọc Kim Dung, bắt buộc phải tư duy: phải đau cái đau của Kiều Phong, A Tử, Du Thân Chi; phải vui cái vui của Hư Trúc, Văn Nghi công chúa, Đoàn Dự, Vương Ngọc Yến; phải hận cái hận của Hà Túc Đạo, Quách Tường, Trương Thúy Sơn, Hán Tổ Tổ... Đối với tôi, tác phẩm của Kim Dung không phải và không thể là tác phẩm nhằm giải

trí, nó nâng tâm hồn tôi cao lên, cho tôi đắc thủ được những bài học chưa được giảng trong giáo trình đại học. Tôi đã đi qua nhiều hạnh phúc, thống khổ; đọc Kim Dung, tôi nhận ra bản chất của hạnh phúc, thống khổ ấy. Tiểu thuyết của ông là trường học của tôi, là thầy dạy của tôi. Và tôi trang trải tất cả lên mặt giấy. Ở chừng mực nào đó, tôi có thể bắt chước Descartes mà nói: “Tôi viết về tác phẩm Kim Dung là tôi hiện hữu”.

Tập sách thứ ba này ra đời trong hoàn cảnh chật vật về thời gian. Tôi đang chạy đua với thời gian, chạy đua với tóc bạc trên đầu, với dòng máu bơm không đủ lên não. Có thể ngày mai, tôi sẽ như đóa hoa lặn lẽ rụng trong vườn nhưng cuốn sách phải được ra đời. Cả bộ sách chính là tôi, là những gì tôi ký thác cho đời. Cho nên, tên gọi của bộ sách là **Kim Dung giữa đời tôi**.

TP. Hồ Chí Minh 20.4.1999

Vũ Đức Sao Biển

Chương I.

Thư pháp và võ công

Hiểu một cách đơn giản, thư pháp là cách viết chữ của người Trung Quốc. Hiểu một cách sâu hơn, thư pháp là những phép viết chữ để đạt đến một trình độ mỹ thuật riêng của người Trung Quốc. Không sử dụng tự dạng Latin, Hán tự của người Trung Quốc có một lối cấu tạo chữ viết đặc thù mà bản thân mỗi chữ có thể xem là một bức đồ họa riêng biệt bởi các đường nét, độ đậm nhạt và phương pháp phóng bút của nó. Chính ưu thế về tự dạng đã là động lực cơ bản đưa những danh gia đến tham vọng hình thành một thư pháp cho mình.

Theo sự phát triển của chữ viết Trung Quốc, thư pháp có năm loại: Triện thư, Lệ thư, Khải thư, Hành thư và Thảo thư. Tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung thường nhắc đến thư pháp của bốn nhà Tô, Huỳnh, Mễ, Xái. Nhưng điểm đặc biệt trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung là tác giả luôn luôn kết hợp thư pháp với võ công và chính sự kết hợp đó đã tạo ra một chiều sâu trí tuệ cho những tác phẩm, đem lại sự thích thú cho người đọc.

Một trong những vũ khí chuyên sử dụng để điểm huyết được

nhắc đến thường xuyên trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung là cây phấn quan bút (cây bút của viên quan chấp pháp, xử kiện). Phấn quan bút cũng có hình dạng như cây bút lông nhưng đầu của nó bằng kim loại nhọn, nhằm đánh vào các huyệt đạo trên người địch thủ. Lãng mạn hơn, Kim Dung cho những nhân vật của mình sử dụng phấn quan bút đánh theo từng nét trong từng chữ của những bài thơ, bài từ trong khi lâm địch như một đường kiếm pháp hay đao pháp. Thư pháp gắn liền với võ công đến nỗi chúng tạo cho ta cái cảm giác không thể phân biệt được đâu là thư pháp, đâu là võ công.

Trong *Ỗ thiên Đồ long ký*, chương môn phái Võ Đang Trương Tam Phong có kỹ thuật sử dụng ngón tay (chỉ) viết chữ vào khoảng không. Trương Tam Phong mô phỏng thư pháp của Vương Hy Chi đời Đông Tấn viết *Tán loạn thiếp* để giải tỏa toàn bộ mối lo lắng của mình khi một người học trò cưng bị kẻ địch đánh gãy hết các khớp xương. Trương Tam Phong viết vào khoảng không 24 chữ của bài ca Ỗ thiên Đồ long:

Võ lâm chí tôn

Bảo đao Đồ long

Hiệu lệnh thiên hạ

Mạc cảm bất tòng

Ỗ thiên bất xuất

Thùy dữ tranh phong

Người đệ tử thứ năm tên gọi Trương Thúy Sơn cố gắng học và ghi nhớ thư pháp *Tán loạn* của thầy. Anh biết trong ngón tay biến hóa kỳ ảo đó ẩn tàng một môn võ công vi diệu. Và anh gọi tên nó là

Đồ long công. Về sau, khi xuống núi, Trương Thúy Sơn sử dụng Đồ long công chuyển thành quyền pháp đánh nhau với 18 vị La hán chùa Thiếu Lâm tại phủ Lâm An, Giang Nam và đã chiến thắng 18 vị La hán đó.

Trương Thúy Sơn là một hào kiệt nho nhã, say mê thư pháp. Bên sông trong cơn mưa, Trương Thúy Sơn đã gặp được Hân Tố Tố, con gái của giáo chủ Bạch Mi giáo, được Tố Tố cho mượn chiếc dù che mưa. Trên chiếc dù ấy, Tố Tố đã viết bảy chữ: “Tà phong tế vũ bất tu quy” (gió nghiêng, mưa nhẹ chẳng nên về). Tố Tố đề nghị Thúy Sơn nhận xét cho chữ “Bất” vì theo cô, chỉ có chữ này là cô viết tệ nhất. Thúy Sơn khen chữ “Bất” ấy dư vận bất tận, càng xem càng quên cả mỗi mết. Chính nhận xét ấy lại rất hợp ý Hân Tố Tố. Và họ thương yêu nhau, đơn giản qua nét bút của thư pháp viết trên chiếc dù.

Trên Vương Bàn Sơn sông Tiền Đường, Trương Thúy Sơn phải đối đầu với một địch thủ hùng mạnh là Tạ Tốn. Để tự cứu mình, Trương Thúy Sơn đề nghị Tạ Tốn thi... viết chữ. Dùng phán quan bút, Thúy Sơn đã viết lên trên đá 24 chữ của Đồ long công theo bút pháp *Tán loạn* đã học được của thầy. Hai mươi bốn chữ ấy là một môn võ công bao gồm âm dương, cương nhu, tinh thần, khí thế; hùng biện, sắc bén như dao như kiếm. Thấy chàng thư sinh biểu diễn thư pháp *Tán loạn*, Tạ Tốn phải gật đầu công nhận mình thua.

Tiểu ngao giang hồ thuật lại câu chuyện thú vị của Hương Vân Thiên, Quang minh tả sứ của Triều Dương thần giáo, dẫn Lệnh Hồ

Xung đến Cô Mai sơn trang khiêu khích bọn Giang Nam tứ hữu. Hường Vân Thiên đã khoe ra bức tranh “Bắc Tống Phạm Trung Lập khê sơn hành lữ đồ”, trong đó vẽ tòa núi cao ngất trời, thanh thế mười phần hiểm tuấn; một bức thảo thư mà mỗi chữ mỗi nét như rồng bay phượng múa. Ở đây, Phạm Trung Lập đã mô phỏng bút pháp của Trương Húc đời Đường. Bức thảo thư có khí tượng một môn khinh công của một võ lâm cao thủ.

Trong Giang Nam tứ hữu, nhân vật Ngốc Bút Ông là một danh gia sử phán quan bút. Khác với những người sử phán quan bút bình thường, Ngốc Bút Ông dùng đầu bút là loại lông dê mềm, tự hòa một loại mực rất lạ, hễ thấm vào da thịt ai là ăn luôn, không tẩy rửa được. Công lực của lão thượng thừa nên khi lão phóng bút viết vào khoảng không, kinh lực tuôn ra đầu ngọn bút veo veo. Đấu với Độc Cô cửu kiếm của Lệnh Hồ Xung, Ngốc Bút Ông viết bài “Bùi tướng quân thi” theo thư pháp của Nhan Châu Khanh:

Đại quân chế lược hợp

Mãnh tướng thanh cừ cai

Chiến mã như long hổ

Đằng lẳng hà tráng tại

Lệnh Hồ Xung sử Độc Cô cửu kiếm, kiếm ý đi trước bút pháp của Ngốc Bút Ông, phong tỏa toàn bộ bút pháp đặc ý của lão khiến lão đâm ra bức bối. Mà đại phạm, khi cầm bút viết chữ mà lòng bức bối thì chữ nghĩa chẳng ra làm sao cả. Ngốc Bút Ông chuyển sang thư pháp Đại thảo, một dạng thư pháp đặc biệt của Trương Phi (Trương Dục Đức), đại tướng của Tây Thục. Lão viết liền bốn chữ

Bát mông sơn minh, khí thế Đại thảo liên hoàn như tuốt kiếm giường cung. Rồi lão lại chuyển sang Đại thảo theo phong cách của Hoài Tố viết *Tự sự thiếp*, bút pháp cực kỳ phức tạp. Mặc cho lão biến đổi bút pháp, Lệnh Hồ Xung cứ lựa chỗ sơ hở của lão mà phát chiêu, kiếm thế nhẹ nhàng nhưng cực kỳ thần tốc. Ngốc Bút Ông bị phá sản bút pháp, sinh ra uất hận. Lão đổ một hũ rượu bỏ đào xuống đất, chấm rượu viết lên tám vách 23 chữ của bài *Bùi tướng quân thi* (trong đó có ba chữ tên của tác giả). Kim Dung mô tả 23 chữ ấy đẹp và dũng mãnh như muốn xé tám vách mà bay đi.

Nét chữ viết thể hiện tính cách riêng của từng con người, trở thành vốn liếng riêng, đặc điểm riêng giúp ta xác định được chính người này chứ không phải người kia viết. Từ sự xác định ấy, người ta khám phá ra những bí mật đằng sau cuộc sống, đặc biệt là cuộc sống tâm linh. Đã có hai trường hợp như vậy được Kim Dung xây dựng trong tác phẩm của mình. Trong *Tiểu ngao giang hồ*, khi Nhạc Linh San đã chết, Lệnh Hồ Xung trở lại Hoa Sơn, tìm vào thăm căn phòng xưa của Nhạc Linh San. Anh chợt nhìn thấy bức thiếp thư do chính Nhạc Linh San viết, nội dung là một bài thơ của Lý Thương Ẩn:

... *Nhớ xưa luyện ái Hàn công tử*

Xương trắng thành tro hận chứa tan

Và Lệnh Hồ Xung chợt hiểu ra rằng sau đám cưới với Lâm Bình Chi, Nhạc Linh San vẫn yêu mình. “Hàn công tử” đây chính là Lệnh Hồ Xung! Và từ đó, Lệnh Hồ Xung càng cảm thấy thương yêu người tiểu sư muội bạc phận hơn. Thư pháp đã thể hiện tâm

tình, trở thành một thứ giặc thù của tình yêu đôi lứa mà người nào không có tâm tình thì vĩnh viễn không nhận ra được.

Trường hợp thứ hai được thuật lại trong *Lục mạch thần kiếm truyện*, khi Tiêu Phong về ngôi trong căn phòng riêng của Nguyễn Tinh Trúc (mẹ của người tình A Châu) ở Tiểu Kính hồ, Giang Nam. Ông đọc bức thiệp thư trên vách và khám phá ra thủ bút mềm mại, uyển chuyển của Đoàn Chính Thuần, khác hẳn nét chữ của “Thủ lĩnh đại ca” viết thư gửi cho Uông Kiếm Thông bàn chuyện về cái chết của cha mẹ Tiêu Phong và số phận Tiêu Phong. Lập tức, Tiêu Phong hiểu ra mình đã bị Ôn Khang lừa; Đoàn Chính Thuần không phải là “Thủ lĩnh đại ca”; Tiêu Phong đã giết oan người tình Đoàn A Châu rồi. Chính từ sự tỉnh ngộ này mà Tiêu Phong bỏ ý định tự vẫn, quyết sống để tìm ra gã “Thủ lĩnh đại ca” giấu mặt ấy, trả hờn cho cha mẹ và cho cả A Châu. Bức thiệp thư trở thành một bằng chứng giúp Tiêu Phong phá án. Và ông đã tìm ra kẻ đại cừu của mình.

Cũng trên cơ sở thư pháp, Kim Dung đã xây dựng hai nhân vật dốt nát chơi thư pháp. Vì Tiểu Bảo trong *Lộc Đình ký* đã đọc văn bia viết bằng Giáp cốt văn, thứ văn tự tối cổ của Trung Quốc để đánh lừa Lục Cao Hiên và Ủy tôn giả và qua hai nhân vật này, lừa luôn giáo chủ Thần long giáo Hồng An Thông. Thật ra, đến Khải thư tức là chữ chân phương, Vì Tiểu Bảo còn đọc không ra hướng chỉ nói đến Giáp cốt văn, Khoa đầu văn tối cổ. Chẳng qua là khi bị bắt, Vì Tiểu Bảo phải dùng đến thói lưu manh để đánh lừa Thần long giáo và trò lừa bịp đó đã được những kẻ nịnh bợ giáo chủ biết nhưng lơ nịnh bợ rồi cứ phải gọi đó là chuyện có thật. Đó là một thứ “thắng lợi tinh thần” hiện đại; phải lừa nhau như thế mới giữ được ngôi vị,

giữ được cái đầu trên cái cổ. Thạch Phá Thiên trong *Hiệp khách hành* là một chàng trai thất học, không biết một chữ nào. Ấy thế mà trên đảo Long Mộc, chàng trai phải đối diện với Khoa đầu văn. Không cần biết hàng chữ Khoa đầu văn ấy viết nội dung gì, chàng trai chỉ quan tâm đến tự dạng. Khoa đầu văn tức chữ con nòng nọc, mô phỏng những tư thế của con nòng nọc, rất gần gũi với tuổi thơ của Thạch Phá Thiên ở vùng hoang sơn dã lĩnh. Cứ xem tới nét nào thì huyết đạo của Thạch Phá Thiên tự vận động tới đó và chỉ cần làm như thế, chàng trai dốt nát đã khám phá ra được toàn bộ bí quyết của võ công *Hiệp khách hành*. Nếu Lý Bạch sống lại được, chắc hẳn ông phải khen hậu bối Kim Dung lỗi lạc hơn ông rất nhiều: chẳng cần biết *Hiệp khách hành* viết cái gì, chỉ cần biết *Hiệp khách hành* viết như thế nào, nghĩa là chỉ dừng lại ở ngoại quan thư pháp mà không cần đi vào nội hàm tư tưởng, là đủ.

Nhân loại đã khổ quá nhiều vì những cái lưới dối trá, những suy diễn dài dòng văn tự. Thế mạnh của văn tự Trung Quốc là đã hình thành được những trường phái thư pháp đặc dị, mở ra một khuynh hướng mỹ thuật lạ lùng. Kim Dung đã lợi dụng thế mạnh ấy và lãng mạn hơn, đem thế mạnh ấy kết hợp với võ công. Hai phạm trù một võ một văn tưởng như mâu thuẫn nhau tốt cùng lại được kết hợp một cách hài hòa, tài hoa. Văn chương của các bậc tiền bối Trung Quốc chưa làm được điều ấy; chỉ đến Kim Dung mới có thể làm được. Đó chính là sự sáng tạo cao nhất trong văn chương tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung.

Chương II.

Võ lâm ngũ bá Dụ ngôn về chính trị

Rất nhiều người mê truyện võ hiệp đều biết được *Võ lâm ngũ bá truyện* là một bộ đoản thiên gồm 4 cuốn của Kim Dung. Đây là bộ tiểu thuyết làm nền móng để ông xây dựng liên tiếp ba bộ truyện kế tiếp: *Xạ điêu anh hùng truyện*, *Thần điêu hiệp lữ* và *Ỗ thiên Đồ long ký*. Bộ đoản thiên tiểu thuyết ấy có giá trị như một đoạn lung khởi trong một bài tác văn, nhằm giới thiệu năm ông vua của giới võ lâm. Nếu thu hẹp thì người đọc chỉ hiểu như đó là giới võ lâm Trung Hoa, một Trung Hoa với nhiều môn phái võ thuật lạ lùng, có những con người võ học kiệt xuất. Nhưng có lẽ Kim Dung đã không muốn thu hẹp. Ông đã truyền đến cho người đọc một dụ ngôn lớn lao hơn - dụ ngôn chính trị.

Trong *Võ lâm ngũ bá*, Kim Dung giới thiệu năm nhân vật đại võ sư: Đông tà Hoàng Dược Sư, Tây độc Âu Dương Phong, Nam đế Nhất Đăng đại sư, Bắc cái Hoàng Thất Công và Trung thần thông Vương Trùng Dương.

Đông tà Hoàng Dục Sư ngự trị ở Đào hoa đảo. Nếu lấy Trung Hoa làm điểm giữa thì Đào hoa đảo chính là nước Nhật Bản và Hoàng Dục Sư chính là biểu tượng của dân tộc Nhật Bản vậy. Thế nhưng chẳng hiểu tại sao Kim Dung lại gọi Nhật Bản là “tà”. Có lẽ, trong tâm tưởng của ông và hàng tỉ người Trung Quốc khác vẫn chưa phai mờ hình ảnh của những đội quân Nhật Bản xâm lăng, giết chóc, hãm hại hàng triệu người dân Trung Quốc, đặc biệt là sự hiện diện của quân đoàn Quan Đông trên miền Đông Bắc Trung Quốc trong thế chiến thứ hai. Đông tà Hoàng Dục Sư có một loại võ công kỳ ảo như tên gọi của nó: Lạc anh chưởng pháp (chưởng pháp hoa anh đào rụng). Trong *Võ lâm ngũ bá*, Kim Dung rất ca ngợi Hoàng Dục Sư, ca ngợi tính lập dị cổ quái của nhân vật này.

Tây độc Âu Dương Phong từ Tây Vực xuống. Khái niệm Tây Vực không xác định biên giới quốc gia. Âu Dương Phong có nghĩa là ngọn gió biển phía trời Âu thổi đến và ta có thể hiểu được nhân vật này chính là hình tượng biểu thị cho cả khối châu Âu, cả văn minh khoa học kỹ thuật châu Âu. Âu Dương Phong có môn Hàm mô công (công phu mô phỏng tư thế con ếch), ngồi xuống đất, dẹt chân ra và phát chuồng về phía trước. Tư thế của Hàm mô công nhắc người ta nhớ đến hình ảnh chiếc xe tăng của binh lực các nước châu Âu trong đệ nhị thế chiến. Hãy nhớ rằng trong *Xạ điêu anh hùng truyện* sau này Kim Dung để cho Âu Dương Phong luyện tập võ công sai đường, bị tẩu hỏa nhập ma, phải đi lộn đầu xuống đất, chân đưa lên trời. Dụ ngôn ở đây thật rõ ràng: văn minh vật

chất, khoa học kỹ thuật phương Tây quá tiến bộ đã làm đảo lộn hết mọi giá trị tinh thần. Cả châu Âu đang “tẩu hỏa nhập ma” vì chính cái cơ tâm của họ.

Nam đế là Nhất Đăng đại sư. Nhân vật này trong *Vô lâm ngũ bá* là một nhà sư hiền lành, đặc đạo. Đây là hình ảnh biểu tượng chung của các nước theo Phật giáo tại Đông Nam Á, trong đó có cả Việt Nam, Lào, Campuchia, Thái Lan, Srilanka (ngày trước là Ceyland - Tích Lan) và Ấn Độ. Nhà sư hiền lành ấy sử dụng một loại công phu huyền môn chính tông, rất quang minh chính đại: Nhất dương chỉ. Nhà sư hiền lành ấy không gây hấn với ai, không tranh hơi đua tiếng với ai. Kim Dung nghĩ đến các lân quốc ở phía Nam đất nước ông bằng tình cảm hết sức tốt đẹp. Rõ ràng là Phật tính đã được thể hiện rất cao trong tư duy, trong hành động của nhà sư này.

Bắc cái có tên là Hồng Thất Công, chính là hình ảnh biểu tượng của nước Liên Xô ngày nào. Hồng Thất Công có họ Hồng (màu đỏ) chính là màu cờ Liên Xô, lân quốc phía Bắc Trung Hoa. Hồng Thất Công có Hàng long thập bát chương (mười tám chương hàng phục con rồng), một loại võ công dương cương có thể làm tan bìa vỡ đá, gãy cả từng bách. Hàng long thập bát chương là gì nếu không phải là những hỏa tiễn - thành tựu lớn nhất về vũ khí của Liên Xô.

Trung thần thông Vương Trùng Dương chính là hình ảnh biểu tượng của đất nước Trung Quốc. Trong *Vô lâm ngũ bá*, Vương Trùng Dương ít khi xuất hiện, chỉ được kể lại qua miệng của những nhân vật khác. Văn minh Trung Hoa kín kẽ, thâm hậu vậy chẳng? Vương

Trùng Dương ở trong Trùng Dương cung, là sư tổ của phái Toàn Chân - chân lý toàn thiện nhất. Nhưng người đọc không thể nắm bắt được chân lý ấy, chỉ thấy một đại diện của phái Toàn Chân - Lão ngoan đồng Châu Bá Thông - dở tỉnh dở điên, nửa già nua nửa trẻ nít, suốt đời rong chơi, phá phách giang hồ. Về sau, trong *Xạ điều anh hùng truyện*, Châu Bá Thông sáng tạo ra một loại võ công ngộ nghĩnh: Song thủ hổ bác (hai tay vừa giúp nhau, vừa đánh nhau). Văn minh, triết học Trung Quốc bị tác giả Kim Dung cười cợt: cùng một lúc tay trái vẽ hình tròn, tay phải vẽ hình vuông. Tất cả những điều mà tác giả không lý giải được về Trung Quốc thì Châu Bá Thông xuất hiện, lý giải giùm.

Vô lâm ngũ bá chính là một dạng dụ ngôn về chính trị. Khi thấy dụ ngôn ấy chưa thể (hoặc không thể) đi sâu vào lòng người, Kim Dung rời bỏ phong cách dụ ngôn, trở lại phong cách tiểu thuyết võ hiệp đích thực. Tác giả để cho cặp trai gái Quách Tĩnh, Hoàng Dung gặp gỡ và học Hồng Thất công, dùng Hàng long thập bát chưởng đánh quân Nguyên, giữ gìn đất nước Trung Quốc. Nhưng đó là chuyện khác, chuyện được kể trong *Xạ điều anh hùng truyện*...

Chương III.

Tứ di trong truyện võ hiệp Kim Dung

Tác phẩm tiểu thuyết không phải là tác phẩm nghiên cứu về nhân chủng học. Tuy nhiên, không ai cấm cản một nhà văn đưa những kiến thức nhân chủng học vào tác phẩm tiểu thuyết, đặc biệt đối với một đất nước rộng lớn, kéo dài từ Đông Á qua Tây Á, tiếp giáp với châu Âu, kế cận với nhiều quốc gia và đa chủng tộc như đất nước Trung Hoa. Chính vì vậy, nhà văn Trung Quốc Kim Dung đã đưa Tứ di (bốn rợ) vào tác phẩm văn học của mình. Và ở điểm này, ông đã thành công, vượt xa các nhà văn Trung Quốc tiền bối cũng như đương đại.

Từ năm 207 trước Công lịch, nhà Hán chiếm được “thiên hạ”, thống nhất đất nước Trung Hoa. Tham vọng của Lưu Bang là tạo ra một nền thái bình Trung Hoa (Pax Sinica) - một nền thái bình trong sự cai trị của nhà Hán. Một số khái niệm được kết phối trong đó có từ *Hán* đứng đầu đã ra đời: Hán văn (văn chương Trung Hoa), Hán tự (chữ viết Trung Hoa), Hán tộc (dân tộc Trung Hoa), Hán tử (người dân ông Trung Hoa), Hán nhân (con người Trung Hoa), Hán gian

(người chống lại dân tộc Trung Hoa)... Đặc biệt, Hán tộc tự cho phép mình đứng cao hơn các dân tộc khác. Họ gọi những dân tộc lân bang là Tứ di. Tiểu thuyết võ hiệp của nhà văn Kim Dung lấy bối cảnh lịch sử từ đời Bắc Tống đến đời Thanh. Trong tiểu thuyết của ông, Tứ di xuất hiện khá rõ nét. Chẳng vậy mà tác phẩm *Ỗ thiên Đồ long ký* có chiêu kiếm Tứ di tân phục (Bốn rợ đều hàng), chỉ một đường kiếm đánh ra bốn phương Đông, Tây, Nam, Bắc khiến kẻ địch phải nằm rạp xuống hết.

Phía Tây nước Trung Hoa có các dân tộc Tây Tạng (Tibet), Lôu Lan (Lobner), Thổ Lỗ Phồn (Tourfan), Đại Uyển (Fergana), Sa Đà (Yarkand), Đại Nhục Chi (Indo - Scythe), Ô Tôn (Sogoliane), Khang Cư (Boukhara, ngày nay thuộc Turkestan). Phía Tây Nam và Nam Trung Hoa có Thiện Thiện (Shan Shan), Điền (Bãi Dý, thuộc Vân Nam), Dạ Lang (thuộc Quý Châu), Nam Man (Việt Nam). Tây Bắc có Tây Hạ, Bắc có Mông Cổ (Mongolie), Khiết Đan (Kitan), Nga La Tư (Russe). Đông Bắc có Mãn Châu (Manchourie), Cao Ly (Korée). Phía Đông Trung Hoa là bờ biển, không có dân tộc nào khác. Những nước Sở, Tề, Đông Ngô, Việt đã bị diệt vong, tất cả đều trở thành con dân của Hán tộc ráo.

Trong những tác phẩm tiểu thuyết võ hiệp đầu tiên của mình, Kim Dung cũng đứng trên lập trường của Hán tộc, không khỏi có cái nhìn sai lạc về những con người trong Tứ di. Bộ *Liên thành quyết* tức *Tổ tâm kiếm* xây dựng hình ảnh một Huyết đao lão tổ người Tây Tạng, theo Mật tông (một trong mười tông phái Phật giáo) xuống Trung Hoa, cực kỳ tàn bạo, dã ác. Kết cục của Huyết

đao lão tổ là chết một cách thảm thiết trên vùng núi tuyết Thiên Sơn, nhưng người thừa kế của lão - Địch Vân - thì lại được hưởng một cuộc sống hạnh phúc, tốt đẹp. Lý do: Địch Vân là chàng trai Hán tộc, một thứ hoa sen “gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn”. Trong *Xạ điêu anh hùng truyện* và *Thần điêu hiệp lữ*, Kim Dung xây dựng một loạt những con người Tứ di: Thành Cát Tư Hãn, Đà Lôi, Hoa Tranh, Kim Luân pháp vương (Mông Cổ); Hoàng Nhan Liệt, Hoàng Nhan Khang (Nữ Chân, Mãn Châu...) Những nhân vật Tứ di này đã bị Kim Dung làm cho méo mó. Tác giả tỏ ra rất ác cảm với hầu hết những nhân vật này. Cũng đúng thôi, bởi họ đang là những con người vào xâm lăng đất nước Trung Quốc (rợ Kim đánh nhà Tống, rợ Mông Cổ cướp ngôi vua, tuyệt diệt nhà Tống). Dưới mắt nhìn của Kim Dung, con người thuộc các dân tộc Tứ di là con người huênh hoang, khoác lác. *Ý thiên Đồ long ký* xây dựng nhân vật Tuyền Kiếm Nam, đệ nhất danh thủ điểm huyết bằng phán quan bút của Cao Ly được Ngũ Phụng bang mời lên đánh thuê trên núi Võ Đang. Ấy vậy mà chỉ cần một mình Trương Thúy Sơn của phái Võ Đang đánh cho vài chiêu, Tuyền Kiếm Nam đã cầm đầu chạy trốn. Quan điểm dân tộc của Kim Dung trong *Liên thành quyết*, *Xạ điêu anh hùng truyện*, *Thần điêu hiệp lữ*, *Ý thiên Đồ long ký* là quan điểm dân tộc hẹp hòi.

Thế nhưng, qua những tác phẩm sau đó, dường như Kim Dung nhận ra cái nhìn sai trái của mình đối với Tứ di và ngôi bút của ông chuyển hẳn. Ông chợt thấy tất cả mọi người thuộc mọi dân tộc đều có phẩm giá như nhau, không ai có quyền nhân danh Hán tộc để

khinh khi người ngoài Hán tộc. Trong *Lục mạch thần kiếm truyện*, chính nhân vật A Châu, dòng Hán tộc, đã nói: “Làm người Trung Quốc thì chắc gì đã cao quý, làm người Khiết Đan thì chắc gì đã thấp hèn”. Ông xây dựng một loạt nhân vật Tứ đại: Gia Luật Hồng Cơ, Tiêu Phong (người Khiết Đan), Hoàng Nhan A Cốt Đả (người Mãn Châu), Cưu Ma Trí (người Thổ Lỗ Phồn), Văn Nghi công chúa (người Tây Hạ), Thục Bạch Phụng (người Bài Dy), Mộ Dung Phục (người Tiên Ty - nước Yên cũ) và cả triều đình nước Đại Lý (Đoàn Dự, Đoàn Chính Thuần, Cao Thăng Thái...). Đọc *Lục mạch thần kiếm truyện*, ta bắt gặp một hoàng đế Gia Luật Hồng Cơ trí dũng song toàn, đối đầu với ông là một Tống Triết Tôn ngu dốt và huênh hoang; một Tiêu Phong anh hùng ngay thẳng; một Hoàng Nhan A Cốt Đả kiêu hùng trên thảo nguyên. Những nhà sư ngoại quốc như Cưu Ma Trí (Thổ Lỗ Phồn), Ba La Tinh và Triết La Tinh (Ấn Độ) ban đầu đến Trung Hoa với âm mưu đen tối nhưng sau đó, họ đã “ngộ” ra và trở thành những bậc chân tu đắc đạo.

Nói cách khác, quan điểm dân tộc của Kim Dung đã chuyển biến một cách hết sức tích cực. Ông đã nhìn thấy những cái dở của bọn vua quan nhà Tống. Và cho đến khi viết *Lộc Đình ký*, thì lập trường của ông đã ngã hẳn sang triều Thanh, mặc dù dân tộc Mãn Châu mang tiếng là xâm lăng chiếm ngai vàng và “thiên hạ” của triều Minh. Ba trăm năm sau, Kim Dung đã xây dựng lại một vua Khang Hy triều Thanh thông minh, sáng suốt gấp trăm lần những vua triều Minh. Kim Dung nhận ra rằng cách cai trị của các vua Mãn tộc xuất sắc hơn cách cai trị của các vua Hán tộc. Dưới mắt

nhìn của nhà tiểu thuyết Kim Dung, cuộc khởi nghĩa *Phản Thanh phục Minh* của nhóm Thiên địa hội, cuộc bạo loạn *Hung Minh thảo Lỗ* của Ngô Tam Quế đều là những trò phá rối chính trị, vô tổ chức và tất yếu phải diệt vong. Chính sử Trung Quốc cũng cho thấy rằng không có lực lượng nông dân nào ủng hộ hai cuộc bạo loạn này; vua Khang Hy và triều đình nhà Thanh đã đại thắng. Nói cách khác, trong giai đoạn đó người Trung Quốc Hán tộc cần những ông vua biết chăm sóc dân, đem lại cho họ cơm no áo ấm chứ không cần những ông vua Hán tộc hôn ám, vô đạo. Lịch sử đào thải triều Minh để đưa những ông vua thuộc Di Địch lên cai trị Trung Hoa là một vận hành tự nhiên và tất yếu.

Sự tiến bộ trong quan điểm dân tộc của Kim Dung khi tác giả nhìn về Tứ di một phần cũng xuất phát từ sự tiến bộ, lớn mạnh tất yếu của Tứ di. Mấy ngàn năm, đất nước Trung Hoa ngủ mê trong tám chân quân chủ, đến khi họ mở mắt thức giấc thì đã thấy sức mạnh của vũ khí Tây phương kẻ bên cổ mình. Họ gọi người Nga, người Bồ Đào Nha, người Anh, người Hà Lan là Tây dương quý, Hồng mao quý. Nhưng bọn “quý” đó đã làm cho người Hán tộc kinh hoàng, ký hết hòa ước bất lợi này đến điều ước bất lợi khác. Chính Lỗ Tấn cũng tự giễu cợt Hán tộc của mình với anh chàng AQ có phép “thắng lợi tinh thần”, nó đánh mình coi như đánh bố nó vì mình là bố nó. Lỗ Tấn mổ xẻ mạnh còn Kim Dung thì mổ xẻ sâu hơn. Tứ di trong tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung chính là những con người có đầy đủ phẩm giá, quyền sống, quyền làm người như bất kỳ một người Hán tộc nào. Đó cũng chính là tính nhân văn trong tác phẩm Kim Dung.

Chương IV.

“Luật hôn nhân”

trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung

Từ 25 thế kỷ trước đây, người Trung Quốc đã quan niệm rằng gia đình là nền tảng của xã hội. Chính Khổng Tử đã phác họa ra tiến trình tu thân, tề gia, trị quốc: “Dục trị kỳ quốc giả, tiên tề kỳ gia; dục tề kỳ gia giả, tiên tu kỳ thân...” (Muốn trở thành người trị quốc, trước phải tề gia; muốn trở thành người tề gia, trước phải tu thân...). Trong khái niệm “tề gia”, bao hàm khái niệm “lập gia” - tức hôn nhân để tiến tới xây dựng gia đình.

Tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung lấy bối cảnh xã hội từ thế kỷ thứ 10 đến thời Khang Hy giữa thế kỷ thứ 17 nên những vấn đề hôn nhân, gia đình cũng được tác giả nhắc đến, dù không đậm nét. Chúng ta nhớ rằng ông tốt nghiệp cử nhân luật Đông Ngô pháp học viện (Thượng Hải) nên quan niệm hôn nhân truyền thống đã từng là những điều mà ông được học. Và chính những điều đã học đó trở thành những tình huống của những nhân vật được ông xây dựng trong tiểu thuyết võ hiệp.

Hôn nhân trong đời sống người Trung Quốc dưới các triều đại Hán, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh không chỉ thuộc phạm trù luật pháp mà còn thuộc phạm trù luân lý. Người Trung Quốc cho phép anh chị em cô cậu ruột (biểu huynh, biểu muội) có quyền yêu thương nhau và lấy nhau. Trong *Lục mạch thần kiếm truyện*, có một cặp biểu huynh, biểu muội như vậy. Đó là anh chàng Mộ Dung Phục và cô nàng Vương Ngọc Yến. Mộ Dung Phục nguyên là người gốc Tiên Ty, nước Đại Yên, con của Mộ Dung Bác. Mộ Dung Bác có cô em ruột lấy một người đàn ông họ Vương ở Giang Nam, nước Tống. Bà sinh ra Vương Ngọc Yến. Vương Ngọc Yến là một cô gái thông minh, suốt đời không đi ra khỏi nhà, chỉ biết có biểu huynh của mình là Mộ Dung Phục. Cô say mê Mộ Dung Phục và lòng thầm mơ một ngày cùng se tơ kết tóc với hấn. Nhưng tham vọng của Mộ Dung Phục rất xa: hấn tin mình võ công cao cường, có bọn trợ thủ đắc lực, có thể lên ngôi vua để phục hồi nước Đại Yên. Khi Gia Luật Hồng Cơ, vua nước Đại Liêu, đánh xuống tận Yên Kinh (Bắc Kinh ngày nay) thì giấc mơ phục quốc của Mộ Dung Phục càng thêm sôi nổi. Cho nên nghe công chúa Văn Nghi nước Tây Hạ treo bảng chiêu phu, hấn không quản ngại ngàn dặm tìm qua Tây Hạ mong lọt vào mắt xanh của công chúa, trở thành phò mã nước Tây Hạ. Mà có binh quyền nước Tây Hạ trong tay thì hấn có thể phục hồi nước Đại Yên. Thế nhưng, Vương Ngọc Yến chỉ sợ biểu ca bỏ rơi mình, chạy theo nhan sắc của công chúa Tây Hạ. Cô nhờ anh chàng đại gái, si tình Đoàn Dự phá giấc mơ của Mộ Dung Phục. Mộ Dung Phục không nghe lời cô khiến cô phải nhảy xuống giếng tự tử. Trong đáy giếng, cô gặp Đoàn Dự. Và lần đầu tiên trong đời,

Vương Ngọc Yến nhận ra rằng chỉ có anh chàng Đoàn Dự mới là người yêu thương mình, rằng Mộ Dung Phục - biểu ca của cô chỉ là một con người phù phiếm, đơn bạc. Tại đây, cô ngỏ lời thương yêu Đoàn Dự, quên mất anh chàng biểu ca.

Trong *Ý thiên Đồ long ký* cũng có một cuộc tình biểu huynh, biểu muội như vậy. Đó là cặp Vệ Bích và Chu Cửu Chân. Họ thương yêu nhau, đi đâu cũng có đôi có cặp nhưng đối xử với người khác rất tàn bạo. Kim Dung không nói rõ mối tình ấy có thành hay không. Cũng trong *Ý thiên Đồ long ký*, Trương Vô Kỵ và Hân Ly là biểu huynh, biểu muội. Lứa đôi này cũng “lỡ” yêu nhau và Trương Vô Kỵ còn hứa lấy Hân Ly làm vợ nữa. Nhưng cô Hân Ly luyện môn Thiên thủ tuyệt hộ thủ, khuôn mặt biến dạng trở thành xấu xí. Cô đành rút lui khỏi cuộc tình, trả chàng Vô Kỵ lại cho quận chúa Mông Cổ Minh Minh Đặc Mục Nhĩ tức Triệu Minh.

Chẳng những biểu huynh, biểu muội đã được yêu nhau, lấy nhau mà anh chị em đồng tông (cùng một ông tổ, một họ) tức đường huynh, đường muội cũng được lấy nhau. Trong *Lục mạch thần kiếm truyện*, Kim Dung dẫn một kịch bản tình yêu khiến người đọc muốn nín thở và cách mở nút để giải quyết vấn đề của ông cũng rất tài tình khiến người đọc cảm thấy đồng tình. Đó là mối quan hệ của Đoàn Dự với Mộc Uyển Thanh, Vương Ngọc Yến, Chung Linh.

Nguyên Đoàn Chính Thuần, em ruột của Đoàn Chính Minh, hoàng đế nước Đại Lý (Vân Nam ngày nay) là một gã vương gia trắng hoa. Lão có vợ chính thức là Thư Bạch Phụng, người dân tộc Bài Dy (thuộc bộ tộc Thiện Thiện - Shan Shan, giáp biên giới

Myanmar ngày nay). Thụ Bạch Phụng sinh ra Đoàn Dự. Đoàn Chính Thuần trong những lần về Trung Quốc, đã quan hệ với vợ của Chung Vạn Cửu sinh ra Chung Linh; với Tần Hồng Miên sinh ra Mộc Uyển Thanh; với Vương phu nhân sinh ra Vương Ngọc Yến; với Nguyễn Tinh Trúc sinh ra A Tử và A Châu... Đoàn Dự lớn lên nào hay những mối trăng hoa của cha, đã gặp gỡ và thương yêu những Mộc Uyển Thanh, Chung Linh, Vương Ngọc Yến. Đoạn tiểu thuyết khiến người đọc nín thở nhất là đoạn Đoàn Diên Khánh, kẻ đồng tông với Đoàn Chính Minh và Đoàn Chính Thuần muốn chơi khăm hoàng gia nước Đại Lý, bắt Đoàn Dự và Mộc Uyển Thanh nhốt chung vào một nhà đá. Lão nghĩ họ là anh em cùng cha khác mẹ nên trộn Âm dương hòa hợp tán, một loại thuốc kích dục thật mạnh, cho anh em Đoàn Dự - Mộc Uyển Thanh làm trò loạn luân để bọn giang hồ đến chứng kiến! Mộc Uyển Thanh không kềm chế được dục vọng nhưng Đoàn Dự nhờ thấm nhuần đạo Nho, đạo Phật nên vẫn giữ được sự trong sáng cho em gái, cho mình. Nhưng chàng trai si tình, đại gái này thật sự tuyệt vọng khi khám phá ra cả ba người mình yêu mến: Vương Ngọc Yến, Mộc Uyển Thanh, Chung Linh đều là... thân muội (em ruột).

Làm sao cứu vãn được những mối tình thơ ngây đó? Kim Dung đã giải quyết thế này: ông chuyển họ từ thân huynh, thân muội trở thành đường huynh, đường muội. Ông kể lại một chuyện hai mươi năm trước. Lúc bấy giờ, thái tử Đoàn Diên Khánh tranh ngôi vua nước Đại Lý với Đoàn Chính Minh không được, bản thân lại bị thương nặng, nằm thoi thóp dưới cội bồ đề trước một ngôi chùa ở thành Côn Minh chờ chết. Cũng thời điểm đó, bà Thụ Bạch Phụng

khám phá ra đức ông chồng Đoàn Chính Thuần của mình là một gã trắng hoa, đã chung chạ với nhiều người đàn bà khác. Mà như trên tôi đã giới thiệu, Thư Bạch Phụng là người Bài Dy (không thuộc dân tộc Trung Hoa) nên cái nhìn của bà về khái niệm tiết trinh rất... Bài Dy, nghĩa là rất thoáng. Bà nghĩ chồng mình đã ăn chả, thì bà phải ăn nem để trả thù. Và bà đã đem tấm thân cao quý của một vương phi nước Đại Lý hiến dâng cho gã đàn ông nằm thoi thóp dưới cội bồ đề kia.

Thiên Long tự ngoại

Bồ đề thụ hạ

Viễn phương hành khất

Trưởng phát Quan Âm

(Ngoài chùa Thiên Long

Dưới gốc bồ đề

Hành khất phương xa

Quan Âm tóc dài...)

Gã ăn mày Đoàn Diên Khánh đã thụ hưởng cái hạnh phúc trời cho, cái hạnh phúc mà gã chẳng bao giờ dám mơ tới. Gã không biết người áo trắng, tóc dài đến với mình, ân ái với mình là ai. Nhưng gã đã nghe bà đọc bốn câu thơ đó khi ân ái với gã. Vâng, kết quả của chuyện ân ái bên đường đó là một cậu quý tử ra đời: Đoàn Dự. Vậy thì, Đoàn Dự chỉ là con hờ của Đoàn Chính Thuần. Mà quả thật, Đoàn Chính Thuần không có gene sinh con trai. Sau này trước khi chết, bà Thư Bạch Phụng mới đọc bốn câu thơ bí hiểm đó cho Đoàn Diên Khánh nghe để Đoàn Diên Khánh nhận ra con mình. Và còn

kẻ tai dân nhỏ Đoàn Dự: “Vương cô nương, Mộc cô nương, Chung cô nương... người thích ai, cứ lấy người đó”. Nói cách khác, giữa Đoàn Dự và ba vị cô nương kia chỉ là anh em đường huynh, đường muội. Và họ có quyền lấy nhau, luật pháp và luân lý không hề cấm cản. Họ cùng chung họ Đoàn ở Vân Nam hết ráo!

Kim Dung sử dụng lăng kính pháp luật cổ điển để soi rọi quan hệ tình cảm của các nhân vật trong tiểu thuyết của mình. Ông cho biểu huynh, biểu muội; đường huynh, đường muội cứ yêu nhau và lấy nhau thoải mái. Và lúc bấy giờ cũng không ai cấm đa thê. Thậm chí một gã Đa Long dốt nát, làm chức tổng quản thị vệ triều Khang Hy cũng có đến tám vợ. Đa Long thú nhận với Vi Tiểu Bảo rằng lão yêu đệ bát phòng (bà thứ tám) nhất bởi hình như bà mới chỉ 17 hay 18 tuổi gì đó! Học theo phong cách Đa Long, Vi Tiểu Bảo có được bảy vợ: Kiến Ninh công chúa, Tô Thuyên, A Kha, Song Nhi, Tăng Nhu, Mộc Kiếm Bình, Phương Di. Đó là chưa nói chuyện lăng nhăng của gã với công chúa Nga La Tư Tô Phi Á.

Có một dạng hôn nhân khác cũng khiến cho người ta suy nghĩ, kinh dị nhưng không bị cấm cản: con làm vợ thay mẹ. Trong *Ỗ thiên Đồ long ký*, Kim Dung kể chuyện Hân Lợi Hanh phái Võ Đang đã hứa hôn với cô Kỷ Hiểu Phù phái Nga Mi. Thế nhưng, Quang minh tả sứ của Bái hỏa giáo (Manichéisme) Trung Hoa là Dương Tiêu thấy Hiểu Phù xinh đẹp, đã cưỡng hiếp Kỷ Hiểu Phù. Hiểu Phù có mang, sinh ra con gái đặt tên là Dương Bất Hối (không hối hận). Sư phụ của Hiểu Phù biết được chuyện đó, buộc Hiểu Phù phải giết con gái. Nhưng Hiểu Phù không thể giết con được. Cô bị sư phụ

đánh chết; Dương Bất Hối được Trương Vô Kỵ cứu đi, đưa về Quang Minh đỉnh (đỉnh Pobedy) trên núi Thiên Sơn, đoàn tụ với cha là Dương Tiêu. Trên đường giang hồ, Dương Bất Hối gặp Hàn Lợi Hanh. Khi ấy Hàn Lợi Hanh đã bị trọng thương nằm một chỗ và Dương Bất Hối mới chỉ 15 tuổi. Hàn Lợi Hanh thấy mặt Bất Hối, tưởng tượng ra khuôn mặt Kỷ Hiểu Phù vì cô rất giống mẹ. Dương Bất Hối đành xin phép giáo chủ Bái hỏa giáo Trương Vô Kỵ và cha mình là Dương Tiêu, được thay mẹ mình làm vợ Hàn Lợi Hanh, để chuộc lại lỗi lầm của cả cha và mẹ mình ngày xưa. Vụ làm vợ Hàn Lợi Hanh của cô khiến ngách trật có vẻ lộn xộn: bình thường, Vô Kỵ gọi cô là muội (em gái) nay phải gọi cô là thẩm thẩm (bà thím). Nhưng lộn xộn cũng chẳng sao, cuộc hôn nhân đó không vi phạm pháp luật phong kiến và đạo lý làm người.

Nói như vậy có nghĩa là nếu có một cuộc hôn nhân hợp với pháp luật mà không hợp với đạo lý thì người ta cũng cấm cản, khinh bỉ, lên án. Trong bộ *Thần điêu hiệp lữ*, Kim Dung đã xây dựng một bi kịch như vậy mà hai nhân vật chính là Tiểu Long Nữ và Dương Qua (chữ Qua còn đọc âm Quá, có nghĩa là lỗi lầm). Tiểu Long Nữ là đệ tử của phái Cổ Mộ, lớn lên trong động đá ở núi Chung Nam, hoàn toàn không hiểu những quy định của thế tục. Năm cô 17 tuổi thì chàng trai Dương Qua chạy vào Cổ Mộ để tránh sự truy sát của phái Toàn Chân. Tiểu Long Nữ coi Dương Qua là đồ đệ, đồng thời là bạn. Cô dạy cho Dương Qua học võ công; Dương Qua mặc nhiên coi cô là sư phụ của mình. Ba năm sống bên nhau, họ thậm chí thương yêu nhau, nhưng chẳng ai dám nói lên lời thương

yêu. Thế rồi Tiểu Long Nữ bị Doãn Chí Bình, đạo sĩ phái Toàn Chân cưỡng hiếp. Cô gái thơ ngây cứ nghĩ là Dương Qua đã ân ái với mình, lòng vừa thẹn vừa giận. Hai con người trẻ trung đó bôn tẩu giang hồ, hành hiệp cứu đời; giúp vợ chồng Hoàng Dung - Quách Tĩnh kháng chiến giữ thành Tương Dương, đánh quân xâm lược Mông Cổ. Nhưng cả Hoàng Dung, Quách Tĩnh và bọn hào sĩ giang hồ đều khinh bỉ mối quan hệ Dương Qua - Tiểu Long Nữ bởi vì họ cho rằng thầy trò yêu nhau là vi phạm đạo đức trăm trọng. Cả hai thầy trò đều muốn bỏ ra đi, tìm một thế giới khác không có luân lý, đạo đức kắt khe. Nhưng rồi Tiểu Long Nữ khám phá ra được sự thật về chuyện cô thất trinh với Doãn Chí Bình. Đau lòng vì cảm thấy mình không còn xứng đáng với Dương Qua, cô bỏ đi biệt. Và Dương Qua cũng bỏ ra một đời đi tìm hình bóng cô.

Lửa đôi đó yêu nhau say đắm, nồng nàn nhưng không thể sống thành vợ chồng vì hàng rào luân lý, đạo đức. Nhiều người đã ca ngợi nhà văn Kim Dung can đảm khi xây dựng mối tình của cặp nhân vật này. Ông đã lội ngược dòng nước luân lý của đạo Khổng, khi đạo Khổng đưa ra định đề “quân, sư, phụ” (vua, thầy và cha). Đó chính là bi kịch tình yêu của tuổi trẻ thời phong kiến. Lửa đôi đó về đâu, không ai biết, kể cả tác giả. Nhưng thôi, tìm hiểu sâu thêm nữa làm gì khi tiểu thuyết chỉ là sản phẩm của trí tưởng tượng.

Chương V.

Từ AQ đến Vi Tiểu Bảo

AQ xuất hiện tháng 12.1921 trong truyện ngắn *AQ chính truyện* của Lỗ Tấn. Tác giả Lỗ Tấn không nói rõ AQ sinh ngày nào nhưng dường như khi chết đi, AQ đã là một người thành niên ở độ tuổi trên 30. Họa sĩ Nhật Bản Khuất Vi Vi vẽ lại di tượng AQ, minh họa cho tác phẩm của Lỗ Tấn, rất ngộ nghĩnh: trán hói, đầu lơ thơ mấy sợi tóc, miệng rộng, khuôn mặt hơi xương xương, mặc chiếc áo có hai mảnh vá vụng về, ngang bụng thắt một sợi dây lưng lớn.

Vi Tiểu Bảo trong *Lộc Đình ký* của Kim Dung sinh ra dưới triều vua Thuận Trị, nhà Thanh. Khi Khang Hy khoảng 14, 15 tuổi thì Vi Tiểu Bảo khoảng 12, 13. Như vậy có khả năng là Vi Tiểu Bảo sinh khoảng năm 1655, 1656 gì đó tại thành Dương Châu, dù tác giả Kim Dung, vốn cũng như nhà văn tiền bối Lỗ Tấn, không muốn nói rõ “hành trạng” nhân vật của mình. Cả hai có một lý lịch mờ mờ, không rõ ràng lắm.

Về mặt chủng tộc, AQ dứt khoát là người Trung Quốc. Cái tên của AQ viết ầm ờ vì hần cũng không rõ hần tên gì. Nếu hần có được

một người em hay người anh có tên A Phú thì hẳn đã có thể là A Quý, nếu hẳn sinh vào tháng 8 âm lịch thì có thể hẳn tên là A Quế (cành quế trên cung trăng). Nhưng hẳn không có em, chẳng có anh, lại không biết sinh vào ngày tháng năm nào cho nên Lỗ Tấn thận trọng không dùng tên A Quý, A Quế hoặc mô phỏng theo kiểu viết của tiếng Anh, phiên âm thành A Quei đặt cho nhân vật mình mà chỉ dám gọi ám ớ là AQ. Chữ A “phi thường” đứng trước tên hẳn xác định hẳn là người Trung Quốc thứ thiệt vì tất cả các dân tộc khác trên thế giới đều không dùng chữ A trước tên người đàn ông một cách phổ biến như dân tộc Trung Quốc. Ngược lại, ta khó mà xác định nguồn gốc chủng tộc của Vi Tiểu Bảo. Bà Vi Xuân Phương, mẹ của Vi Tiểu Bảo, gái làng chơi ở Dương Châu, năm 20 tuổi, tiếp khách đủ cả Hán, Mãn, Mông, Tạng, Hồi. Thuật chuyện cho con nghe, bà Vi Xuân Phương cũng không biết được cha thằng bé là ai, chỉ nhớ có một gã lạt ma gốc Tây Tạng rất say mê bà, thường đến ăn nằm với bà. Bà cho rằng Vi Tiểu Bảo là một tác phẩm phối hợp của năm chủng tộc. Cái tên của Vi Tiểu Bảo cũng rất hay. Vi là cực nhỏ; Tiểu là nhỏ; Bảo là cái tốt đẹp. Cả họ tên của Vi Tiểu Bảo có thể hiểu là cái tốt đẹp nhỏ xíu xíu xiu... Vi Tiểu Bảo hơn AQ ở chỗ có một bà mẹ; ngoài ra cả hai chẳng có anh em, không có bà con thân thích. Thôi thì dầu là gốc Tây Tạng, Vi Tiểu Bảo cũng thuộc cộng đồng Trung Hoa. Cả AQ và Vi Tiểu Bảo là hai nhân vật đại biểu ưu tú Trung Hoa trong văn học Trung Hoa vậy.

Điều ngộ nghĩnh nhất của hai nhân vật này là họ không biết chữ. Họ không được học hành bởi cái học trở thành một món xa xỉ

phẩm đối với họ. Khá hơn AQ, Vi Tiểu Bảo nhận biết được chữ Tiểu trong tên của mình vì nó chỉ có ba nét nhưng bảo Vi Tiểu Bảo viết chữ ấy ra thì hẳn đành chịu thua. Hắn cũng có thiện chí muốn học mấy chục chữ để làm quan nhưng nhìn đến chữ là đầu nhức mắt hoa, tinh thần lộn xộn. Khi ký vào bản cung nhận tội, AQ chỉ có thể khoanh một khoanh tròn và dù hẳn đã đem hết tâm lực ra, cái khoanh hắn vẽ vẫn méo xệch. Lộc Đỉnh công Vi Tiểu Bảo ký hòa ước Hắc Long Giang với người Nga cũng thế. Hắn đã ráng hết sức để vẽ một cộng ở giữa, hai chấm tròn hai bên để gọi là chữ Tiểu nhưng chữ Tiểu ấy xem ra lại giống bộ phận sinh dục của đàn ông làm các quan nhà Thanh cười ồ, cho là chữ ký cổ quái. AQ thất học, mấy ngàn năm sống trong sự tăm tối, mê muội; Vi Tiểu Bảo thất học nhưng may mắn hơn, hắn đắc thủ được hai kinh nghiệm bằng vàng là thói lưu manh và tinh thần bợ dút từ kỹ viện và hoàng cung. Kết luận của nhà văn Kim Dung làm cho người đọc kinh ngạc: chỗ cao quý nhất là hoàng cung và chỗ đồi bại nhất là kỹ viện đều là hai nơi trá ngụy bậc nhất, hai nơi đào tạo ra những nhà lưu manh học và những “bợ dút đại vương” hạng siêu phàm. Khi viết ra được điều này, Kim Dung xứng đáng được phong tặng danh hiệu nhà văn trào phúng thượng hạng.

Cả AQ của Lô Tấn và Vi Tiểu Bảo của Kim Dung đều có chung một phép “thắng lợi tinh thần” vĩ đại. AQ đã từng quát mắng đối thủ: “Ông cha nhà tao bệ thế hơn nhà mày nhiều. Mày thì ra cái đồ gì”. AQ cười, chê cả xóm Vị Trang đều là thứ ngu vì chẳng ai được lên tỉnh như hắn dù lên tỉnh chỉ để trộm cắp. Có khi hắn tự tát

mình để được nghĩ mình đang tát một người khác. Có khi hắn tự phong mình là bố của kẻ khác và kẻ đánh hắn là đồ ngu, đồ tồi vì là con đánh bố. Về hình thức, hắn đánh lộn luôn luôn thua người ta, bị nắm đuôi sam, bị đập đầu sưng trán nhưng về tinh thần thì hắn thắng lợi to vì là con đánh bố. Hắn tự nhận mình là sâu, là giun để kẻ đánh hắn chỉ đánh được con sâu, con giun. Hắn tự hào vì mình là kẻ biết khinh mình hạng nhất mà “hạng nhất” là đã hơn người rồi. Vì Tiểu Bảo cũng thế. Hắn cho trên đời này nghề làm điểm như má hắn ở thành Dương Châu là một nghề lương thiện. Hắn muốn điểm hóa luôn những người hắn gặp: “Ta là tổ tiên nhà ngươi”. Trên đời này, hắn là người duy nhất dám chửi Ngọc Lâm đại sư (nhà chân tu ở chùa Thanh Lương), Hối Thông phương trượng (trụ trì chùa Thiếu Lâm), Thuận Trị Hoàng đế, thái hậu, công chúa. Hắn là người duy nhất dám đánh lộn với nhà vua, với công chúa. Cao hứng, hắn nặn ra một cái lý lịch rất trầm anh thế phiệt: Tổ phụ làm quan, bị quân Thanh kéo qua tàn sát, gia mẫu được một nhà quan ở Dương Châu nuôi dưỡng; hắn thuộc dòng dõi danh gia vọng tộc ở Dương Châu. Mười hai tuổi, hắn đã tự xưng là “lão gia”, một từ mà người già đứng đắn nhất cũng chẳng dám tự xưng. Ai mạnh hắn sợ đến vài đái ra quần, ai yếu hắn khinh, đánh ai không lại hắn đem tiền nhờ kẻ khác đánh, ai mất cảnh giác hắn lợi dụng, hành hạ được ai đến nhà tan người chết hắn khoan khoái. Chủ nghĩa thắng lợi tinh thần của Vi Tiểu Bảo hơn AQ một bậc, rộng hơn của AQ về phương pháp lập ngôn.

AQ và Vi Tiểu Bảo cùng có thói ham đánh bạc. AQ càng đánh càng thua, thậm chí có khi hắn thắng lớn nhưng bị trấn lột, mất cả

vốn lẫn lộn. Vì Tiểu Bảo ngược lại, đánh bạc là phải thắng vì hắn có nghề chơi... bạc lận. Thủ kinh của hắn vì điếu đến nỗi muốn gieo con xúc xắc ngửa ra mặt nào là có ngay mặt ấy, tất nhiên với điều kiện con xúc xắc phải được đổ thủy ngân hoặc đổ chì. Cũng nhờ đánh bạc gài anh em thái giám Ôn Hữu Phương, Ôn Hữu Đạo mà hắn được gặp mặt vua Khang Hy, đâm chết được Ngao Bái để trở thành bậc “thiếu niên anh hùng” vang danh Trung Quốc! Mà hắn cho tất cả cuộc đời đều là canh bạc: từ sinh mạng của các dưng sĩ núi Vương Ốc đến chuyện đặt tên con Hồ Đầu, Song Song; tất thảy đều được giải quyết với con xúc xắc.

AQ có một bài hát ruột: Tiểu cô sương thượng phần (Người thiếu phụ trẻ lên thăm mộ). Ngoài ra, hắn chỉ biết được vài câu hát vặt từ tuồng hát: “Tay ta cầm con roi sắt, ta đánh nhà ngươi” với một mong ước rất lãng mạn, rất mơ hồ là được “làm giặc”. Vì Tiểu Bảo cũng chỉ có một bài hát ruột - bài Thập bát mô, một bài hát dân đang ở miệt Dương Châu diễn tả 18 chỗ lỗi lồm của thân thể người phụ nữ. Hắn thuộc Thập bát mô từ nhỏ, cho đến năm 17 tuổi trở lại kỳ viện Dương Châu, hắn tóm được bảy người phụ nữ lên một cái giường rộng, buông mùng xuống và thoải mái hát: “Một ta sờ, hai ta sờ, ba ta sờ, sờ trúng cái đùi của thư thư”... Tất nhiên, về văn hóa, hắn cao hơn AQ rất nhiều: biết nghe kể chuyện sách trong *Anh liệt truyện*, thích coi hát các tuồng vui nhộn, thích nghe các thiên cổ sự. Nhưng tự trung, tuồng tích hay đòn ca, chuyện kể hay cổ sự, cái gì có tính chất tục tĩu là hắn mới khoan khoái.

Về tình yêu và tình dục, AQ của Lỗ Tấn cực kỳ nghèo nàn, lạc

hậu. Có hai lần trong đời, AQ tiếp xúc với da thịt phụ nữ: một lần coi hát, hấn véo đùi được một người đàn bà, một lần bẹo được gò má của cô sư nữ am Tĩnh Tu. Lần sau đã đem lại cho AQ một cảm giác nôn nao khó chịu đến nỗi tâm trí hấn vốn trong sáng như nước hồ thu, giờ cũng rộn rã hai tiếng “đàn bà”, đưa hấn đến hành vi quỳ xuống trước mặt vú Ngô và nói: “Tôi muốn ngủ với mình”. Chỉ một câu nói như thế mà hấn bị lão Triệu Bạch Nhân cho gia đình dân một trận, lại còn bị phạt vạ đến mấy trăm quan. Lão Tấn khám phá ra nụ cười mà rằng đàn ông Trung Quốc vốn là ông thánh ông hiền nhưng họ bị đàn bà làm cho hư việc hết ráo. Khác với AQ, Vi Tiểu Bảo “yêu” sớm, quyết liệt và lai láng. Mười ba tuổi, hấn đã nắn bóp thân thể của quận chúa Mộc Kiếm Bình, 15 tuổi, hấn đã ăn trái cấm với công chúa Kiến Ninh. Hấn chẳng biết tình yêu là gì; hấn chỉ có tình dục: có đến bảy bà vợ từ trinh nữ đến gái nạ dòng và một cô bồ người Nga, công chúa Tô Phi Á (Sophia). Hấn “làm việc” khá đến nỗi hai hỏa thương thủ người Nga báo cáo lại là công chúa Tô Phi Á ngày đêm chỉ mong nhớ “Trung Quốc tiểu hài đại nhân” mà lãnh đạm với tất cả các vương tôn, công tử ở Mạc Tư Khoa. Có thể ở *Lộc Đình ký*, Kim Dung đã thể hiện phép “thắng lợi tinh thần” của Hán tộc trên mặt trận tình dục. Vốn xưa, đời nhà Tần đã có một chàng Lao Ái, thái giám giả hiệu vang danh đến nỗi được thái hậu Triệu Cơ cưng chiều thì nay Vi Tiểu Bảo - cũng là một thái giám giả hiệu được Tô Phi Á nhớ nhung, không chừng cũng là chuyện có thực.

Chủ nghĩa khinh khi phụ nữ mới chỉ thấp thoáng trong tư tưởng của AQ thì thật sự bộc phát trong con người Vi Tiểu Bảo. Từ quận

chúa đến công chúa, hấn muốn đánh là đánh, muốn mắng là mắng. AQ chỉ mới dám khinh khi vợ của Tây giả chứ Vi Tiểu Bảo đã từng thóa mạ công chúa là “con đười non”, từng lột trần truồng công chúa ra đánh đập như tử rồi mới bảo: “Thế này thì lão gia muốn... bắt người làm vợ”. Với Vi Tiểu Bảo, bất cứ một phụ nữ nào cũng chỉ ngang hàng với gái làng chơi trong Lê Xuân viện thành Dương Châu.

Cả hai con người ấy đều là hai kẻ trộm cắp. AQ làm lụng không đủ ăn, phải bỏ xóm Vị Trang lên tỉnh tham gia một đường dây ăn trộm. Vi Tiểu Bảo thì trộm cắp, thậm chí là cướp giết ngay giữa ban ngày ban mặt. Hấn học được một bài giáo khoa về nghệ thuật làm quan do Sách Ngạch Đồ dạy: “Đừng nói nặng lắm, cũng đừng nói nhẹ lắm”. Hấn đem bài giáo khoa ấy áp dụng với Ngô Tam Quế, Ngô Ứng Hùng, Thi Lang và kiếm được mấy trăm vạn lạng. Hấn được chia của khi kiểm kê tài sản của phản thần Ngao Bái. Rồi hấn dùng cái tài sản trời cho ketch xù ấy vãi ra tứ phương, mỗi người một ít, khiến ai cũng ca ngợi hấn là bậc hào phóng đệ nhất triều Thanh!

AQ xuất hiện ở đầu thế kỷ 20 trong tác phẩm của Lỗ Tấn nhưng lại là hình ảnh cực kỳ cổ điển của con người Trung Quốc qua mấy ngàn năm. AQ là biểu tượng sinh động của một chủ nghĩa Hán tộc đầy bi kịch trước thảm họa ngoại xâm do Bất quốc liên quân gây nên. Cái buổi tranh tối tranh sáng giữa quân chủ và cộng hòa đã biến một AQ trở nên lạc lõng, xa lạ, đơn độc ngay chính trên quê hương của mình. Vi Tiểu Bảo tuy là công tước của triều Thanh nhưng lại là con người cực kỳ hiện đại. Hấn chính là hình ảnh biểu

tượng của một con người Trung Quốc bá nạp các khuynh hướng hiện đại: vừa trung thành với triều Thanh, vừa phản triều Thanh khi gia nhập Thiên Địa hội, vừa làm trụ trì chùa Thanh Lương, phó trụ trì chùa Thiếu Lâm, vừa đi bộm, cờ gian bạc lận; vừa làm tôi triều Thanh vừa gia nhập Thần long giáo chống triều Thanh, vừa cao quý lại vừa đôi bại.

Đọc *AQ chính truyện*, người ta cười buồn rồi sau đó, người ta xót thương cho số phận con người Trung Quốc. Lỗ Tấn mổ xẻ thật mạnh, mũi dao của ông chọc vào các vết thương Trung Quốc mưng mủ không thương tiếc. AQ chết trên pháp trường một cách hồ đồ. Đọc *Lộc Đình ký*, người ta cười ha hả. Kim Dung mổ xẻ thật sâu, cuộc phẫu thuật của ông thật dài hơi và ly kỳ. Vi Tiểu Bảo sống, sống nhả răng với bảy mụ vợ xinh đẹp và một gia tài kếch xù. Thế nhưng, người ta không biết hắn ở đâu trên đất nước Trung Hoa to lớn bậc nhất bậc nhì thế giới; không tìm ra được hành tung của hắn dù nơi đâu hắn cũng có mặt.

Kim Dung đã nối tiếp công việc của Lỗ Tấn khi xây dựng một kiểu mẫu người Trung Quốc trong văn học hài hước. Lại một điều là văn chương hài hước của Kim Dung lại là tiểu thuyết võ hiệp, lối cuốn, hấp dẫn người đọc từ trang đầu đến trang cuối. Từ AQ đến Vi Tiểu Bảo là một bước tiến lớn trong cái nhìn của hai thế hệ nhà văn Trung Quốc về hình tượng con người Trung Quốc, là một bước tiến lớn trong kỹ thuật tiểu thuyết và nghệ thuật hài hước Trung Quốc. Kim Dung và Lỗ Tấn quả xứng đáng được xếp vào đội ngũ mười nhà văn kỳ tài của văn học Trung Quốc.

Chương VI.

Thiên Long bát bộ và luật tục thảo nguyên

Thiên Long bát bộ là một bộ phim video nhiều tập hiện đang nổi tiếng, được nhiều người say mê, được chuyển thể từ tác phẩm tiểu thuyết của Kim Dung. Trong tiểu thuyết, *Thiên Long bát bộ* còn có tên là *Lục mạch thần kiếm truyện*. Bộ tiểu thuyết đồ sộ gồm 16 cuốn này được đặt trong bối cảnh lịch sử Trung Hoa từ đời Tống Anh Tôn (1063-1065) đến hết đời Tống Triết Tôn (1085-1099), liên quan đến những diễn biến lịch sử của bốn nước gồm Tống, Đại Lý, Tây Hạ và Khiết Đan. Trong phạm vi của bài nghiên cứu này, tôi xin giới thiệu với các bạn về đế quốc Khiết Đan và những luật tục trên thảo nguyên do đế quốc Khiết Đan quy định được Kim Dung phản ánh qua *Thiên Long bát bộ*.

Năm 936, Thạch Kính Đường, người bộ tộc Sa Đà (Chata), phò mã của nhà Hậu Đường làm trấn thủ Hà Đông, chiếm đất nhà Hậu Đường lên ngôi, mở ra nhà Hậu Tấn. Thạch Kính Đường thờ Khiết Đan như cha, cắt 16 châu thuộc đất Yên Vân (Sơn Tây và Hà Nam bây giờ, trong đó có cả thành Bắc Kinh) dâng cho Khiết Đan.

Khiết Đan trở thành một đế quốc hùng mạnh ở Đông Bắc Trung Hoa, bao gồm vùng Mãn Châu (phía Bắc) và lưu vực sông Hoàng Hà (phía Nam), vùng Nhiệt Hà (phía Tây), kéo dài đến biên giới Triều Tiên (phía Đông). Kinh đô Khiết Đan là Thượng Kinh; gọi Bắc Kinh ngày nay là Nam Kinh hay Yên Kinh (kinh đô cũ nước Yên) hay U Đô (kinh đô châu U). Vua Khiết Đan tự gọi đất nước mình là Liêu Quốc, quy tập các bộ tộc Ô Ngổ, Ba Đức, Bắc Khắc, Nam Khắc, Thất Vị, Mai Cổ Tát, Ngũ Quốc và Ô Cổ Lạc. Thuộc quốc của đế quốc Khiết Đan gồm 59 nước, trong đó có các nước lớn là Triều Tiên, Thổ Cốt Hồn, Thổ Phồn, Đột Quyết, Đảng Hạng, Sa Đà, Ba Tư, Đại Thực, Tân Giới, Hồi Cốt, Cao Xương, Tây Hạ, Vu Diên, Đôn Hoàng... Mười sáu châu Yên Vân của Trung Quốc “trả nợ” cho Khiết Đan bao gồm những châu lớn như A, Thuận, Đan, Trác, Dịch, Kế, Bình, Thuộc, Doãn, U... Liên tiếp ba triều đại Trung Quốc gồm Tấn, Tống, Chu nhiều phen chinh phạt nhưng không lấy lại được đất Yên Vân.

Người Khiết Đan sống du mục, có chữ viết và tiếng nói riêng. Khi sát nhập Yên Vân vào đế quốc, người Khiết Đan cũng viết chữ Hán và nói tiếng Hoa (tiếng Bắc Kinh - tức Quan thoại). Cho đến khi nhà Bắc Tống (960-1126) lên cai trị Trung Hoa, giữa biên giới Tống - Liêu chỉ có một con đường qua lại. Đó là Nhạn môn quan. Nhạn môn quan là một sơn đạo hiểm trở thuộc phủ Đại Đồng (Sơn Tây), được phía Trung Hoa xây làm cửa ải (quan), chỉ có bảy chim nhạn tránh tuyết hàng năm mới bay qua được. Nhạn môn quan đã để lại trong văn học Đường-Tống hàng ngàn bài thơ của các nhà

thơ cảm xúc về chinh chiến, quan ải, nỗi khổ của những mối chia ly vì chinh chiến, góp phần tạo nên trường phái Biên tái trong lịch sử văn học Trung Quốc.

Thiên Long bát bộ của Kim Dung tập trung phản ánh về vấn đề dân tộc và những xung đột chiến tranh giữa hai nước Tống-Liêu mà cái trục chính là nhân vật Tiêu Phong. Tiêu Phong nguyên là người Khiết Đan, bị đưa về Trung Quốc từ khi còn lọt lòng, lớn lên có tên là Kiều Phong, làm đến chức Bang chúa Cái Bang, một bang phái lớn nhất của võ lâm Trung Hoa. Nhưng thuộc hạ ông đã tìm mọi cách công bố cái lý lịch Khiết Đan của ông. Ông bỏ ra đi, chỉ muốn trở về bên kia Nhạn môn quan làm một người Khiết Đan bình thường săn chồn đuổi thỏ trên thảo nguyên mênh mông. Số phận đau thương đã khiến ông giết lầm người tình yêu đầu là Đoàn A Châu (dân tộc Hán) và phải bảo bọc cho Đoàn A Tử, em ruột A Châu. A Tử bị thương nặng, ông phải bồng cô ra Trường Bạch Sơn tìm xương cọp, mật gấu, nhân sâm chữa trị cho cô. Rồi ông kết bạn với Hoàng Nhan A Cốt Đả, người bộ lạc Nữ Chân (Mãn Châu - sau thành hoàng đế của Kim Quốc) và bắt được Gia Luật Hồng Cơ, hoàng đế của Đại Liêu, người đứng đầu các bộ tộc Khiết Đan...

Là một nhà tiểu thuyết tốt nghiệp cử nhân luật, Kim Dung đã nghiên cứu và đưa vào *Thiên Long bát bộ* những luật tục trên thảo nguyên, diễn ra giữa hai đế quốc Tống-Liêu. Kiến thức về luật tục học của ông rất phong phú, điều mà ta khó tìm thấy trong tác phẩm văn chương và lịch sử của bất kỳ một tác giả Trung Hoa nào khác.

Đối với người đàn ông Khiết Đan, luật tục buộc phải xâm hình

con chó sói (lang hình) lên ngực từ thuở sơ sinh. Hình con chó sói chứng tỏ nguồn gốc dân tộc Khiết Đan của người mang nó, thay vì giấy thông hành hay sơ yếu lý lịch. Người đàn ông Khiết Đan nhận ra nhau khi cởi ngực áo khoe hình con sói xanh. Ngay đến khi bị quân lính nhà Tống giết, họ cũng cởi áo ra, hướng về phương Bắc, hú lên những tiếng như sói tru trước khi từ giã cuộc sống. Chính Tiêu Phong cũng có một hình sói xanh trước ngực như vậy và đến năm 30 tuổi, ông mới biết mình thuộc dân tộc Khiết Đan.

Hai nước giao tranh trên trăm năm, người nước này tỏ ra khinh bỉ người nước kia và ngược lại. Người Tống gọi người Khiết Đan là bọn chó Liêu (Liêu cẩu); người Khiết Đan gọi người Tống là bọn heo Tống (Tống trư). Quân lính hai bên tha hồ thâm nhập biên giới cướp bóc tài vật, gia súc; bắt bớ đàn bà trẻ con. Những gì cướp được, bắt được với quân Tống thì phải trình lên tướng chỉ huy để được thưởng, với quân Liêu thì được hưởng trọn. Đó là luật tục chiếm hữu, được hai bên gọi bằng một thuật ngữ rất nhẹ nhàng: kiếm lương thảo. Không biết bao nhiêu phụ nữ và trẻ em đã bị chiếm đoạt tình dục, bị buộc làm nô lệ và vùi thân xung quanh Nhạn môn quan.

Tuy nhiên, không phải ai bị bắt cũng bị giết. Muốn khỏi bị giết, phải có thực kim. Trên thảo nguyên, có luật tục đưa tiền bạc, tài sản chuộc mạng; số tiền bạc tài sản lớn hay nhỏ là do đôi bên trả giá thương lượng nhau. Người Khiết Đan tuân thủ tuyệt đối luật tục này. *Thiên Long bát bộ* của Kim Dung có đoạn thuật lại Tiêu Phong và A Cốt Đà đi săn, tình cờ bắt được một người Khiết Đan mặc áo

hồng rất sang trọng. Người ấy thương lượng với Tiêu Phong, xin trả 3 xe vàng, 30 xe bạc, 300 con ngựa quý. Phả Lạp Thục, cha của A Cốt Đả, đề nghị Tiêu Phong đòi gấp 10 lần: 30 xe vàng, 300 xe bạc, 3000 con ngựa quý. Tiêu Phong thương người dân ông Khiết Đan anh hùng, buông tha y mà không đòi một khoản thực kim nào. Một thời gian sau, người ấy đem tặng cho Tiêu Phong 5000 lượng vàng, 50.000 lượng bạc, 1000 trâu béo, 5000 cừu, 3000 ngựa quý. Hóa ra, kẻ bị bắt và được Tiêu Phong tha mạng chính là đương kim hoàng đế Đại Liêu, tên thật là Gia Luật Hồng Cơ. Hồng Cơ về đến Thượng Kinh rồi, vẫn giữ lời hứa đem thực kim qua bộ tộc Nữ Chân trả cho Tiêu Phong dưới dạng quà tặng.

Như trên đã giới thiệu, Khiết Đan có văn tự riêng, lại biết luôn cả tiếng Hoa. Thế nhưng, đối với người Khiết Đan, một lời hứa còn nặng hơn cả chục tờ hòa ước được viết bằng văn tự. Luật tục Khiết Đan đặt ra khẩu ước (hứa miệng) và triệt để trung thành với lời hứa này. Khi Gia Luật Hồng Cơ lên ngôi hoàng đế Đại Liêu thì Triệu Hú cũng đang ở ngôi hoàng đế Đại Tống (1085-1099). Trong *Thiên Long bát bộ*, Kim Dung thuật chuyện Gia Luật Hồng Cơ bị Đoàn Dự (hoàng đế Đại Lý) và Hư Trúc (phò mã Tây Hạ) bắt giữ ngay tại Nhạn môn quan, trước mặt Tiêu Phong. Thay vì đòi khoản thực kim, Tiêu Phong, Đoàn Dự và Hư Trúc chỉ mong Gia Luật Hồng Cơ cho một khẩu ước: “Suốt đời, Gia Luật Hồng Cơ sẽ không đem binh mã vượt Nhạn môn quan để lấn áp Tống triều”. Gia Luật Hồng Cơ đã bẻ đôi mũi tên chó sói, đọc khẩu ước đó trước sự chứng kiến của quân Liêu, quân Tống, Đoàn Dự, Hư Trúc và Kiều Phong. Và quả

nhien, trong suốt giai đoạn Hồng Cơ trị vì, không một người Khiết Đan nào vượt qua Nhạn môn quan để gây chiến với quân nhà Tống.

Còn một luật tục khác xem ra rất dã man. Đó là luật tận sát. Trong *Thiên Long bát bộ*, Kim Dung thuật lại cuộc binh biến trong nội tình Khiết Đan: Gia luật Trọng Nguyên và con trai là Gia Luật Viết Lỗ Cổ nổi loạn; chiếm ngôi của Gia Luật Hồng Cơ. Tướng sĩ hai bên đánh nhau, xác nằm chật cả thảo nguyên, trong đó còn rất nhiều người bị thương rên la thảm khốc. Thay vì đem những kẻ bị thương về cứu chữa, mỗi bên lại có một toán quân áo đen cầm vũ khí ra trận giết hết những thương binh bên mình. Giết xong, hai toán quân áo đen lại đánh nhau thêm một trận cuối. Thảo nguyên Khiết Đan thật đau thương: chỉ có người chiến thắng lãnh lạn mới được coi là chiến binh. Kẻ chiến thắng nào bị thương vẫn phải chịu chết, không phải dưới vũ khí của kẻ thù mà là dưới vũ khí của đồng đội mình. Đối với dân tộc Khiết Đan, người chiến thắng mới là anh hùng, mới là người có chính nghĩa.

Kim Dung là người Hán tộc. Người Hán tộc vẫn tự cho phép coi mình là một chủng tộc cao quý, gọi các dân tộc bốn phương là mọi rợ. Họ luôn luôn tỏ ra khinh bỉ các dân tộc lân bang. Nhưng qua *Thiên Long bát bộ*, Kim Dung nhận ra một điều: quân đội các bộ tộc Khiết Đan và Nữ Chân kiêu dũng, thiện chiến và không tàn bạo như quân đội của Tống triều, phẩm chất nhân ái bao dung của “con chó Khiết Đan” Tiêu Phong vượt xa những lãnh tụ võ lâm Trung Hoa cao quý. Rõ ràng, quan điểm dân tộc của ông rất tiến bộ. Tất nhiên, sau này những cộng đồng Khiết Đan, Nữ Chân, Mãn

Châu, Thổ Phồn, Đột Quyết... đều sát nhập vào cộng đồng Trung Hoa, không người Hán tộc nào dám mạt sát họ là man di mọi rợ nữa. Điều đó phản ánh một quan điểm chính trị hơn là một nhận thức nhân bản xuất phát từ phẩm giá làm người.

Chương VII.

Bang giao Tống-Liêu nhìn qua Thiên Long bát bộ

Ở thời điểm năm 1063, Liêu tức Khiết Đan đã trở thành một đế quốc hùng mạnh tại vùng Đông Bắc Trung Hoa. Người Khiết Đan sống du mục, kinh tế chủ yếu là chăn nuôi và trồng trọt, có ngôn ngữ riêng, văn tự riêng. Khi sát nhập Yên Vân vào đế quốc, người Khiết Đan có thêm tiếng Hoa làm chuyển ngữ. Biên giới Tống-Liêu kéo dài mấy ngàn dặm, trong đó con đường xung yếu nhất là Nhạn môn quan, một sơn đạo hiểm trở thuộc phủ Đại Đồng, Sơn Tây. Nhạn môn quan là con đường chinh chiến, đã từng là bãi chiến trường núi xương sông máu giữa hai dân tộc Tống-Liêu từ năm 960 đến năm 1126, đã để lại trong lịch sử văn học Trung Hoa hàng ngàn bài thơ mang màu sắc biền tái đau thương...

Thiên Long bát bộ hư cấu một nhân vật anh hùng Khiết Đan là Tiêu Phong. Tiêu Phong bị bắt về nước Tống từ thuở nhỏ, đến năm 30 tuổi, trở thành Bang chúa Cái bang, thống lãnh quân hùng Cái bang Tống triều chống lại người Khiết Đan. Ông bị bọn thuộc hạ tố cáo lý lịch gốc người Khiết Đan, phải bỏ nước Tống trở về nước

Liêu. Tại đây, ông kết bạn với Hoàng Nhan A Cốt Đả, người bộ tộc Nữ Chân (sau này là vua của Kim Quốc - tức Mãn Châu); rồi kết bạn cùng Gia Luật Hồng Cơ, hoàng đế nước Đại Liêu. Ông được Hồng Cơ phong làm Nam Viện đại vương trấn thủ Nam Kinh (tức Bắc Kinh), cai trị 16 châu Yên Vân, chờ ngày đánh qua Nhạn môn quan, tiêu diệt triều Tống.... Gia Luật Hồng Cơ là một ông vua đầy hùng tâm tráng chí của đế quốc Khiết Đan, một nhân vật có thực được nhắc đến rất nhiều trong Tống sử. Ông nội của Gia Luật Hồng Cơ lên ngôi làm Đại Liêu hoàng đế, xưng là Thánh Tôn. Thánh Tôn tên thật là Gia Luật Song Tự, có hai con trai: Gia Luật Tôn Châu hiền hòa trung hậu và Gia Luật Trọng Nguyên kiêu dũng, giỏi binh cơ. Thánh Tôn qua đời, truyền ngôi cho Tôn Châu nhưng hoàng hậu Đại Liêu lại yêu con thứ Trọng Nguyên nên sửa chiếu chỉ, định lập Trọng Nguyên lên làm hoàng đế. Trọng Nguyên thương anh ruột, nói rõ âm mưu ấy cho anh hay. Tôn Châu lên ngôi, cảm kích tấm lòng của em, lập Trọng Nguyên lên làm Hoàng thái đệ, định sẽ truyền ngôi vua cho em. Tôn Châu lên ngôi, hiệu là Hưng Tôn. Hưng Tôn chết, ngôi vua không được truyền cho Hoàng thái đệ Trọng Nguyên mà truyền cho con ruột là Hồng Cơ. Gia Luật Hồng Cơ phong chú Trọng Nguyên làm Thiên hạ bình mã Đại nguyên soái, phong con Trọng Nguyên là Gia Luật Viết Lỗ Cổ làm Sở vương, tước hiệu Nam Viện đại vương. Hai cha con Trọng Nguyên và Viết Lỗ Cổ thừa dịp Hồng Cơ đi xuống phương Nam đã làm cuộc binh biến chiếm ngôi vua Đại Liêu.

Đó là chính sử của Đại Liêu. Trong *Thiên Long bát bộ*, Kim

Dung để cho nhân vật Tiêu Phong giúp Gia Luật Hồng Cơ dẹp tan cuộc binh biến, bắt được Trọng Nguyên, Viết Lỗ Cổ tự vẫn chết. Gia Luật Hồng Cơ phong Tiêu Phong làm Nam Viện đại vương, cai quản phần đất Yên Vân...

Cũng ở thời điểm này, Triệu Hú, một gã thiếu niên mới mười tuổi, lên ngôi làm vua ở Nam triều tức Tống Triết Tôn (1085-1099). Trước đời Triệu Hú, các vua Tống đã áp dụng Biến pháp của Tể tướng Vương An Thạch (thường được gọi là phe Tân đảng) với những phép Thanh miếu, Bảo mã, Bảo giáp tạo nên một nền cai trị khác. Khi Triệu Hú lên ngôi, bà Cao thị là Hoàng thái hậu buông rèm nhiếp chính chín năm, áp dụng đường lối chính trị khoan hòa của Tư Mã Quang (thường được gọi là phe Cựu đảng) không gây chiến tranh, phòng thủ nghiêm ngặt, chờ cho Liêu quốc đại biến. Tư Mã Quang là tác giả của bộ *Tự trị thông giám*, cuốn sách đúc kết kinh nghiệm thịnh suy của cả ngàn năm xây dựng các đế chế Trung Hoa trước đó. Chính đường lối khoan hòa của Cao thị đã làm cho đế quốc Khiết Đan phải nể sợ. Tể tướng nước Liêu khen Hoàng thái hậu: *“Từ khi Thái hậu Đại Tống buông rèm nghe chính sự, chiêu nạp danh thần, bài trừ chính trị hà khắc, trong suốt chín năm triều đình hưng thịnh, trăm họ yên vui”*. Thế nhưng, gã Triệu Hú là một ông vua hiếu chiến. Khát vọng của Triệu Hú là được làm một ông vua thực sự, đánh nhau với Liêu Quốc. Cho nên khi Cao thị vừa băng hà, Triệu Hú đã áp dụng ngay các Biến pháp của phe Tân đảng, tin dùng bọn nội giám Nhạc Sĩ Tuyển, Lưu Duy Giản, Lương Tông Chánh, triệt hạ phe Cựu đảng. Năm 1093, Triệu Hú giáng

chức Đại học sĩ Tô Thức (Tô Đông Pha), đưa Tô đi làm Tri phủ Định Châu. Khi ra đi, Tô Thức dâng biểu có đoạn: “Hạ thần e rằng hành động cấp tiến chỉ là tấm lòng nông nổi của những người vụ lợi, nên xin dâng bản tâu này, kính mong bệ hạ thận trọng canh cải tân pháp thời phúc cho xã tắc và may cho thiên hạ vậy”. Triệu Hú giận, giáng luôn Tô Triệt, Đoan minh Đại học sĩ đi làm Tri phủ Nhữ Châu. Đại thần Phạm Tô Vũ đưa lời can gián: “Hán, Đường mất nước cũng do nhà cầm quyền bắt dân phải lao vào cuộc xây dựng to tát, không được nghỉ ngơi. Những kẻ vì lợi nhỏ mà gây oán hờn cho quốc dân thì dù có đa hình khu trục cũng chưa đủ để tạ tội với trăm họ”.

Trong tiểu thuyết *Thiên Long bát bộ*, Kim Dung thuật lại đoạn Cao thái hậu qua đời và những lời nói huênh hoang của Tống Triết Tôn Triệu Hú. Quân tình báo Khiết Đan đã nắm được tất cả diễn biến xấu đó trong nội bộ Tống triều và báo cáo về Thượng Kinh cho Đại Liêu hoàng đế Gia Luật Hồng Cơ. Hồng Cơ đánh giá đây là cơ hội ngàn năm một thuở để xâm lăng Tống triều. Nhà vua xuống ngay Nam Kinh, ra lệnh cho Nam Viện đại vương Tiêu Phong lập tức cử binh mã tràn qua Nhạn môn quan phạt Tống. Thế nhưng, Tiêu Phong tha thiết yêu hòa bình, không muốn cho muôn dân hai nước lâm than vì chinh chiến. Ông chống lệnh hành quân, bị bắt nhốt rồi được cứu thoát. Cuối cùng, ông đã xin Đại Liêu hoàng đế được một khẩu ước: “Vĩnh viễn không đưa quân tràn qua Nhạn môn quan đánh xuống phương Nam”. Khẩu ước đó bảo đảm cho Tống - Liêu gần 30 năm thanh bình. Và Tiêu Phong tự tử!

Trong chiến tranh cổ điển, Tống - Liêu đều triệt để áp dụng chủ trương binh bất yếm trá. Thấy bọn quan binh triều Tống tham lam, Gia Luật Hồng Cơ ra lệnh cho Gia Luật Mạc Ca, Nam Viện khu mật sứ cai quản Nam Kinh, tung vàng bạc châu báu ra mua chuộc, chia rẽ, khuynh loát đội ngũ quan quân Tống triều. Phủ Khai Phong, kinh đô nhà Tống, trở thành miền đất béo bở cho đội quân tình báo Liêu quốc thâm nhập và hoạt động. Chính vì thế, nội tình của Tống triều bị người Khiết Đan nắm rõ như trong lòng bàn tay, ngược lại đối với nội tình Khiết Đan, vua quan nhà Tống như người mơ ngủ.

Người Tống thuộc Hán tộc, tự cho mình là chủng loại cao quý, gọi các quốc gia lân bang là bốn rợ (Tứ di), gọi người Khiết Đan là bọn chó Liêu (Liêu cẩu). Ngược lại, bốn rợ cũng chẳng coi Hán tộc ra gì, người Khiết Đan gọi quân dân triều Tống là bọn heo Tống (Tống trư). Quân sĩ đôi bên đánh vào biên giới của nhau, đốt nhà, hãm hiếp bắt bóc phụ nữ, tước đoạt tài vật. Cả đôi bên đều gọi đó là cách “kiếm lương thảo”. *Thiên Long bát bộ* của Kim Dung phản ánh sinh động hiện thực lịch sử đau thương đó giữa hai dân tộc Tống-Liêu. Tác giả không đối chiếu, so sánh nhưng dường như qua *Thiên Long bát bộ*, ta thấy được bọn Liêu cẩu anh hùng, đàng hoàng, ngay thẳng hơn bọn Tống trư.

Chương VIII.

Khi Vi Tiểu Bảo

hành sự hóa quan hệ dân sự

Xưa nay, quan hệ tiền bạc nợ nần trong dân gian là quan hệ dân sự. Thời vua Khang Hy triều nhà Thanh, việc vay mượn tiền bạc được xếp vào việc hộ. Để phân biệt việc hộ và việc hình, người Trung Hoa có câu ngạn ngữ: “Giết người thì đền mạng, vay nợ phải trả tiền”. Thế nhưng, một vị quan lớn của triều Khang Hy - Vi Tiểu Bảo, Đệ nhất Lộc Đỉnh công, Phủ Viễn đại tướng quân - một nhân vật bất học vô thuật tự nhận mình là lưu manh hạng nhất, đã ngồi trên vương pháp, sẵn sàng hành sự hóa những quan hệ dân sự. Qua ngòi bút của Kim Dung trong bộ tiểu thuyết *Lộc Đỉnh ký*, ta thấy cách cho vay nợ và đòi nợ của Vi Tiểu Bảo khá lạ lùng. Kim Dung hình tượng hóa vấn đề là “tiền vô cổ nhân, hậu vô lai giả” (trước, không có người xưa nào; sau, cũng chẳng có được người giống như vậy).

Nguyên Vi Tiểu Bảo say mê nhan sắc của A Kha, muốn lấy A Kha làm vợ. Thế nhưng A Kha lại say mê Trịnh Khắc Sảng, con trai thứ của Diên Bình quận vương Trịnh Kinh, một lãnh tụ chống nhà

Thanh tại Đài Loan. Vi Tiểu Bảo gặp Trịnh Khắc Sảng lần đầu tiên tại phủ Hà Giang và y rất ghen tức với Trịnh Khắc Sảng. Trịnh Khắc Sảng phong lưu anh tuấn, lại là con của một quận vương cai trị đất Đài Loan trong khi Vi Tiểu Bảo mặt dơi tai chuột, lại chỉ là con của một kỹ nữ ở thành Dương Châu. Thấy sư tử A Kha cứ bám lấy Trịnh Khắc Sảng, Vi Tiểu Bảo ra lệnh cho các anh em Thiên Địa hội của mình đón đánh Trịnh Khắc Sảng một lần thừa sống thiếu chết. Trịnh Khắc Sảng vẫn đeo đuổi A Kha, Vi Tiểu Bảo ra lệnh cho bọn Ngự tiền thị vệ thuộc đạo Kiêu kỵ doanh chặn đánh Trịnh Khắc Sảng một lần thứ hai, buộc Trịnh Khắc Sảng phải làm văn tự thiếu nợ một vạn lạng bạc, bọn chúng mới chịu tha ra. A Kha và Trịnh Khắc Sảng vẫn quyến luyến với nhau. Vi Tiểu Bảo nhờ đến bọn Mộc vương phủ ở Vân Nam đánh Trịnh Khắc Sảng một lần nữa, buộc y phải làm lễ cưới với một cô gái xấu hoắc (nguyên là trai giả gái) và vu cáo Trịnh Khắc Sảng đã cưỡng dâm cô gái ấy! Trịnh Khắc Sảng phải nhờ đến sự phụ của y là Phùng Tích Phạm mới cứu nổi y đưa về Đài Loan an toàn.

Vi Tiểu Bảo bị vua Khang Hy giam lỏng trên Điều ngư đài đảo giữa biển Liêu Đông với một cái tước hàm hồ là Thông Cật bá. Lúc này y đã có sáu mụ vợ là Tô Thuyên, Song Nhi, Mộc Kiếm Bình, Phương Di, Tăng Nhu và Kiến Ninh công chúa. Thế rồi sư phụ y là Trần Cận Nam, Phùng Tích Phạm, Trịnh Khắc Sảng và cả A Kha đều trốn tránh việc truy bắt của triều đình Khang Hy, trôi dạt đến Điều ngư đài đảo. Nơi đây Trịnh Khắc Sảng vũ nhục Trần Cận Nam và đâm chết ông. Vi Tiểu Bảo bắt được Trịnh Khắc Sảng nhưng nhớ

lời thầy dặn, y không giết Trịnh Khắc Sảng. Trịnh Khắc Sảng đem A Kha gán nợ cho Vi Tiểu Bảo. Vi Tiểu Bảo chặt đứt một ngón tay của Trịnh Khắc Sảng, buộc hắn phải viết văn khế thiếu nợ ba trăm vạn lạng bạc. Trịnh Khắc Sảng cứ viết đại văn khế, một là để kiếm đường sống, hai là hắn hy vọng không bao giờ Vi Tiểu Bảo có thể đòi nợ hắn được. Không ngờ văn khế mượn nợ đó lại trở thành tai vạ với hắn về sau.

Khang Hy bình định đảo Đài Loan; Trịnh Khắc Sảng dẫn toàn quân ra đầu hàng nhà Thanh. Hắn được phong Hải Trừng công; Phùng Tích Phạm được phong Trung Thành bá. Thực sự đây một đòn phép chính trị của Khang Hy đã được Lang Viên ghi rõ trong *Thanh sử cảo*: bình định Tam phiên (Ngô Tam Quế, Thượng Khả Hỷ, Cảnh Tinh Trung), thu phục Mông Cổ và Tây Tạng, thu hồi Đài Loan, ổn định bên trong để rảnh tay đối phó với nạn xâm lăng của người Nga La Tư tại biên giới ba tỉnh Đông Bắc. Tuy được phong tước công nhưng Hải Trừng công Trịnh Khắc Sảng chỉ là hàng thần lơ lảo, của cải hắn đục khoét từ Đài Loan đem về Bắc Kinh đã vơi quá nửa vào túi bọn quan lại trong triều đình. Trong khi đó, Vi Tiểu Bảo được phong Đệ nhất Lộc Đình công, Phủ Viễn đại tướng quân, có công bình định giặc Nga La Tư và ký kết hiệp ước bất tương xâm với người Nga tại Hắc Long Giang, thu về cho Trung Hoa thêm tám chục vạn dặm vuông ở bờ Nam sông Ngạch Nhĩ Cổ Lạp và Hắc Long Giang. Nghe tin, Khang Hy phong cho hàng thần Trịnh Khắc Sảng tước công, Vi Tiểu Bảo vừa ghen tức lại vừa nhớ lại mối thù giết thầy ngày xưa. Hắn đem các thứ văn khế mượn nợ của Trịnh

Khắc Sảng ra giao cho bọn thị vệ Kiều ky doanh, Tiền phong doanh nhờ bọn này đi... đòi nợ. Ngự tiền thị vệ Đô tổng quản Đa Long nhận lệnh của Vi Tiểu Bảo, buộc Trịnh Khắc Sảng đem món nợ ba trăm mười vạn lạng bạc viết ra thành những giấy nợ nhỏ một ngàn lạng, hai ngàn lạng rồi chia cho thị vệ đi đòi.

Từ đó, Hải Trưng công phủ của Trịnh Khắc Sảng ngày nào cũng có khách đến... đòi nợ. Bọn quan binh dưới trướng của Khang Hy vốn rất hống hách, lại dựa hơi Phủ Viễn đại tướng quân Vi Tiểu Bảo, sáng chiều thi nhau đòi nợ Trịnh Khắc Sảng. Trịnh Khắc Sảng ngậm bồ hòn làm ngọt đành phải đem hết mọi thứ ngân phiếu, đồ trang sức, bảo vật trong nhà ra trả nợ. Lần sau cùng, Vi Tiểu Bảo dẫn Đa Long đến phủ Trịnh Khắc Sảng. Hắn thấy Trịnh Khắc Sảng mặt mày ủ dột, tóc đã bạc thì mừng hơn cả đòi được nợ. Hắn chụp mũ Trịnh Khắc Sảng là muốn lên làm Đài Loan vương, sẽ đem binh vào nội địa để giết hết những gì gọi là Mãn Thanh, Thát Đát khiến Trịnh Khắc Sảng sợ đến tháo mồ hôi. Hắn còn ra lệnh bắt giữ Trịnh Khắc Sảng; may mà Đa Long biết luật, phải đưa lời can gián.

Thấy chủ mình bị vũ nhục, Phùng Tích Phạm hăm dăng cáo trạng lên Khang Hy. Vi Tiểu Bảo nghe hắn hăm, lòng cũng có ý sợ. Lần này, Vi Tiểu Bảo thu được năm vạn bốn ngàn ba trăm lạng (tiền ngân phiếu), lại lấy được một mớ nữ trang. Tổng số mà Trịnh Khắc Sảng trả được cho Vi Tiểu Bảo trên hai trăm vạn lạng. Hắn chia cho bọn thị vệ đúng một trăm vạn lạng để xài chơi, gọi là chi phí cho công đi đòi nợ (thảo trái phí). Nhưng hắn vẫn nom nớp lo sợ chuyện Phùng Tích Phạm hăm dăng cáo trạng. Trong đêm ấy, hắn ra lệnh

cho Đa Long cho hai thủ lĩnh thị vệ Trương Khang Niên, Triệu Tề Hiền mạo xưng là người của Thái Đô thống ở Tiền Phong doanh đi bắt Phùng Tích Phạm về đánh đập gần chết. Hắn lại ngầm cho người đi báo với vợ lớn của Thái Đô thống là họ Thái có vợ nhỏ thứ tám tại hẻm Điềm Thủy Tinh ở Bắc Kinh. Đêm ấy, vợ của họ Thái dẫn một toán đàn bà đi đánh ghen. Lão Thái phải dẫn người đi cứu cô vợ nhỏ. Vì Tiểu Bảo lại sai Đa Long đi giúp cứu vợ nhỏ lão Thái...

Sáng hôm sau, Vi Tiểu Bảo nhận lệnh của vua Khang Hy phải đi làm giám trảm, thi hành án tử hình đối với Mao Thập Bát. Mao Thập Bát là một dũng sĩ phản Thanh phục Minh, có công đưa Vi Tiểu Bảo lên Bắc Kinh. Hắn nghĩ cách cứu Mao Thập Bát khỏi cái chết bằng cách lấy Phùng Tích Phạm thay vào. Hắn cho thân binh làm một nhà rạp hai ngăn ở pháp trường của Thái Thị. Rồi hắn sai thân binh dẫn Mao Thập Bát ra cho Đa Long nhận diện đúng là khâm phạm của triều đình. Đa Long xác nhận xong, hắn đưa ra cho Đa Long xem một tập khăn tay thêu những bức Xuân cung đồ. Xuân cung đồ là những bức thêu hình ảnh nam nữ giao phối nhau nhằm thỏa mãn thói thị dâm của bọn quan lại, bọn nhà giàu thời Minh - Thanh. Khi Đa Long dán mắt vào xấp Xuân cung đồ, Vi Tiểu Bảo cho thân binh tráo Mao Thập Bát vào nhà rạp, đưa Phùng Tích Phạm vào pháp trường. Hắn ra lệnh chém tử tội rồi liệm xác khâm phạm vào áo quan...

Không ai biết được những âm mưu của Vi Tiểu Bảo ngoài vua Khang Hy. Nhà vua giao cho hắn điều tra vụ mất tích của Phùng Tích Phạm. Hắn dàn một màn kịch: cho gã chăn ngựa của Phùng

Tích Phạm dẫn một cô hầu của họ Phùng là Lan Hương ra đi. Ông hắt đem xác Phùng Tích Phạm vào phủ họ Phùng, kiếm một cái dao phay cở làm hung khí gây án. Bọn quan viên điều tra vụ án biết rằng họ Phùng đã bị giết nhưng vết chém là vết do cương đao gây ra chứ không thể là dao chày cở.

Có thể coi vụ Vi Tiểu Bảo giết người bịt miệng, đòi nợ Trịnh Khắc Sảng là một điển hình của chuyện hình sự hóa các quan hệ dân sự. Kim Dung viết những tình tiết này với một bút pháp thật lôi cuốn, hấp dẫn. Rõ ràng là vương pháp của triều Thanh đã bị một gã tiểu lưu manh bẻ cong queo. Hắn làm được việc đó là nhờ có một đám thủ hạ thân tín mà đồng tiền đã trở thành quyền lực sai khiến. Bản tâm của Khang Hy cũng chẳng muốn những gã như Phùng Tích Phạm còn sống trên đời. Hai “chí lớn” gặp nhau, một cao một thấp. Cái chết của Phùng Tích Phạm khiến người ta ngậm ngùi khi nghĩ đến số phận đen tối của hàng triệu người Trung Hoa dưới các chế độ quân chủ kéo dài trên ba ngàn năm.

Chương XI.

Lý Tự Thành **Chính sử và tiểu thuyết**

Trong bộ tiểu thuyết võ hiệp *Lộc Đình ký*, Kim Dung đã dành ít nhất ba chương nói về nhân vật Lý Tự Thành. Trong chính sử Trung Quốc, Lý Tự Thành là một nhân vật có thực, đã từng làm triều Minh sụp đổ. Xung quanh nhân vật này, có khá nhiều huyền thoại ly kỳ...

Lý Tự Thành, người huyện Mễ Chi, tỉnh Thiểm Tây. Ông sinh năm 1606, dưới triều nhà Minh, còn có tên là Lý Sấm. Đời vua cuối cùng của triều Minh, Sùng Trinh hoàng đế, là một hôn quân nhu nhược, đắm say sắc dục. Ở miền Đông Bắc Trung Quốc, dân tộc Mãn Châu dựng lên triều Thanh, có tham vọng vượt Sơn Hải quan tiến đánh Trung Quốc. Loạn lạc nổi lên khắp nơi, Lý Tự Thành cũng dựng cờ khởi nghĩa tại Thiểm Tây. Đây là cuộc khởi nghĩa nông dân, có quy mô tầm cỡ nhất dưới thời Sùng Trinh hoàng đế.

Trong *Lộc Đình ký*, Kim Dung mô tả Lý Tự Thành là “một vị lão tăng thân hình cao lớn... tay cầm thiền trượng... Vị lão tăng này mặt vuông, dưới cằm có hàm râu xanh, mục quang loang loáng như

điện, lộ vẻ uy mãnh phi thường... Lão đứng trước cửa đồ sộ như một trái núi nhỏ, tướng mạo như hùm beo sư tử, khí thế đủ làm cho người ta phát sợ...”. Kim Dung cũng cho biết con người của Lý Tự Thành nhiều lông lá, tiếng nói rồn rảng, khi ngủ ngáy rất dữ dội. Nhưng văn chương tiểu thuyết thì bao giờ cũng là văn chương tiểu thuyết. *Minh sử* cho biết Lý Tự Thành bị mù một mắt. Con mắt ấy bị mù là do mũi tên của tướng Minh - Trần Vinh Phúc bắn vào khi Lý Tự Thành đánh vào Biện Lương (phủ Khai Phong).

Lý Tự Thành khởi nghĩa năm 1637, tự xưng là Phụng thiên xướng nghĩa đại nguyên soái. Cuộc khởi nghĩa của Lý Tự Thành gắn liền với huyền thoại về một đại mỹ nhân thời Mạt - Minh Trung Quốc. Tên người phụ nữ ấy là Trần Viên Viên.

Trần Viên Viên là một danh kỹ đất Tô Châu, hát hay đàn giỏi, nhan sắc cực kỳ diễm lệ, được bọn quan lại và phú hào Tô Châu phong làm đệ nhất đại mỹ nhân. Năm 1640, Sùng Trinh hoàng đế say mê quý phi họ Điền mà xao lãng hoàng hậu họ Chu. Cuộc chiến tranh lạnh xảy ra giữa Chu hoàng hậu và Điền quý phi. Chu quốc trượng về Tô Châu mua Trần Viên Viên, tiến vào cung hầu hạ Sùng Trinh hoàng đế để nhà vua quên bớt Điền quý phi. Sùng Trinh hoàng đế gần gũi với Viên Viên một thời gian rồi cho bà ra ở lại tại tư dinh Chu quốc trượng. Viên đại tướng Ngô Tam Quế gặp Trần Viên Viên thì say đắm ngay. Lúc bấy giờ, quân Thanh đang áp sát biên giới Sơn Hải quan. Sùng Trinh ban Viên Viên cho Ngô Tam Quế và ra lệnh cho Quế về trấn giữ Sơn Hải quan. Quế gởi Viên Viên ở lại Bắc Kinh và ra đi.

Năm 1643, Lý Tự Thành đánh vào Bắc Kinh bức tử Sùng Trinh hoàng đế ở núi Mối Sơn, chiếm đoạt toàn bộ kho báu của nhà Minh. Vật quý giá nhất trong kho báu ấy là nàng Trần Viên Viên tài hoa và xinh đẹp. Lý Tự Thành lên ngôi vua, tự xưng là Đại Thuận hoàng đế, Phụng thiên vương. Đêm đêm, sau những trận đánh đẫm máu, vị hoàng đế thô hào lỗ mãng ấy lại quay về cung cấm với món chiến lợi phẩm biết nói. Được tin Lý Tự Thành đã chiếm Bắc Kinh đoạt người đẹp Trần Viên Viên, Ngô Tam Quế mở cửa đầu hàng Mãn Châu. Nhà Thanh phong ngay cho Ngô Tam Quế làm Bình Tây vương, đưa quân về Bắc Kinh. Ngô Tam Quế đánh đuổi vừa quân lính nhà Minh, vừa quân lính của Đại Thuận hoàng đế Lý Tự Thành; thế mạnh như chẻ tre. Lý Tự Thành chạy về hướng núi Cửu Cung. Thuận Trị lên ngôi vua tại Bắc Kinh cùng năm 1643, mở ra Thanh triều trên đất Trung Quốc. Số phận Lý Tự Thành ra sao?

Sách sử Trung Quốc cận đại cho rằng Lý Tự Thành chết vào năm Thuận Trị thứ ba (1645). *Minh sử* viết: “Lý Tự Thành bị bọn dân quê giết ở núi Cửu Cung”. Ngược lại, sách *Minh kỷ* thì cho rằng: “Lý Tự Thành bị dân quê vây, không thoát được nên thất cổ tự vẫn”. Sách *Minh quý bắc lược* lại đưa ra một cách lý giải khác: “Lý Tự Thành bị bệnh, chết trong núi La Công”. Phải nói rằng Thuận Trị hoàng đế của nhà Thanh rất ngại Lý Tự Thành. Nhà vua sai các tướng lĩnh truy kích Lý Tự Thành phải tìm ra cho được những bằng chứng về cái chết của nhân vật thủ lĩnh phong trào nông dân này. Tướng Hà Đăng Giao (người Hán) gửi bản tâu về Bắc Kinh, có đoạn: “Không có chứng cứ gì về cái chết của Sấm, thủ cấp của Sấm

cũng không thấy”. Tướng A Tể Cách (Mãn Châu) cũng có bản tâu về, có đoạn: “Có tên hàng binh ra trình rằng Lý Tự Thành chạy vào núi Cửu Cung, bị dân quê vây, tự thắt cổ mà chết”. Nói chung, chẳng ai có được bằng chứng đích xác khẳng định Sấm vương Lý Tự Thành đã chết và chết như thế nào. Tất cả đều chỉ là tin đồn, lời khai...

Trong khi đó, có hai tư liệu lịch sử khác lại cho rằng Lý Tự Thành vẫn còn sống. Sách *Phong Châu ký* viết: “Lý Tự Thành chạy trốn đến Giáp Sơn, xuất gia đi tu, bảy mươi tuổi mới chết ở tư thế ngồi...”. Giang Dục Chí lại viết *Lý Tự Thành mộ chí*, có đoạn: “Lý Tự Thành quả thực chạy về Phong Châu... cưỡi ngựa mà đi, đến Giáp Sơn đi tu, chết mộ vẫn còn”. Theo Giang Dục Chí, tháp xây trên mộ Lý Tự Thành có hàng chữ “Phụng thiên ngọc hòa thượng”. Giang Dục Chí cũng khẳng định rằng Lý Tự Thành đi tu năm Thuận Trị thứ nhất và “thắng làm vua, bại làm sư là cách sống của người Trung Quốc”.

Kim Dung viết *Lộc Đình ký* xây dựng nhân vật Lý Tự Thành trên cơ sở tham khảo các tư liệu từ *Phong Châu ký* và *Lý Tự Thành mộ chí*. Trong *Lộc Đình ký*, Lý Tự Thành sống đến sau năm Khang Hy thứ 10 (1672), khi Vi Tiểu Bảo làm tứ hôn sứ gả công chúa Kiến Ninh qua Vân Nam làm vợ Ngô Ứng Hùng, con trai Bình Tây vương Ngô Tam Quế. Rõ ràng Kim Dung gọi Lý Tự Thành là một “lão tăng”. Vị “lão tăng” này cũng rất lợi hại: tìm đến ngoại thành Côn Minh, biết người tình cũ Trần Viên Viên đang đi tu, không sống chung với Ngô Tam Quế nữa, bèn nổi lại cung đàn xưa. Mối quan

hệ vụng trộm ấy đã đem hoa kết quả: cô gái xinh đẹp A Kha ra đời. Người ngoài cứ ngỡ A Kha là con của Ngô Tam Quế; chỉ có Lý Tự Thành và Trần Viên Viên mới biết rõ. A Kha là con riêng của họ, đứa con của mối tình bà vãi - ông sư!

Tất nhiên, tiểu thuyết vẫn là tiểu thuyết, tác phẩm tiểu thuyết không thể thay thế cho tác phẩm lịch sử. Nhưng ngay những sách sử thời Mạt Minh - Sơ Thanh vẫn không xác định được cái chết, cái sống của Lý Tự Thành thì bảo sao nhà văn Kim Dung không lãng mạn phóng bút cho nhân vật Lý Tự Thành của mình ở tuổi 70 vẫn sinh ra cô con gái xinh đẹp tuyệt vời, vẫn cảm thiên trượng đánh nhau với Hán gian Ngô Tam Quế trước mặt người tình Trần Viên Viên. Ai cấm được nhà văn hư cấu trên thực tế của lịch sử. Như vậy, đối với sách sử Trung Quốc, cái chết của Lý Tự Thành, người “anh hùng nông dân” vẫn còn là một nghi án. Để hóa giải những thắc mắc từ nghi án ấy, người ta đọc *Lộc Đình ký* của Kim Dung.

(1) Danh xưng của Lý Tự Thành là Phụng thiên vương. Chữ Vương (bốn nét) thêm một dấu chấm thành ra chữ Ngọc. Phụng thiên ngọc hòa thành là như vậy.

Chương X.

Hàng giả tổng Vân Nam

Nhìn trên bản đồ Trung Hoa ngày nay, Vân Nam là một tỉnh phía Tây Trung Quốc, Nam giáp Việt Nam và Lào, Tây giáp Miến Điện (Myanmar). Dưới triều vua Khang Hy nhà Thanh, nhân vật đứng đầu cai trị vùng đất Vân Nam - Tứ Xuyên là Ngô Tam Quế, tước hiệu là Bình Tây vương. Nguyên khi mới chiếm được đất nước Trung Quốc rộng lớn, người Mãn Châu gồm tám bộ tộc, mỗi bộ tộc có một màu cờ gọi là Bát kỳ thống nhất tôn bộ tộc Ái Tân Giác La (Aisin Gioro) làm lãnh tụ. Miền đất khởi nghiệp của họ chỉ gồm ba tỉnh Cát Lâm, Cáp Nhĩ Tân, Liêu Ninh (gọi là Đông tam tỉnh) với vài triệu người thì làm sao có thể cai trị nổi một đất nước Trung Quốc với hàng trăm triệu người Hán tộc. Chính vì vậy mà thời Thuận Trị và sau này là thời Khang Hy, các hoàng đế Mãn Thanh tích cực sử dụng những Hán gian, những tay sai đắc lực đã giúp người Mãn Châu tiến công vào Trung Quốc, bổ dụng họ làm những phiên vương (vua nước phen giầu) giúp nhà vua cai trị các vùng đất xa xôi (so với kinh đô Bắc Kinh). Thời Khang Hy có tam phiên: Bình Tây vương Ngô Tam Quế cai trị Vân Nam-Tứ Xuyên; Bình Nam vương Thượng Khả Hỷ cai trị Phúc Kiến; Tĩnh Nam vương Cảnh Tĩnh

Trung cai trị Quảng Đông. Ngô Tam Quế là phiên vương lớn nhất, binh lực gần bằng binh lực hoàng đế. Vua Khang Hy sinh năm 1654, lên ngôi năm 1662 (tám tuổi) thực sự cai trị năm 1667 (mười ba tuổi). Ông vua con này thực sự là một minh quân, biết nhìn xa trông rộng. Học theo phong cách cai trị của nhà Minh, Khang Hy muốn thực hiện một chế độ quân chủ trung ương tập quyền và muốn như thế thì chuyện đầu tiên là phải triệt hạ tam phiên. Trong tam phiên, Khang Hy chỉ e dè có Bình Tây vương Ngô Tam Quế. Đó là những nét cơ bản trong canh bạc chính trị đầu đời Mãn Thanh trên đất Trung Quốc.

Lộc Đình ký của nhà văn Kim Dung được xây dựng trên bối cảnh lịch sử thực tế đó. Khi nhà vua mới mười lăm tuổi, có một viên thái giám giả mạo đã lọt được vào hoàng cung ở Bắc Kinh, trở thành bạn nhỏ của nhà vua. Anh ta là Vi Tiểu Bảo, mười ba tuổi, con một kỹ nữ thành Dương Châu. Vua Khang Hy có một cô em gái (trong truyện xây dựng là kết quả của mối tình thâm lén giữa một thứ phi của Thuận Trị hoàng đế với một nhân vật trong đạo Thần long ở Liêu Đông) tên là Kiến Ninh công chúa. Năm 15 tuổi, Vi Tiểu Bảo biết công chúa Kiến Ninh, bị cô tra tấn, đánh đập, hành hạ rất khổ sở. Kiến Ninh chỉ thua Vi Tiểu Bảo một tuổi nhưng cô rất hung ác, bạo ngược. Để tự cứu mình, Vi Tiểu Bảo đã bẻ trật khớp tay, đánh đập, thậm chí lấy đèn đốt cháy da ngực công chúa. Kim Dung xây dựng nhân vật Kiến Ninh là một người mắc chứng khổ dâm (Masochisme-perversion dans laquelle le sujet recherche le plaisir sexuel dans la douleur physique: trạng thái bệnh lý mà trong

đó chủ thể chỉ tìm thấy được khoái lạc tình dục trong sự đau đớn về thân xác). Cho nên khi Vi Tiểu Bảo đốt cháy ngực Kiến Ninh, lấy roi đánh cô thì cô lại: “miệng cười chúm chím” lại còn động viên: “Xin tướng công đánh mạnh vào” miễn là đừng gây thương tích trên mặt cho cô. Và đôi thiếu niên đó đã sớm quan hệ tình dục với nhau ngay trong hoàng cung có tiếng là thâm sâu nghiêm cấm nhất của các triều đại quân chủ Trung Quốc!

Cô công chúa mười bốn tuổi sống cạnh gã thái giám già, không còn là một cô gái trong trắng nữa. Tất nhiên, vua Khang Hy không biết được điều đó. Tham vọng của nhà vua là làm sao triệt hạ cho được tam phiên và đặc biệt đối với Ngô Tam Quế - đại phiên vương, phải thực hiện cho được một giải pháp chính trị an toàn. Nhà vua đánh một nước cờ theo cách làm của các vua Trung Quốc ngày xưa: dùng nữ sắc. Khang Hy tuyên bố gả ngự muội là Kiến Ninh công chúa cho Ngô Ứng Hùng, con trai của Bình Tây vương Ngô Tam Quế để đôi bên kết thông gia cùng chia nhau hưởng phú quý. Nước cờ đó của vua Khang Hy thật cao cường: vừa loại được cô em gái bạo ngược ra khỏi hoàng cung, xóa lấp được điều xấu xa khỏi dư luận cung cấm; vừa đánh lạc hướng Ngô Tam Quế để củng cố binh lực Thanh triều, đủ sức đối phó nếu Ngô Tam Quế làm phản. Vi Tiểu Bảo được nhà vua tin yêu, phong làm Tứ hôn sứ, có nhiệm vụ đưa Kiến Ninh công chúa vượt mấy chục ngàn dặm từ Bắc Kinh đến Vân Nam để gả cho Ngô Ứng Hùng.

Theo pháp luật và đạo đức các triều đại quân chủ ở Trung Quốc, trinh tiết của người phụ nữ được coi là tiêu chuẩn hàng đầu,

tiêu chuẩn quyết định đời sống lứa đôi. Một cô gái bình thường thất trinh đã là một trọng tội huống chỉ một cô công chúa vị thành niên lá ngọc cành vàng lại là dâu tương lai của một phiên vương đứng đầu các phiên vương? Vua Khang Hy, Ngô Tam Quế, Ngô Ứng Hùng và nhân dân Trung Hoa thời ấy đâu biết được chuyện động trời của Kiến Ninh công chúa. Chỉ có Vi Tiểu Bảo và Kiến Ninh biết chuyện. Vậy là món hàng giả Kiến Ninh công chúa, cô gái lá ngọc cành vàng được hoàng thượng và thái hậu rất cưng chiều, được tống tiễn về Vân Nam. Đoàn người đưa công chúa đi đều cho Vi Tiểu Bảo là thái giám thứ thiệt. Thế nhưng hắn chưa bao giờ “tĩnh thân” thì làm sao gọi là thái giám. Vi Tiểu Bảo là một thứ thái giám giả mạo. Cả hai thứ hàng giả gặp nhau, cùng đi hết tháng này qua tháng nọ, biến hành cung của công chúa điện hạ thành chỗ ái ân đấm đĩa ngay trước mũi của thiên hạ. Nghệ thuật hài hước của Kim Dung trong văn chương đã được phát triển đến tột độ, khó tìm thấy trong bất kỳ một tác phẩm văn học hài hước nào từ trước đến nay! Tác giả cũng chưa chất nhận xét: “Con người thiếu niên vừa biết mùi nam nữ chung chạ mà nàng công chúa kiều my kia lại dùng thiên hình vạn trạng để quán quít lấy gã thì còn dốt tình sao được”. Cho nên, quân sĩ tiền hô hậu ủng đi về Vân Nam thì cứ đi, riêng đô thống, Tứ hôn sứ Vi Tiểu Bảo suốt ngày cứ nằm lì trong phòng công chúa.

Làm sao để giải quyết hậu quả khôn lường khi Ngô Tam Quế phát hiện ra sự thật kinh thiên động địa là Kiến Ninh công chúa không còn là gái trinh? Phản ứng của chàng phò mã Ngô Ứng Hùng

sẽ như thế nào nếu biết được thái giám giả Vi Tiểu Bảo đã biến vợ mình thành hàng giả? Người Trung Quốc đã có những thứ mà Nguyễn Du từng đề cập trong truyện Kiều: “nước vô lựu, máu mào gà” nhưng cả Vi Tiểu Bảo và Kiến Ninh đều còn trẻ con, không thể biết được hai món chết người đó. Tác giả Kim Dung giải quyết một cách khác, kinh khủng hơn.

Đưa Kiến Ninh tới Vân Nam, Vi Tiểu Bảo hàn với Bình Tây vương Ngô Tam Quế coi ngày tốt, giờ tốt để tổ chức lễ cưới cho long trọng, vừa rạng danh Bình Tây vương lại vừa đẹp lòng vua Khang Hy, vừa vinh dự cho Ngô Ứng Hùng lại vừa xứng đáng với địa vị cao cả của Kiến Ninh. Vi Tiểu Bảo cứ kéo dài thì giờ ra để tiếp tục đêm đêm còn vào phòng Kiến Ninh nữa chứ. Bản thân Kiến Ninh thì chỉ muốn sống với Vi Tiểu Bảo và ra lệnh cho Vi Tiểu Bảo tìm mọi cách để hạ sát gã tiểu tử Ngô Ứng Hùng. Nếu Ngô Ứng Hùng mà cưới cô, cô sẽ khai ra với nhà vua huych toẹt mọi chuyện! Mâu thuẫn được đẩy lên đến đỉnh điểm, có nguy cơ làm bùng nổ sớm cuộc tạo phản của Ngô Tam Quế. Thế nhưng... Vi Tiểu Bảo đến thăm Ngô Tam Quế, được họ Ngô tặng cho hai khẩu súng lục của người Nga (Kim Dung gọi là La Sát hỏa khí; người Hán thời ấy gọi là Tây dương hỏa khí). Vi Tiểu Bảo đưa tặng Kiến Ninh một cây, dạy cô cách dùng súng. Trong một đêm Ngô Ứng Hùng tuần phòng chữa cháy, Kiến Ninh đã cho gọi Ứng Hùng vào phòng riêng, dùng súng uy hiếp hắn phải đứng yên rồi bắn vào bộ phận sinh dục của hắn. Cô tự xé áo mình để vu cáo cho Ngô Ứng Hùng đã muốn cưỡng bức tình dục đối với cô. Sự kiện động trời đó xảy ra khiến

Ngô Tam Quế sợ vỡ mật, vừa đau đớn vì con, vừa sợ mang tiếng với dư luận hai tỉnh Vân Nam-Tứ Xuyên. Lão phải đem tiền bạc đút lót cho bọn thân binh từ Bắc Kinh đưa công chúa tới để mọi người khỏi tau lên Khang Hy hành vi càn rỡ, đại nghịch khi quân của Ngô Ứng Hùng. Và lão tổ chức gấp đám cưới; pháo nổ khét lẹt cả thành Côn Minh để dàn cảnh cho cuộc “trăm năm hạnh phúc” của lứa đôi Kiến Ninh-Ứng Hùng. Hơn ai hết; Ngô Tam Quế, Ngô Ứng Hùng, Kiến Ninh, Vi Tiểu Bảo đều biết đám cưới kia là hàng giả.

Luật của Trung Quốc buộc cưới xong, đôi vợ chồng mới phải hoàn hôn. Ngô Ứng Hùng và Kiến Ninh phải quay về Bắc Kinh để lạy tạ vua Khang Hy và thái hậu. Đây là một nước cờ khác của Khang Hy nhưng nhà vua không bàn cho Vi Tiểu Bảo biết: ông muốn bắt giữ Ngô Ứng Hùng làm con tin để đủ thì giờ nhờ các tu sĩ dòng Tên phương Tây chế súng đại bác, đối phó với cuộc tạo phản của Ngô Tam Quế. Ngô Ứng Hùng về Bắc Kinh, được phong phò mã, được cấp tòa phủ đệ xinh đẹp. Hắn có tất cả, trừ một thứ: được chung chăn gối với Kiến Ninh. Khổ thay, chuyện ấy đã có bá tước Vi Tiểu Bảo làm thay.

Viết bộ *Lộc Đình ký*, Kim Dung muốn viết về những món hàng giả của Trung Quốc: những con người giả mạo. Vi Tiểu Bảo là thái giám giả, công chúa Kiến Ninh là cô gái lá ngọc cành vàng giả, Ngô Ứng Hùng là phò mã giả mà Ngô Tam Quế cũng là bậc “trung thần” giả. Bản thân hoàng đế Khang Hy cũng là một vị vua “nhân từ giả mạo”. Mạt cưa, mướp đắng gặp nhau: *Lộc Đình ký* quả là một siêu phẩm về sự giả mạo. Nhưng nó có một chất rất thật, rất đời mà

không một tác phẩm nào có được, kể cả những tác phẩm khác của Kim Dung: mặt sau của tấm huy chương đạo đức Trung Hoa trong thế kỷ 17.

Lịch sử Thanh triều ghi rõ: năm 1677, Ngô Tam Quế nổi loạn ở khu vực Đông Đình hồ, chiếm Tứ Xuyên và Vân Nam, xưng là Ngô quốc. Tay đại Hán gian này dựng cờ, truyền hịch “Hung Minh thảo Lỗ” (khôi phục lại nhà Minh và bài trừ rợ Mãn Châu). Nhưng chính sách cai trị nhân từ, sáng suốt của Khang Hy đã thu phục được lòng dân Trung Quốc; không có ai ủng hộ Ngô Tam Quế. Ngô Tam Quế lên làm vua ba tháng thì mất; Khang Hy chặt đầu Ngô Ứng Hùng, bình định được miền Tứ Xuyên-Vân Nam. Triều Khang Hy được coi là triều đại cực thịnh của nhà Thanh trên đất Trung Quốc.

Chương XI,

Thử nhìn Libido qua tác phẩm Kim Dung

Tôi không có tham vọng đem khái niệm Libido của triết học Tây phương để mổ xẻ các vấn đề thuộc phạm trù tâm lý, tình cảm trong tác phẩm văn học Đông phương. Tuy nhiên con người khắp nơi trên thế giới đều có những mẫu số chung trong hoạt động tâm lý, tình cảm bởi họ đều là con người. Và tôi đã thận trọng giới hạn vấn đề mình sắp bàn đến trong hai chữ “thử nhìn”.

Tâm phân học (Psychanalyse) là một trường phái triết học Tây phương mà ông tổ sản sinh ra nó là Sigmund Freud. Tâm phân học đạt được một số thành tựu nhất định trong việc góp phần cắt nghĩa các hoạt động của năng lực tình dục; cắt nghĩa Ngã (Moi), Đại Ngã (Grand Moi) và Siêu Ngã (Sur-Moi); thế giới của ý thức, vô thức và tiềm thức... Tôi nhìn thấy trong tác phẩm vô hiệp Kim Dung một số vấn đề khá gần gũi với cách cắt nghĩa của tâm phân học.

Khi sáng tạo và giải thích tâm phân học, Sigmund Freud cùng các đồ đệ của ông như Alfred Adler, Karl Gustav Jung có tham vọng phân tích trạng thái tâm lý con người như là một thực thể,

được chia cắt ra nhiều phần khác nhau. Thế giới tâm lý không còn là thế giới trừu tượng nữa; nó có hình thù hẳn hoi: có đáy, có đỉnh, có miền, có khu vực... Libido là một thuật ngữ khá đặc biệt của tâm phân học, được hiểu như là năng lực tình dục (énergie de la pulsion sexuelle). Libido được coi như nền tảng của hoạt động tâm lý, giữ vai trò hình nhi hạ trong khi tình yêu giữ vai trò hình nhi thượng. Nếu hoạt động tâm lý được coi như một tam giác cân thì Libido là cái đáy mà tình yêu là cái đỉnh. Libido là năng lực bẩm sinh trong từng con người, năng lực ấy được thể hiện một cách khác nhau trong từng thời kỳ trưởng thành của cá nhân. Thí dụ: ở trẻ sơ sinh là thời kỳ bú mót, ở tuổi dậy thì là thời kỳ thủ dâm và sau đó là thời kỳ tình dục...

Khi Libido được thỏa mãn, cá nhân mới giữ được trạng thái thăng bằng. Nếu Libido bị ngăn trở, cá nhân bị ứ ứ. Ứ ứ là trạng thái các khuynh hướng bị ngăn trở, không thực hiện được, trở thành một thứ xung động nội tâm, được hiểu là refoulement. Hãy hình dung ứ ứ như một quả bong bóng bơm căng, không có chỗ để thoát hơi ra, tức là không có chỗ để thỏa mãn được sự đòi hỏi tự nhiên của năng lực tình dục. Trong trường hợp này, cá nhân tự đi tìm một trong hai cách thế để phát tiết. Một - Libido bị sa đọa, cá nhân trở thành đồng tính luyến ái, ghê sợ tình dục, điên loạn, tâm thần phân liệt, trầm cảm... Hai - Libido được thăng hoa, trở thành những tình cảm, khát vọng cao thượng: say mê tôn giáo, khoa học, đam mê sáng tạo văn học, nghệ thuật, âm nhạc... Hiểu theo quan điểm của tâm phân học thì những người trong nhà thương tâm thần

là những người bị sa đọa Libido; thành quả âm nhạc rực rỡ của Beethoven, Mozart, Tchaikovsky là sự thăng hoa của Libido.

Tác phẩm võ hiệp của Kim Dung đã chứng minh được một số trường hợp năng lực Libido sa đọa. *Tiểu ngạo giang hồ* xây dựng nhân vật Đông Phương Bất Bại của Triều dương thần giáo ham luyện *Quy hoa bảo điển*, đã tự thiên bộ phận sinh dục nam của mình, trở thành kẻ đồng tính luyện ái. Thiên bộ phận sinh dục tức là triệt tiêu hẳn năng lực tình dục. Hắn đâm ra mê lú, “yêu” tên đệ tử to con tốt tướng Dương Liên Đình, đánh nhau với người khác bằng một mũi kim thêu và tư thức mỹ lệ của một phụ nữ! *Tiểu ngạo giang hồ* cũng xây dựng hai trường hợp tự thiên khác - Nhạc Bất Quần và Lâm Bình Chi. Cả hai đều mất giới tính và sau đó, mất cả nhân tính. Nhạc Bất Quần giết vợ là Ninh Trung Tắc; Lâm Bình Chi giết vợ là Nhạc Linh San. Khi Nhạc Linh San chết đi, cô hãy còn là trinh nữ.

Hiệp khách hành xây dựng một trường hợp Libido sa đọa khác. Đó là nàng Mai Phương Cô yêu Thạch Thanh mà không sống được với Thạch Thanh. Mai Phương Cô đã bắt cóc đứa con nhỏ của vợ chồng Thạch Thanh-Mẫn Như đưa về hoang sơn nuôi, gọi tên thằng bé là Cầu Táp Chung (chó lợn giống). Nói theo Alfred Adler, Mai Phương Cô đã làm một động tác bù trừ: trả thù tình nhân, tình địch không được, Mai Phương Cô thỏa mạ con của tình nhân tình địch cho bố ghét. Người phụ nữ ấy sống trong trạng thái trầm cảm, tự rạch bộ mặt mỹ miều của mình cho xấu xí đi và suốt đời không xuất hiện ra trước một ai. Khi Thạch Thanh lên núi tìm ra tông tích đứa con trai, Mai Phương Cô treo cổ tự vẫn.

Trong *Lục mạch thân kiếm truyện*, Mộ Dung Phục là hậu duệ của dòng giống Tiên Ty nước Đại Yên, suốt đời đam mê khát vọng phục quốc. Từ chối mối tình đắm thắm của nàng Vương Ngọc Yến, Mộ Dung Phục sang Tây Hạ hy vọng được tuyển làm chồng của công chúa Văn Nghi, trở thành phò mã Tây Hạ, đem quân Tây Hạ về đánh Trung Quốc để phục hưng Đại Yên. Nỗi đam mê ấy biến Mộ Dung Phục trở thành kẻ bạc nghĩa, vô tình, giết luôn đám thủ hạ thân tín của mình, sẵn sàng làm con nuôi Đoàn Diên Khánh, nghĩa là từ chối họ Mộ Dung. Cuối cùng, Mộ Dung Phục phát điên, ngồi trên gò mả, đội mũ lá làm vua, gọi các trẻ em chăn bò đến làm quan và đem kẹo phân phát cho chúng.

Ở trạng thái thứ hai, năng lực Libido được thăng hoa trở thành những khát vọng, tình cảm cao thượng. Kim Dung cũng đã khắc họa cho người đọc một số hình ảnh cụ thể. Đó là Nhất Đẳng đại sư, vốn là vua nước Đại Lý, được thuật trong *Võ lâm ngũ bá truyện*. Nhà vua đặc biệt sủng ái nàng thứ phi Anh Cô. Thế nhưng Châu Bá Thông của phái Toàn Chân đã đến chơi Đại Lý, quan hệ tình dục với nàng Anh Cô khiến nàng sinh ra một đứa con không được thừa nhận. Hiểu ra được điều ấy, nhà vua đau đớn bỏ hoàng gia đi tu, trở thành một nhà sư Phật lực cao cường, từ bi đạo hạnh. Cũng trong *Võ lâm ngũ bá truyện*, đôi bạn Vương Trùng Dương và Lâm Triều Anh yêu thương nhau. Đáng lẽ họ đã được sống đời lứa đôi nhưng tình yêu lại trắc trở. Vương Trùng Dương suốt đời sống trong Trùng Dương cung, Lâm Triều Anh suốt đời sống trong ngôi cổ mộ dưới núi Chung Nam, tự xem mình là một người-sống-đã-chết (hoạt tử nhân).

Chung Nam sơn hạ

Hữu hoạt tử nhân

(Dưới chân núi Chung Nam

Có người sống đã chết)

Họ thăng hoa mỗi tình tuyệt vọng kia thành niềm say mê sáng tạo và nghiên cứu võ học. Vương Trùng Dương lập nên Toàn Chân phái, Lâm Triều Anh lập ra Cổ Mộ phái, trong đó có môn võ danh tiếng Ngọc Nữ kiếm pháp (kiếm pháp của gái đồng trinh). Khát vọng thăng hoa của Cổ Mộ phái truyền qua những đời sau trở thành một thứ quy luật: chỉ thu nhận gái đồng trinh và chỉ có gái đồng trinh mới được làm chủ môn Cổ Mộ phái. Làm thế nào xác định được một cô gái đồng trinh? Một cách lãng mạn, Kim Dung đặt vào trong cánh tay của các nữ nhân vật của mình một dấu đỏ được cấy bằng chu sa, gọi là Thủ cung sa. Khi cô gái mất trinh, dấu Thủ cung sa ấy sẽ biến mất và những đồng môn sẽ xác định được dấu hiệu phạm tội. Những nhân vật kể tục Lâm Triều Anh như Lý Mạc Thu, Hồng Lăng Ba đều giữ được dấu Thủ cung sa ấy. Họ tự ép mình phải xa lánh tình dục như sư tổ nên tính tình biến đổi, trở thành những kẻ khắc bạc, độc ác. Riêng Tiểu Long Nữ, cô gái trong sáng dịu dàng nhất của phái Cổ Mộ lại yêu thương người học trò Dương Qua (còn đọc là Quá - lỗi lầm). Thế nhưng, cô không giữ được sự trinh trắng vì bị một đệ tử phái Toàn Chân hiếp dâm. Vết Thủ cung sa mất đi, Dương Qua đau đớn bỏ ra đi, Tiểu Long Nữ cũng một đời đi tìm Dương Qua...

Đạo gia Trung Quốc quan niệm có ba yếu tố cấu tạo thành hồn sống của một đời người: tinh, khí, thần. Khí (hơi thở) có thể biểu

hiện ra trong hơi nói (trung khí), thần (sắc diện) có thể biểu hiện ra nơi khuôn mặt, ánh mắt, các động tác của chân tay. Còn tinh (trong khái niệm tinh dịch, tinh khí) là cái gì quý giá nhất, tiềm ẩn bên trong con người. Đạo gia đưa ra chủ trương “bế tinh” (không cho xuất tinh) để con người có thể sống thọ. Mà “bế tinh” có nghĩa là kiềm hãm sự hoạt động thực tế của năng lực Libido. Người đàn ông nào giữ được năng lực tình dục, không giao cấu với phụ nữ được gọi là Thuần dương. Trong *Ý thiên Đồ long ký*, Trương Tam Phong tổ sư sáng lập phái Võ Đang, sống trên trăm tuổi, vẫn chưa gần nữ sắc, có môn Thuần dương vô cực công rất vi diệu. Cũng trong *Ý thiên Đồ long ký*, chàng Trương Vô Kỵ tuổi ngoài hai mươi, có bốn cô bạn gái xinh đẹp nhưng vẫn không gần gũi nữ sắc, vẫn giữ được chất thuần dương. Chất thuần dương ấy là điều kiện đưa Vô Kỵ trở thành người anh hùng vô địch của võ lâm Trung Quốc. Nói cách khác, theo Kim Dung, phải kìm hãm năng lực Libido để hướng nó tới mục tiêu đạt tuyệt đỉnh tối cao trong võ học.

Cá biệt, có những nhân vật giải phóng hết năng lực tình dục của họ, trở thành những tên giặc dâm chuyên cưỡng gian phụ nữ, Kim Dung gọi là Thái hoa dâm tặc. Thí dụ như Điền Bá Quang trong *Tiểu ngao giang hồ*, Âu Dương công tử trong *Xạ điêu anh hùng truyện*. Những người này hoạt động tình dục hăng hái đến nỗi khô kiệt cả tinh khí. Kim Dung bàn đến một thủ pháp gọi là Thái âm bổ dương (lấy cái tinh túy nhất của phụ nữ để bồi bổ cho người đàn ông). Trong các loại tình dục kinh của Trung Quốc cũng có nhắc đến thuật này, tỉ như *Tổ nữ kinh* hay *Phòng trung thuật*. Cái tinh túy

nhất của phụ nữ là gì nếu không phải là tình? Còn biện pháp “Thái âm” ấy thế nào thì quả là một điều nhiều khê, rắc rối. Nói cách khác, Kim Dung vẫn đồng ý với đạo gia rằng có thể phục hồi năng lực Libido trong trường hợp năng lực ấy bị sử dụng đến mức gần như cạn kiệt. Việc phục hồi ấy như thế nào không được tác giả bàn tới. Dầu sao, truyện võ hiệp cũng không phải là sách thuốc mà Kim Dung cũng không phải là nhà nghiên cứu về nghệ thuật phòng the.

Chương XII.

Đau thương A Tử

Trong năm 1997, cuốn phim video nhiều tập *Thiên Long bát bộ* do Hong Kong sản xuất được Fafilm Việt Nam cho phép phát hành đã trở thành một hiện tượng phim video nổi bật, hấp dẫn nhiều người, nhiều giới thưởng ngoạn. Cuốn phim được xây dựng dựa theo tác phẩm tiểu thuyết cùng tên *Thiên Long bát bộ* của nhà văn Kim Dung; bộ tiểu thuyết này còn có tên là *Lục mạch thần kiếm truyện*. Thực ra, trong bộ tiểu thuyết đồ sộ này, tác giả dành riêng bốn cuốn để viết về mối quan hệ Tiêu Phong và A Tử, tách ra thành một phần Tiêu Phong-A Tử truyện. Trong phim, Tiêu Phong, người anh hùng Khiết Đan khôi vĩ được giao cho Lưu Đức Hòa; A Tử, cô gái nhỏ bé xinh đẹp nhưng cực kỳ độc ác người Hán tộc được giao cho nữ diễn viên Lưu Ngọc Thúy.

A Tử tên đầy đủ là Đoàn A Tử, con của Đoàn Chính Thuần, hoàng thái đệ của Đoàn Chính Minh (vua nước Đại Lý) và bà Nguyễn Tinh Trúc, một tình nhân của Đoàn Chính Thuần. Đó là một mối tình ngoại hôn, họ sinh được hai cô con gái: cô lớn chuyên mặc áo hồng được đặt tên là A Châu, cô nhỏ chuyên mặc áo tía được đặt tên

là A Tử. Thuở nhỏ, A Tử lạc mất cha mẹ, quy đầu làm môn hạ phái Tinh Tú của Đinh Xuân Thu. Cho đến năm 16 tuổi, cô đã học được tất cả tính cách tàn bạo, tráo trở, độc ác của tà phái này, tìm lại được cha mẹ ruột và chị ruột rồi gặp gỡ Tiêu Phong.

Lúc bấy giờ, Tiêu Phong đã thương yêu A Châu. Ông ba mươi, A Châu mới mười tám. Họ đã hứa hẹn sau sẽ trở về bên kia Nhan môn quan, về trên thảo nguyên bát ngát của đế quốc Khiết Đan (bờ bắc sông Hoàng Hà triều Bắc Tống) để cùng nhau săn chồn đuổi thỏ. Thế nhưng, trước khi ra đi, họ còn phải làm một việc cuối cùng ở Trung Quốc: phải giết cho được kẻ đại cừ đã phục kích và hãm hại cha mẹ của Tiêu Phong. Có người vu cáo “kẻ đại cừ” ấy là Đoàn Chính Thuần. Khi A Châu khám phá Đoàn Chính Thuần chính là cha ruột của mình, cô đã hóa trang làm Đoàn Chính Thuần để nhận chịu một chưởng trả thù của người tình Tiêu Phong. Đánh lâm vào A Châu, đánh lâm tình yêu và hạnh phúc của chính mình, Tiêu Phong đã ôm cô trong đêm mưa gió, sấm chớp mịt trời; khóc lên như điên dại. Chính từ bi kịch ấy, A Tử - cô gái mười sáu tuổi - mới hiểu ra được phía trong con người lỗ mãng, thô hào Tiêu Phong ẩn chứa một trái tim chung tình, một tâm hồn tha thiết với tình yêu. Điều ấy làm cô xúc động, khiến cô tìm mọi cách để đi theo ông, gọi ông tử phu (chồng của chị, tức anh rể).

Định mệnh khắc nghiệt đã trói buộc người anh hùng thẳng thắn Khiết Đan với cô bé Trung Quốc ranh ma A Tử. Ông chỉ mong được xa lánh cô, nhưng cô lại cứ muốn bám theo ông suốt đời. Ở đây không chỉ có lý do duy nhất vì tình mà A Tử mới theo Tiêu

Phong. Ở đây, còn có một lý do ẩn tế khác: A Tử đang là một tội đồ của phái Tinh Tú và chỉ có oai lực của tử phụ Tiêu Phong, cô mới thoát khỏi được bàn tay tàn bạo của Đinh Xuân Thu, thầy mình.

Bám theo không được, cô gái nhỏ tuổi đã nảy sinh một ý niệm ngu ngốc: phải dùng kim độc để bắn ông. Trên vùng Tuyết Bắc mênh mông, cô đã làm hành động ngu ngốc ấy. Để tự cứu mình, Tiêu Phong phát ra một chuồng. A Tử bị thương nặng. Và từ đó cuộc đời Tiêu Phong mới thật sự gắn liền với A Tử: ông bồng A Tử, dùng công lực thượng thừa truyền vào người cô để duy trì mạng sống cho cô, đưa cô về núi Trường Bạch (biên giới nước Triều Tiên) đào nhân sâm, giết gấu lấy mật và hùng chưởng (tay gấu), giết cọp lấy xương nấu cao..., làm mọi cách cho A Tử được sống. Hai năm sống trong bộ lạc Nữ Chân, Tiêu Phong chăm sóc cho cô từ chuyện tắm rửa, thay áo quần đến chuyện ăn uống (tác giả Kim Dung dùng từ khởi cư). Tiêu Phong cho đó là chuyện bình thường của một người đàn ông lớn tuổi đối với một cô bé em vợ nhưng A Tử lại cho đó là biểu hiện của tình yêu. Đối với người phụ nữ Trung Quốc ngày xưa, ai nhìn thấy thân thể họ thì số phận họ coi như đã thuộc về người đàn ông ấy. A Tử cũng thế, cô cảm thấy hạnh phúc khi nghĩ đến ngày mai cô thuộc về Tiêu Phong; muôn đời, cô là người của Tiêu Phong.

A Tử càng lớn lên càng xinh đẹp. Nhưng Tiêu Phong chẳng ngó ngang gì đến cô. Từ khi A Châu chết, ông không còn có thể yêu bất kỳ một người phụ nữ nào khác trên thế gian nữa. Khi ông làm Nam Viện đại vương cho đế quốc Khiết Đan, A Tử được phong

Bình Nam công chúa. Khi Tiêu Phong chống lệnh hành quân của hoàng đế Khiết Đan, cô chỉ sợ Tiêu Phong bỏ mình ra đi. Cô ghé qua gặp thứ phi của hoàng đế Khiết Đan, hỏi xin thứ thuốc cho người đàn ông uống vào để chỉ chung tình với mình. Cô đã cho Tiêu Phong uống thứ thuốc đó với cả lòng âu yếm nhưng tiếc thay đó chỉ là rượu độc để hoàng đế Khiết Đan bắt giữ Tiêu Phong.

Yêu A Tử không ai bằng Du Thản Chi. Có thể coi Du Thản Chi là một giáo chủ của đạo tình: bị A Tử tra tấn, hành hạ thừa chết thiếu sống; anh ta chỉ muốn được gần gũi để nhìn ngắm A Tử, bị A Tử sai chụp lồng sắt lên đầu, anh ta vẫn suốt đời đi theo A Tử; khi A Tử mù mắt, anh ta tình nguyện hiến đôi mắt cho A Tử được sáng mắt để mình chịu sống đui mù. Chính Tiêu Phong đã từng khuyên A Tử phải phục thị suốt đời tấm chân tình của Du Thản Chi. Nhưng trong tư duy tàn bạo của A Tử, Du Thản Chi chẳng khác gì một loại súc vật. Du Thản Chi leo đèo theo cô, cô leo đèo đi theo Tiêu Phong - cuộc rượt đuổi trong tình yêu thật buồn cười nhưng cũng thật chua xót.

Rồi cũng có một ngày, lương tâm làm người trở lại với A Tử. Cô là người đầu tiên tìm cách liên hệ với giang hồ nhà Tống để cứu ông ra khỏi cảnh lao tù của hoàng đế Khiết Đan. Tiêu Phong được đưa về Nhận môn quan nhưng tại nơi đây, ông đã dùng mũi tên chó sói tự đâm vào trái tim mình, nhận lấy cái chết để hóa giải hận thù của hai nước Tống-Liêu và tạ tội với hoàng đế Khiết Đan. Cũng tại nơi đây, A Tử móc đôi mắt trả lại cho Du Thản Chi rồi ôm lấy xác Tiêu Phong bước đi. Đây là lần đầu tiên, cô có được Tiêu Phong

trong tay, cô được ôm lấy ông, ôm lấy tình yêu say đắm và tuyệt vọng của mình mà không còn sợ bị ông ruồng rẫy. Cha của Tiêu Phong, ba mươi mấy năm về trước, đã bỗng xác mẹ Tiêu Phong nhảy xuống hẻm núi sâu mờ mịt của Nhạn môn quan. Ba mươi mấy năm sau, cô A Tử đuổi mù cũng bỗng tử phu của mình và sa chân xuống hẻm núi sâu ngàn trượng đó.

Đem A Tử gán vào cho Tiêu Phong, cả tác phẩm tiểu thuyết và cả tác phẩm điện ảnh đã đem cái xấu xa nhất, cái tàn bạo nhất gắn liền vào với cái lương thiện nhất, cái chân chính nhất. Và giống như tinh thần nhân bản, tuy duy nhân đạo phương Đông, cái thiện đã cảm hóa được cái ác, cái chính đã giành thắng lợi trước cái tà. Nhưng số phận của Tiêu Phong và A Tử đau thương quá. Khác với truyện Kiều, Thúy Vân đã thay Thúy Kiều sống đời hạnh phúc lứa đôi với Kim Trọng. Còn Tiêu Phong? Ông chỉ có thể tìm được hạnh phúc với cô chị A Châu chứ không phải với cô em A Tử hay một người phụ nữ nào khác. Riêng A Tử, cô chỉ có trong tay một tử phu ngoan ngoãn, dịu dàng đã chết; một tình yêu tuyệt vọng. Trước tình cảnh đó, nếu giải quyết cho A Tử còn sống với một đôi mắt còn nhìn thấy ánh sáng cuộc đời, tiếp tục tra tấn cô gái nhỏ tuổi đó trong nỗi tuyệt vọng khôn nguôi thì là một điều cực kỳ phi nhân bản. Cả tiểu thuyết và cả bộ phim *Thiên Long bát bộ* đều giải quyết cho cô chết theo với Tiêu Phong. Cái chết, trong chừng mực nào đó, là vô hậu, vô nhân đạo nhưng trong trường hợp này lại rất có hậu, rất nhân đạo. Đó chính là cái nhìn của chủ nghĩa nhân đạo phương Đông, tâm hồn phương Đông.

Chương XIII.

Kim Dung đặt lại mấy vấn đề lịch sử

Một tác phẩm văn học không bao giờ là một tác phẩm sử học. Tác phẩm văn học được viết bởi nhà văn; tác phẩm sử học được viết bởi những sử quan mà đời Hán gọi là Thái sử lệnh. Tác phẩm văn học được xây dựng từ khả năng hư cấu lãng mạn; tác phẩm sử học dựa trên những sự kiện lịch sử cụ thể. Tuy nhiên, nếu biết vận dụng khéo léo, đưa những yếu tố lịch sử vào tác phẩm văn học thì tác phẩm văn học hấp dẫn hơn, hoành tráng hơn và hiện thực hơn. Đó là đặc điểm của một số bộ tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung. Ông đã đưa yếu tố lịch sử vào văn học và vượt xa hơn, ông dùng tác phẩm văn học để đặt lại một số vấn đề lịch sử.

Ai cũng hết lời ca ngợi Chu Nguyên Chương. Chu Nguyên Chương, tức Minh Thái tổ, làm vua Trung Hoa từ năm 1368 đến năm 1398, được coi là người anh hùng của phong trào kháng Nguyên, người có công bậc nhất thiên hạ giành lại đất nước Trung Hoa từ tay Di Dịch. Thế nhưng, qua *Ý thiên Đồ long ký*, Kim Dung đã buộc người đọc phải nhìn lại đúng bản chất của Chu Nguyên Chương.

Xuất thân từ nông dân, Chu Nguyên Chương đã nhân lúc An Huy đói kém, nổi lên làm giặc cướp rồi đi tu ở chùa Hoàng Giác. Ăn cướp một con bò của một nhà giàu làm thịt nấu ăn, bị người nhà giàu sai hai gia nhân đi bắt, Chu Nguyên Chương đã dùng vũ lực bóp miệng hai gia nhân buộc họ phải ăn lông bò. Thủ đoạn vu oan giá họa như vậy không phải ai cũng có thể làm được. Chu Nguyên Chương gia nhập Minh giáo (Manichéisme) Trung Hoa, lãnh đạo đội quân Hoài Tứ. Trước khi cuộc khởi nghĩa Minh giáo thành công, Chu Nguyên Chương giết thủ lĩnh của mình là Hàn Sơn Đồng, trấn nước con trai là Hàn Lâm Nhi để nắm quyền lãnh tụ. Trong *Ý thiên Đồ long ký*, Kim Dung đã mô tả đoạn nghĩa quân Minh giáo chào đón Trương Vô Kỵ giáo chủ, đoạn Chu Nguyên Chương tạ ơn giáo chủ đã khen ngợi mình. Thế nhưng, chính thuộc hạ Chu Nguyên Chương đã bỏ thuốc độc vào bình rượu cho Vô Kỵ và Triệu Minh uống rồi xiềng khóa hai người, giam vào đại lao. May còn được nửa thanh kiếm Ý thiên gãy, Vô Kỵ đã chặt xiềng, dẫn Triệu Minh lạng lẹ ra đi...

Con người thủ đoạn, phản bội, bất trung với cấp trên như vậy đã lên làm vua khai sáng triều Minh ở Trung Hoa. Về sau, để bảo vệ quyền lực cho họ Chu, Nguyên Chương đã tận sát hết các chiến hữu từng cùng ông ta vào sinh ra tử. Ông ghét văn chương đến nỗi chỉ cần đọc một chữ nghi ngờ có ý chế giễu mình là ông giết ngay người viết.

Trong *Lục mạch thần kiếm truyện*, Kim Dung lại cho ta thấy được tư cách của một ông vua Trung Hoa khác - Tống Triết Tôn

Triệu Hú. Để làm nổi bật tính cách lác cắc, huênh hoang của Triệu Hú, Kim Dung đã xây dựng một nhân vật Hoàng Nhan A Cốt Đả, thủ lĩnh kiều dũng của bộ lạc Nữ Chân ở miền Đông Bắc; một Đại Liêu hoàng đế Gia Luật Hồng Cơ thâm trầm, sắc sảo bên kia Nhận môn quan, một nước Tây Hạ thịnh vượng ở phía Tây, một nước Đại Lý quân thần như huynh đệ ở phía Nam. Triệu Hú lên ngôi năm tám tuổi, được bà nội là thái hậu họ Cao nhiếp chính. Vào khoảng năm 1090 đến 1093, những biến pháp của Vương An Thạch (phe Tân đảng) đã gần như phá sản, Cao thái hậu áp dụng tư tưởng cai trị mềm dẻo của phe Cựu đảng gồm Tư Mã Quang, Tô Thức, Tô Triệt. Cách trị nước của Cao thái hậu vững vàng, ôn hòa khiến quân Liêu không dám đưa binh qua biên giới gây hấn với nhà Tống. Tể tướng nước Liêu dâng sớ lên Gia Luật Hồng Cơ, ca ngợi: “Từ khi thái hậu Đại Tống buông rèm nghe chính sự, chiêu nạp trung thần, bãi trừ chính trị hà khắc, trong chín năm trời thiên hạ yên vui, triều đình hưng thịnh”. Trong khi đó, Triệu Hú chỉ muốn áp dụng biện pháp của phe Tân đảng Vương An Thạch để gây chiến tranh với nước Liêu. Kim Dung thuật lại đoạn thái hậu bị bệnh nặng, nằm trong điện Sùng Khánh thành Biện Lương, kêu Tống Triệt Tôn Triệu Hú đến dặn dò. Gã vua con nít này chỉ muốn khích động cho bà nội chết sớm; hấn bảo sẽ đem quân Bắc phạt, sẽ trừng trị bọn “hủ nho” Tư Mã Quang, Tô Thức, Tô Triệt. Hấn rút kiếm chém chiếc ghế đứt làm hai đoạn trước mặt bà nội. Khi bà già tắt thở, hấn reo lên: “Ta đã được làm vua rồi”. Theo chính sử Trung Hoa thì đó là năm 1093, khi Triệu Hú 18 tuổi. Quả nhiên, Triệu Hú giáng Tô Thức từ Lễ bộ thượng thư xuống làm tri phủ Định Châu, giáng Tể tướng Tô Triệt

xuống làm tri châu Nhữ Châu; mắng Hàn lâm học sĩ Phạm Tô Vũ khi người này dâng bản tâu can gián.

Một thứ hôn quân như Tống Triết Tôn mà có thể cai trị được đất nước Trung Hoa quả là một chuyện lạ. Triệu Hú chết năm 1099, em ruột lên ngôi xưng là Huy Tôn. Cái lễ bại vong của nhà Tống không phải đợi đến sau này mà nó nằm ngay trong đời Triệu Hú, trong *Lục mạch thần kiếm truyện* của Kim Dung. Đoạn văn Triệu Hú chọc cho bà nội nổi cơn thịnh nộ để chết sớm thật lâm ly biền ảo, không thể tìm thấy trong Tống sử hay lịch sử Trung Hoa. Kim Dung không bình luận, nhưng bản chất Tống Triết Tôn Triệu Hú như thế nào thì mọi người đọc văn ông đều rõ.

Kim Dung viết *Lộc Đình ký* là một cách đối chiếu lịch sử, giúp cho hàng tỉ đồng bào của ông có cơ hội nhìn lại các ông vua triều Minh - dòng dõi Hán tộc và các ông vua triều Thanh - dòng dõi Di Địch trong bốn rợ (Tứ di). Hình ảnh của vua Minh Sùng Trinh không hiện ra; hình ảnh của những ông vua hậu duệ nhà Minh như Phúc vương, Quế vương, Đường vương, Lỗ vương cũng không hiện ra. Nhưng cảm giác mà Kim Dung tạo được cho người đọc là sự nhận chân ra bản chất triều Minh: những ông vua u tối, nhu nhược, không được người Trung Hoa ủng hộ. Đúng ra, có một số ít người theo họ nhân danh chữ trung của nhà nho. Nhưng bản thân chữ trung đó cũng ngu xuẩn nốt: phe thì ủng Quế; phe thì ủng Đường, phe nào cũng chỉ nhận mình mới là chính thống. Điều đó nói lên được thực chất của các phong trào phản Thanh phục Minh cuối thế kỷ 17 ở Trung Hoa: những lực lượng ô hợp, không nêu lên được một khẩu

hiệu rõ ràng, một ngọn cờ chính thống. Đối lập với họ là một ông vua con Khang Hy thông minh, tài trí, đức độ. Con người xuất thân từ dòng dõi Di Địch đó đã biết chia rẽ các lực lượng chống đối, áp dụng thủ pháp có nhu có cương để cai trị thiên hạ, thể hiện lòng nhân từ và tư tưởng đại đoàn kết để thu phục nhân tâm. Nhà vua thiếu niên đọc thật kỹ sử sách Trung Hoa, rút ra những bài học lâm sàng từ các ông vua hôn ám để tránh, đi theo cái vương đạo mà bậc đại học đã đi. Đối với Mông Cổ, Tây Tạng, Nga La Tư, nhà vua có đối sách ngoại giao rõ ràng. Chính vì vậy khi Ngô Tam Quế dựng lên chiêu bài “Hung Minh thảo Lỗ” ở Vân Nam, phát hịch kể tội nhà Thanh và Khang Hy thì không có lực lượng nào của người Trung Quốc ủng hộ Ngô Tam Quế cả.

Kim Dung là một nhà văn chứ không phải là một nhà sử học. Cách đặt lại vấn đề lịch sử trong tác phẩm của ông cũng rất văn học: không cay cú kết án, không hồ hởi ca ngợi. Ông chỉ nhẹ nhàng trình bày sự kiện và qua sự kiện người đọc nhận ra quan điểm cá nhân của ông. Nhiều khi, tôi kinh ngạc khi đọc đến những kiến giải uyên bác của Kim Dung về sử học. Thí dụ như đoạn lung trong *Lộc Đình ký*, khi Kim Dung mượn lời của Lữ Lưu Lương giải thích cho con trai nghe về hai từ “trục lộc” (đuổi hươu). Con hươu ví với thiên hạ, gồm có đất đai và dân chúng. Khương Thái Công tâu với Chu Văn Vương: “Lấy thiên hạ như đuổi bắt con hươu làm thịt chia nhau mà ăn. Có khi nhiều người chia nhau, có khi một người ăn hết”. Ông dẫn lời trong *Hán thư*: “Nhà Tần để sống con hươu, thiên hạ tranh nhau bắt”. Từ khái niệm “hươu” (lộc), Kim Dung đưa ta qua

khái niệm “vạc” (đỉnh). Đỉnh là cái vạc cao, có ba chân, dùng để nấu thịt (hươu) mà ăn. Sau đó, người ta dùng đỉnh để làm một thứ hình cụ. Lịch Sinh bị Tề vương Điền Quang bỏ vào vạc dầu luộc chín khi Hàn Tín đánh vào Lâm Tri. Nổi “lộc” và “đỉnh” lại có khái niệm lộc đỉnh. Trong địa danh Trung Quốc, có núi Lộc Đỉnh ở miền Bắc sông Hắc Long, đọc theo âm Mãn Châu là Hô Mã Nhĩ Oa Tập Sơn. Kim Dung đã nắm tay độc giả dẫn vào thế giới *Lộc Đỉnh ký*, bộ tiểu thuyết ông viết ra trong khoảng 1969-1972 tự nhiên như thế. Cách dẫn nhập từ khái niệm lịch sử vào thế giới tiểu thuyết của Kim Dung không phải ai cũng làm được!

Chương XIV.

Vi Tiểu Bảo phá án đua ngựa

Bộ tiểu thuyết *Lộc Đình ký* của nhà văn Kim Dung lấy bối cảnh lịch sử Trung Quốc dưới triều Khang Hy (1662-1722), khi nhà Mãn Thanh mới cai trị Trung Quốc được 18 năm và những thế lực “phản Thanh phục Minh” (chống nhà Thanh, dựng lại nhà Minh) còn hoạt động ở nhiều nơi trên đất Trung Quốc. Trên nền tảng lịch sử có thật, bằng một trí tưởng tượng phong phú và khả năng hư cấu tuyệt vời, Kim Dung đã xây dựng thành công một nhân vật Khang Hy thông minh, nhân hậu, xuất sắc trong các chính sách trị nước; một Vi Tiểu Bảo ngộ nghĩnh, dễ thương, xuất thân từ kỹ viện thành Dương Châu đã leo lên được tới hàng công tước triều Khang Hy. Toàn bộ những thành công của Vi Tiểu Bảo đều tập trung vào hai chữ “may mắn”. Vụ phá án đua ngựa, bắt được tên trọng phạm Ngô Ứng Hùng sau đây là một trong những chiến công may mắn của Vi Tiểu Bảo.

Chuyện xảy ra vào mùa xuân năm Khang Hy thứ 13, khi Vi Tiểu Bảo trở thành bá tước, giữ chức chánh đô thống hoàng kỳ. Vua Khang Hy đã biết được âm mưu làm phản của Bình Tây vương Ngô

Tam Quế, một viên tướng phản Minh đầu Thanh, được vua cha của Khang Hy là Thuận Trị phong tước vương, trấn giữ Vân Nam và Quý Châu. Khang Hy có ý định triệt tam phiên: Ngô Tam Quế, Thượng Khả Hỷ, Cảnh Tinh Trung. Sợ bị triệt phiên, Ngô Tam Quế nảy sinh ý định làm phản. So sánh lực lượng giữa triều đình và Ngô Tam Quế, Khang Hy nảy ra ý đồ làm chậm cuộc tạo phản của Ngô Tam Quế lại. Khang Hy đánh một nước cờ chiến lược: sai Vi Tiểu Bảo làm tứ hôn sứ, đem cô em cùng cha khác mẹ là Kiến Ninh công chúa qua Vân Nam, gả cho Ngô Ứng Hùng, con trai của Ngô Tam Quế để đánh lạc hướng cảnh giác của Ngô Tam Quế. Trong khi đó, Khang Hy ung dung chuẩn bị binh lực đối phó với Ngô Tam Quế nếu vụ biến loạn ở Vân Nam thực sự xảy ra.

Thương thay cho Ngô Ứng Hùng. Trên đường về Vân Nam, Vi Tiểu Bảo đã nhiều lần “phượng đảo loan diên” với Kiến Ninh công chúa đến nỗi Kiến Ninh say mê gã, muốn tìm cách giết chết Ngô Ứng Hùng để được sống với gã. Tại Vân Nam, trong khi chờ hôn lễ cử hành, Kiến Ninh được Vi Tiểu Bảo tặng cho một cây súng của người Nga chế tạo để phòng thân. Thế là Kiến Ninh lập kế gọi Ngô Ứng Hùng vào phòng riêng để xem mặt rồi dùng súng bắn nát bộ phận sinh dục của Ngô Ứng Hùng, vu cho hắn tội muốn... cưỡng hiếp công chúa. Hôn lễ vẫn diễn ra nhưng chàng phò mã đã biến thành anh thái giám thứ thiệt. Sau hôn lễ, Vi Tiểu Bảo đưa hai vợ chồng Kiến Ninh - Ngô Ứng Hùng về lại Bắc Kinh, gọi là hoàn hôn theo nghi thức hôn nhân triều Thanh. Công việc diễn ra đúng với lá bài của Khang Hy: giữ Ngô Ứng Hùng lại Bắc Kinh làm con tin để làm chậm lại cuộc khởi loạn của Ngô Tam Quế.

Một hôm, Vi Tiểu Bảo dẫn phó tướng Triệu Lương Đồng sang phủ phò mã của Ngô Ứng Hùng uống rượu. Bên Ngô Ứng Hùng có thêm ba viên tướng khác từ Vân Nam tới: Trương Dũng, Tôn Tư Khắc và Vương Tiến Bảo. Vương Tiến Bảo là một người sành nghề nuôi dưỡng và coi tướng ngựa. Hắn thấy con ngựa Ngọc Hoa Thông giống Đại Uyển (Fergana - một tiểu quốc phía Tây Trung Hoa) của Vi Tiểu Bảo thì chê trần. Ngược lại, hắn ca ngợi bảy ngựa Vân Nam, một loại ngựa nhỏ, lông lá xác xơ nhưng chạy đường núi rất giỏi. Vi Tiểu Bảo tức khí, hẹn cùng Ngô Ứng Hùng tổ chức cuộc đua ngựa ngày hôm sau; tiền ăn thua là một vạn lạng bạc. Khi đã cấp độ xong, Vi Tiểu Bảo chợt nhìn thấy khoe mắt Vương Tiến Bảo hiện lên vẻ hân hoan. Gã biết thế nào Ngô Ứng Hùng cũng thủ thắng trong cuộc đua ngựa và tự trách thầm mình đã ngu dốt ham cá độ. Vốn là dân cờ gian bạc lận, Vi Tiểu Bảo biết loại ngựa Vân Nam chắc chắn sẽ ăn đứt bảy ngựa của mình. Về phủ bá tước, gã lẳng lặng gọi tên mã phu trưởng vào, giao tiền cho hắn để hắn rủ rê bọn mã phu của Ngô Ứng Hùng đi uống rượu, chơi gái, rồi tìm cách cho bảy ngựa Vân Nam của Ngô Ứng Hùng ăn bã đậu để chúng đau bụng, ỉa chảy. Gã phải thắng trong cuộc đua ngựa ngày mai!

Làm xong mọi việc, Vi Tiểu Bảo vào châu vua Khang Hy. Khang Hy hỏi gã cận kề đường đi nước bước ở Vân Nam, lại kêu ty xa giá bộ binh vào hỏi han tình hình chuẩn bị lừa ngựa, súng ống. Lúc bấy giờ, Vi Tiểu Bảo mới biết nhà vua chuẩn bị đánh Vân Nam, triệt hạ Bình Tây vương Ngô Tam Quế. Khang Hy hỏi gã đặc tính

của loài ngựa Vân Nam, Vi Tiểu Bảo không dám nói thật. Một là - nếu gã thú thật đã đầu độc ngựa Vân Nam của Ngô Ứng Hùng thì Khang Hy sẽ chửi gã là thứ cờ gian bạc lận; hai là - nếu gã nói dóc rằng ngựa Vân Nam rất dở thì sợ nhà vua mất cảnh giác, sau này gặp thất bại trên chiến trường, gã sẽ phạm tội khi quân. Kim Dung diễn tả những mâu thuẫn trong tâm trạng của Vi Tiểu Bảo ở đoạn này rất xuất sắc. Vi Tiểu Bảo tâu với nhà vua rằng Ngô Ứng Hùng đem theo khá nhiều ngựa Vân Nam về Bắc Kinh. Nghe đến đó, nhà vua hiểu ngay ra Ngô Ứng Hùng đang định trốn chạy khỏi Bắc Kinh. Khang Hy ra lệnh cho cử môn đệ đốc đốc hết cửa thành nhưng đã trễ: Ngô Ứng Hùng quả nhiên đã chạy trốn bằng bảy ngựa Vân Nam của mình. Chuyện hấn định đua ngựa với Vi Tiểu Bảo chỉ là một trò lừa phỉnh. Hấn ra đi và bỏ lại bọn tùy tùng Vương Tiến Bảo, Trương Dũng, Tôn Tư Khắc. Vi Tiểu Bảo xin lệnh Khang Hy cho đi bắt Ngô Ứng Hùng về.

Gã điểm toàn bộ quân kiêu ky doanh, lại dắt theo bọn Vương Tiến Bảo vì bọn này rất sành về ngựa. Trên đường truy kích Vương Tiến Bảo nhìn ra dấu chân ngựa Vân Nam. Vương Tiến Bảo cũng lấy làm lạ vì ngựa Vân Nam do hấn nuôi dưỡng không bao giờ đi tiêu ra phân nát. Vi Tiểu Bảo giấu tít chuyện mình cho đầu độc ngựa Vân Nam bằng bã đậu, cứ bảo cả đoàn rượt theo. Gã phấn khởi vì bã đậu đã phát huy tác dụng nhanh chóng. Từ Bắc Kinh về Vân Nam, đáng lẽ chạy sang hướng Nam nhưng Ngô Ứng Hùng lại chạy về hướng Đông. Vi Tiểu Bảo hiểu ngay Ngô Ứng Hùng muốn chạy ra cửa biển Đường Cô để có thuyền dọc biển đưa hấn về Quảng

Tây, lên Vân Nam. Đang rượt theo, Vương Tiến Bảo thấy xác ngựa Vân Nam chết ở dọc đường. Hắn rất đau lòng nhưng Vi Tiểu Bảo lại cực kỳ khoan khoái, không ngờ trò cờ gian bạc lận của mình phục vụ hữu hiệu cho công việc truy bắt Ngô Ứng Hùng đến như thế. Quả nhiên, bầy ngựa Vân Nam danh tiếng không chịu nổi độc tố của bả đậu, ngã lăn ra chết ráo. Ngô Ứng Hùng bỏ ngựa, trốn vào trong ruộng lúa mạch. Hắn bị Vi Tiểu Bảo bắt được, giải ngược về Bắc Kinh. Vi Tiểu Bảo phá án thành công nhờ... bả đậu.

Vua Khang Hy dấu thông minh đến bao nhiêu cũng không thể hiểu được do đâu Vi Tiểu Bảo bắt Ngô Ứng Hùng, phá vụ án “bỏ trốn khỏi nơi giam giữ” này nhanh đến như vậy.

Nhà vua hỏi Vi Tiểu Bảo: “Con mẹ nó, người có bản lĩnh gì mà bắt được Ngô Ứng Hùng?”. Đến lúc đó, Vi Tiểu Bảo mới tâu thật với nhà vua rằng “bản lĩnh” của gã là cờ gian bạc lận, chỉ có cách cho ngựa của Ngô Ứng Hùng ăn bả đậu mới có thể thắng được trong cuộc đua ngựa ngày mai. Khang Hy cao hứng, cười ha hả. Nhà vua tin rằng lòng trời đang ở với mình, hẳn chưa ra quân mà chỉ với một trò gian lận của Vi Tiểu Bảo; nhà vua đã hắt hủi Ngô Tam Quế.

Vụ phá án “phước chủ may thầy” này tiêu biểu cho phong cách viết văn hài hước của Kim Dung. Thế nhưng đó là văn chương tiểu thuyết trong *Lộc Đình ký*, được Kim Dung viết vào năm 1972. Còn chính sử của nhà Thanh trước đó 200 năm thì thế nào? Trong tác phẩm *Thanh sử cảo*, Lang Viên ghi rõ: mùa xuân năm Khang Hy thứ 13, Ngô Ứng Hùng có ý định bỏ chức phò mã trốn về Vân

Nam để cùng cha là Ngô Tam Quế mưu sự khởi loạn. Vua Khang Hy đã tiên liệu mọi điều, cho người giám sát, bắt được Ngô Ứng Hùng giam lỏng tại Bắc Kinh. Năm Khang Hy thứ 16 (1677), Ngô Tam Quế nổi loạn, dựng chiêu bài “Hùng Minh thảo Lỗ” (phục hưng nhà Minh và đuổi người Mãn Châu ra khỏi Trung Quốc). Triều thần đề nghị Khang Hy đem Ngô Ứng Hùng ra để thương lượng với Ngô Tam Quế. Nhà vua không nghe, sai xử trảm Ngô Ứng Hùng và tấn công bình định Vân Nam. Cuộc bạo loạn của Ngô Tam Quế thất bại, nhà Mãn Thanh thu phục Trung Quốc về một mối.

Chương XV.

Người Tây dương trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung

Người Trung Quốc vẫn gọi người châu Âu là Tây dương quý (bọn quý ở bờ biển phía Tây) hoặc Hồng mao quý (bọn quý lông tay đỏ). Khi dùng cách gọi như thế, người Trung Quốc đã tự cho họ cái quyền được mặt sát người châu Âu, coi dân châu Âu không phải là người.

Trong *Lộc Đình ký*, Kim Dung đã có những đoạn, những chương thuật lại các quan hệ với người Tây dương. Đầu tiên là người Nga. Cuộc chiến tranh Trung - Nga dưới triều Khang Hy đã diễn ra tại thành Ni Bố Sở (Nertohinsk) năm 1669. Vi Tiểu Bảo làm nguyên soái, tư lệnh các lộ quân Thanh triều, đi đánh quân Nga. Tư lệnh Nga là Á Nhĩ Thanh Tư Cơ (Alsinsky) bị bắt. Hầu tước Nga là Phí Diêu Đa La (Feodore) phải xin cầu hòa. Trong giai đoạn này, Vi Tiểu Bảo thu nhận hai tay trưởng của Nga để làm người đưa tin về cho công chúa Tô Phi Á (Sophia). Một người tên là Hoa Bá Tư Cơ (Vabasky) và một người tên là Tề Lạc Nặc Phu (Delanov). Hai người này đã giúp chuyển thư từ, quà cáp của Vi Tiểu Bảo về cho

Tô Phi Á và đồng thời cũng đem tin tức, quà cáp của Tô Phi Á tặng lại cho Vi Tiểu Bảo. Do trình độ chữ Hán mập mờ, chữ Nga lại ăm ớ, Vi Tiểu Bảo đọc tên hai người này là Vương Bát Tử Kê (gà chết khốn nạn) và Trư La Nọa Phu (con heo hèn hạ). *Lộc Đình ký* cũng nhắc đến đại sứ Nga Tư Ba Tháp Lôi (Spartinary) và đoàn quân Nga bị bắt đưa về Bắc Kinh, được vua Khang Hy trọng dụng, kêu bằng Nga La Tư tá lĩnh.

Ngay trong triều đình Khang Hy, nhà vua cũng đã trọng dụng hai nhân tài Tây dương. Người thứ nhất là Thang Nhược Vọng (Adam Schall), quốc tịch Đức, giám đốc Thiên văn đài Bắc Kinh. Cuộc đời của Thang Nhược Vọng rất may mắn khi gặp được vua Khang Hy. Thời Thuận Trị, Thang Nhược Vọng đã được tin tưởng, cho làm công việc tính thiên văn, lịch pháp. Năm Khang Hy thứ ba (1665), Tòa Khâm thiên giám tính lộn ngày nhật thực; Thang Nhược Vọng khám phá ra sơ suất ấy, trình Khang Hy. Dương Quang Tiên, viên quan tính lộn nhật thực, đâm ra thù Thang Nhược Vọng, muốn trả oán. Tiên bèn lấy cuốn Đại Thanh thời hiến lịch do Thang Nhược Vọng viết ra dưới triều Thuận Trị, tiên đoán nhà Thanh chỉ ở ngôi 200 năm, làm một bản tâu lên Khang Hy rằng nhà Đại Thanh có thượng đế phù hộ, sẽ trường tồn vạn năm. Chuyện Thang Nhược Vọng cho rằng Đại Thanh chỉ bền vững 200 năm là nguyên rủa Đại Thanh. Lúc đó, Khang Hy mới 11 tuổi, quyền hành đang ở trong tay cố mệnh đại thân Ngao Bái. Ngao Bái nghe tâu, bèn bắt Thang Nhược Vọng, định xử lăng trì. Nhưng Khang Hy phát giác được chỗ để cứu Thang Nhược Vọng. Nhà vua nhỏ tuổi bàn: cuốn Đại

Thanh thời hiến lịch làm ra năm Thuận Trị thứ 10 (1653) chẳng ai nói gì; thậm chí vua còn ban cho Thang Nhượng Vọng tước vị Thông Huyền giáo sư. Nay đem Thang Nhượng Vọng ra giết đi thì chẳng khác nào mặt sát tiên hoàng Thuận Trị là u mê, tối tăm. Nhà vua bèn nên giam Thang Nhượng Vọng lại. Khi Ngao Bái bị giết, nhà vua cho thả Thang Nhượng Vọng ra, làm giám đốc Thiên văn đài như cũ, phong tước Thông Minh giáo sư (vì tên của Khang Hy là Huyền Hoa, phải kỵ úy nên bỏ tước Thông Huyền giáo sư).

Người thứ hai là Nam Hoài Nhân (Ferdinand Verbiest) gốc Bỉ Lợi Thì (Belgique). Người này rất trung thành với Khang Hy, có khả năng luyện kim, chế súng. Khi Khang Hy chuẩn bị đánh Ngô Tam Quế, nhà vua đã nhờ đến cả Nam Hoài Nhân và Thang Nhượng Vọng giám đốc toàn bộ công trình đúc đại bác cho mình. Cả hai đều là giáo sĩ dòng Tên (Jésuite) làm quan dưới triều Khang Hy và đã có nhiều đóng góp lớn lao giúp Khang Hy bình định Trung Quốc.

Chính Vi Tiểu Bảo cũng mến mộ hai người Tây dương này. Y gọi họ là “ngoại quốc lão huynh”. Vi Tiểu Bảo rất kính phục kỹ thuật đúc trọng pháo của hai “ngoại quốc lão huynh”. Sau đó, đi đánh người Nga ở Ni Bố Sở, Vi Tiểu Bảo cũng mời các “ngoại quốc lão huynh” cùng đi theo trong quân để làm người phiên dịch trong đàm phán phân chia biên giới và viết hòa ước bằng tiếng Latin cho mình.

Lộc Đình ký cũng có những đoạn thuật lại cuộc chiến đấu của quân dân đảo Đài Loan chống lại người Hà Lan. Kim Dung gọi viên tư lệnh Hà Lan là Quỷ Nhất (?). Tra cứu trong chính sử Trung Quốc,

chúng tôi chưa tìm ra được đích xác tên gốc của viên tư lệnh này. Tất nhiên, đối với những kẻ đến xâm lược đất nước mình, Kim Dung dùng từ “Quý” cũng chẳng có gì là quá đáng.

Chính trong tác phẩm của mình, Kim Dung cũng thừa nhận rằng sức mạnh hỏa khí của người Tây dương là ghê gớm, không có một thứ “thần công” nào của giới võ lâm Trung Quốc có thể địch lại được. Ngô Tam Quế tặng cho Vi Tiểu Bảo một cặp súng lục của Nga, gã bắn thử một phát, sạt nửa hòn giả sơn, khiến cho gã sợ hãi muốn... ra quần. Cũng vậy, ra diễn võ trường Bắc Kinh xem thử súng đại bác của Nam Hoài Nhân và Thang Nhược Vọng chế ra, gã đã kinh hoàng khi nghe trọng pháo nổ hai lần. Cho nên, nói chuyện võ công là nói chơi, chuyện chiến đấu bằng súng đạn trên chiến trường mới là chuyện thật. Những chiến thắng của quân dân đảo Đài Loan trước quân Hà Lan, của quân Thanh trước quân Nga chẳng qua cũng chỉ là kinh nghiệm dùng cái thô sơ để chống chọi với cái tiên tiến. Người Trung Quốc đã biết đưa quân dùng ván ghép lại để che đạn, cho quân đi sau dùng đoản đao xung phong chặt chân người Tây dương. Lịch sử Trung Quốc gọi đó là Đằng bài quân. Điều may mắn cho họ là ở thế kỷ 17, súng đạn chưa có được sức mạnh sát thương ghê gớm như ở ngày nay. Cho nên họ đã chiến thắng được Tây dương quý.

Chương XVI.

Suy niệm kỷ tiểu hữu

Tôi đang ngồi trên bãi biển Nha Trang. Mùa xuân, trời thật đẹp nhưng biển chiều vẫn mang theo cái vẻ u uất, trầm tư ngàn đời của nó. Bỗng dưng, tôi chợt nhớ đến đoạn Tiểu Siêu chia tay Trương Vô Kỵ trên biển, đoạn văn mà tôi cho là đẹp nhất, xúc động nhất trong *Ỗ thiên Đồ long ký* của Kim Dung. Mỗi tình thơ ngây ấy của Tiểu Siêu đã bị ngăn trở bởi hàng rào tôn giáo, cô phải hy sinh để cứu mạng sống và chuộc lỗi lầm cho mẹ mình. Ngôi vị dành cho cô tại Ba Tư là giáo chủ Bái hỏa giáo, biểu tượng của một thứ quyền lực và vinh quang tột đỉnh mà mọi cô gái đồng trinh đều mơ ước. Nhưng thực chất, làm giáo chủ Bái hỏa giáo Ba Tư hạnh phúc hơn hay làm người tình nhỏ của Trương Vô Kỵ ở Trung Quốc để suốt đời được cùng nhau phiêu bạt giang hồ là hạnh phúc hơn? Tiểu Siêu thích cái thứ hai nhưng bắt buộc phải chọn cái thứ nhất. Sự mâu thuẫn giữa tình yêu và tôn giáo, giữa tình yêu và bổn phận làm con đã được đẩy đến đỉnh điểm. Điều đau xót nhất trong mối tình đầu đã có thể làm Tiểu Siêu nổ tung ra được, chết đi tức khắc được. Có hiểu được cái uyên nguyên sâu xa ấy chăng, hồi biến của đời tôi?

Có một lần, tôi lên Gia Lai, dừng chân lại trên đỉnh đèo Krong Buk giữa biển sương khói mênh mông, lạnh buốt của một sáng cuối đông. Tôi đứng dưới những cụm sơn tùng và chợt nhớ đến nỗi cô đơn của Hà Túc Đạo, được Kim Dung viết trong đoạn *lung* của *Ý thiên Đồ long ký*. Từ đỉnh Kinh Thân Phong trên Thiên Sơn, Hà Túc Đạo đã cầm một cây đàn, một cây kiếm lãng du về Trung Quốc. Dừng chân giữa rừng bách ở ngoại vi chùa Thiếu Lâm, tỉnh Hồ Nam, Hà Túc Đạo đánh đàn một mình cho chim nghe, chống kiếm than thở một mình về tình yêu, về cuộc sống. “*Hỡi ơi, nước xanh và đá trắng sao mà rời rạc nhau đến như vậy*” - đó không chỉ là tiếng kêu thương cô đơn của riêng Hà Túc Đạo, của riêng Kim Dung mà là của tất cả mọi con người cô độc trên thế gian. Nước xanh chảy mãi, ra đi; đá cuội trắng vẫn còn ở lại. Tình yêu là như thế, chỉ đơn giản là nguồn suối đem lại cho đời nỗi ngậm ngùi vì rời rạc nhau. Hà Túc Đạo đánh cò một mình, bán cầu nào bên trái đánh với bán cầu nào bên phải. Cho đến khi thế cò ở vào chỗ bế tắc, tiến thoái lưỡng nan, Hà Túc Đạo như rơi vào một mê hồn trận. Mê hồn trận ấy chính là nghiệp chướng do Hà Túc Đạo tạo ra và bước vào. Để cứu người anh hùng đơn độc, Quách Tường đã mách nước: “Sao tiên sinh không bỏ Trung Nguyên mà quay về Tây Vực?”. Một lời chỉ điểm đơn giản đã giúp Hà Túc Đạo nhận ra biện pháp giải tỏa bế tắc trong đại cục của đời mình, của tư tưởng mình. Chàng trung niên khen hay và cảm ơn người bạn mới nhỏ tuổi. Năm ấy, Quách Tường mới 16 và Hà Túc Đạo đã gần bốn mươi. Phiêu bạt một đời mới tìm ra bạn ngọc, anh chàng sáng tác một bản đàn cho cây tiêu vĩ cầm để đàn cho Quách Tường nghe lòng thương nhớ cảm phục

của mình. Bản đàn ấy vang lên trong một trận đấu tranh dữ dội; Quách Tường nghe và đỏ mặt lên vì nhận ra tiếng nỉ non của tình yêu. Hà Túc Đạo nhớ thương cô nhưng cô chỉ nhớ thương Dương Qua. Cuộc gặp gỡ giữa cô và Hà Túc Đạo chỉ là một cái duyên không hẹn trước, chỉ như là nước xanh và đá trắng rời rạc nhau. Cô bỏ đi tu, còn Hà Túc Đạo quay về đỉnh Kinh Thần Phong, bỏ Trung Nguyên về Tây Vực đúng như thế cờ đã xếp.

Đêm ngồi ở Rạch Giá, Kiên Giang, trông ngàn sao lấp lánh trên biển, tôi chợt nhớ đến Nghi Lâm cõi rồi thất lại giải áo để cầu nguyện cho mình được sống bên cạnh Lệnh Hồ Xung trong *Tiểu ngạo giang hồ ký*. Nghi Lâm, cô sư nữ lỡ vướng vào ma chướng của tình yêu nhưng vẫn một lòng thủy chung cùng Bồ Tát. Mâu thuẫn tình yêu và tôn giáo đã xé nát lòng cô sư nữ ấy. Cho nên mới có một sự dung hòa hi hữu trên đời: tiếng kinh tụng niệm Quan Thế Âm Bồ Tát cứu khổ cứu nạn lại mang theo âm hưởng dịu dàng, trữ tình và say đắm của tình yêu. Có một cái gì đó đã không thể gặp gỡ và Nghi Lâm cố gắng biến nó thành ra cái có thể gặp gỡ được. Nội dung lời kinh là tôn giáo mà âm hưởng tụng niệm, diễn đạt lại là tình ca.

Tôi yêu hệ thống tư tưởng của đạo Phật. Một lần lên Thiên Lâm, tôi ngồi với vị sư già, ngỏ ý xin ngài chỉ cho tôi một con đường đi để được xa cuộc sống mà vẫn rất gần với cuộc sống. Tôi nhớ đến đoạn Kiều Phong lên núi Thiên Thai, tìm nhà sư Trí Quan để xin ông cho biết chân diện mục của mình. Trí Quan cho Kiều Phong biết Kiều Phong là người Khiết Đan, không phải họ Kiều mà là họ Tiêu - Tiêu Phong. Nhà sư đọc:

Khiết Đan với Hán nhân
Bất luận giả hay chân
Ân oán cùng vinh nhục
Không hơn đám bụi trần

Rồi nhắm mắt nhập định và viên tịch.

Tôi chọn hai câu thơ sau trong bài thơ này để làm hướng xuất xử cho cuộc đời. Thượng tọa dạy tôi: “Nghệp duyên của đạo hữu với cuộc đời còn nặng lắm. Đạo hữu cứ sống an nhiên, làm hết các công việc của mình, đem hết trí tuệ tuôn ra ngòi bút để phục vụ cho cuộc sống. Đạo Phật chủ trương “Duy tuệ thị nghiệp”. Phật tính nằm ngay trong công việc, trong lối sống chứ không hẳn là nằm trong Thiền viện, trong cuộc thanh tu. Còn khi nào tâm hồn xót xa, trí lực mệt mỏi, đạo hữu hãy tìm đến với thầy”. Khi tôi bạch Thượng tọa xin phép ra về, ngài còn dặn: “Ai cũng có thể nói tu là cỗi phúc, tình là dây oan. Nhưng tu sẽ không phải là cỗi phúc nếu người ta còn sân si trong đường tu, tình sẽ không là dây oan nếu người ta không tạo ra những oan trái. Cả tu với tình đều có thể là cỗi phúc, đều có thể là dây oan. Thầy đã đọc gần như đầy đủ cả ngàn bài viết của đạo hữu và nhận ra chất nhân hậu trong từng bài, từng câu. Hãy phát triển hơn nữa cái tâm từ bi trong ngòi bút”. Lời dạy của vị Thượng tọa 87 tuổi quả thật là dòng nước cam lồ tưới mát lòng tôi.

Một đêm tháng 7, tôi lên rừng Phước Sơn (Lâm Hà, Đà Lạt), đúng 12 giờ khuya. Đêm nằm trong lán tranh nghe mưa rơi tãn tã ngoài trời, lạnh quá không ngủ được, tôi chong đèn và đọc Kim Dung. Lần này tôi mang theo *Liên thành quyết*, giờ ra đúng đoạn

Thủy Sinh một mình tìm ra Quan Ngoại, sống trong sơn cốc bốn bên mệnh mông tuyết phủ, chờ Dịch Vân trở lại. Những nhân vật nữ của Kim Dung thật thông minh và cũng thật lãng mạn. Họ sẵn sàng đi mấy ngàn dặm ra ngoài quan ải - bây giờ thuộc Đông Bắc Trung Quốc, sống một mình trong hang đá lạnh lẽo đợi tình quân về từ sự suy đoán riêng của họ. Thủy Sinh trong *Liên thành quyết*, A Châu trong *Lục mạch thần kiếm truyện* suy đoán thế nào chàng Dịch Vân, chàng Kiều Phong cũng sẽ trở lại. Và cảm ơn trời, cái hạnh phúc ấy đã thực sự xảy ra. Hay nói ngược lại, nếu Thủy Sinh, A Châu đi mấy ngàn dặm ra Quan Ngoại chờ mà tình quân không trở lại, chắc họ sẽ đau đớn, sẽ ngậm ngùi mà chết đi trong nỗi tuyệt vọng. Tác giả đã để cho Dịch Vân, Kiều Phong trở lại. Giữa tuyết trắng mệnh mông lạnh buốt của thảo nguyên, bóng người về trở thành ngọn lửa sưởi ấm trái tim những người khao khát tình yêu. Người về Quan Ngoại chính là bản tình ca, là chủ nghĩa nhân đạo phương Đông. Có lứa đôi đoàn viên hạnh phúc như Thủy Sinh - Dịch Vân. Có lứa đôi tan nát, bất hạnh như Kiều Phong - A Châu. Nhưng bản tình ca nào cũng sáng lên rực rỡ cái đẹp của phẩm giá con người, của sự thủy chung, của lòng chân thật. Đêm Đà Lạt lạnh buốt mà lòng tôi vẫn cảm thấy ấm áp khi Thủy Sinh choàng tay ôm lấy Dịch Vân.

“Huyền tẩn” là một khái niệm sâu xa trong triết lý của Lão giáo. “Huyền tẩn” có nghĩa là nguyên lý mẹ, nguyên lý tìm về giống cái, cội nguồn của sự sinh nở, của đời sống. Hãy nhìn lại mà xem, các dân tộc phương Đông tôn thờ và kính trọng các nữ thần biết bao

nhiều: bà Tây Vương Mẫu, bà Nữ Oa ở Trung Hoa; Thái Dương thần nữ ở Nhật Bản; Shiva ở Ấn Độ, mẹ Âu Cơ ở Việt Nam. Bởi vì họ là Mẹ của muôn loài, là chất ngọc của giống cái, là biểu trưng của văn minh phồn thực. Yoni - hình ảnh bộ phận sinh dục nữ, đã được tạc thành totem để thờ phượng, kính ngưỡng. Thông qua các nhân vật nữ xinh đẹp, tài hoa và lãng mạn của Kim Dung, thông qua những hình bóng phụ nữ cụ thể trên đời, tôi cũng cất công đi tìm chất ngọc, đi tìm “Huyền tẩn” của chính mình. Mười hai năm trước, mẹ tôi qua đời, tôi cảm thấy bơ vơ như đứa trẻ lên ba dù tuổi tôi đã 40. Cái quyết định tâm linh một người đàn ông chính là người phụ nữ mà người đàn ông ấy tôn thờ, thương yêu, kính trọng nhất. Mẹ tôi chính là người phụ nữ như thế. Và tôi đọc Kim Dung, bàn về những khía cạnh khác nhau trong tiểu thuyết của nhà văn phương Đông tầm cỡ này cũng là đi tìm “Huyền tẩn” của mình.

Trương Vô Ky và Triệu Minh cùng vào một tiệm cơm nhỏ, lựa một chiếc bàn khiêm tốn và gọi mấy món thức ăn với một bình rượu đối ẩm. Sau đó, Trương Vô Ky đưa quần hùng Minh giáo đến tấn công chùa Vạn Pháp do Triệu Minh chỉ huy để cứu các hào kiệt Trung Nguyên bị Triệu Minh giam giữ. Cuộc chiến đấu thành công, Triệu Minh phải gánh chịu sự thảm bại lớn nhất trong đời cô. Đêm ấy, Triệu Minh tìm vào quán cơm xưa, chọn đúng chiếc bàn cũ, cũng kêu đúng các món ăn cũ, bình rượu, hai cái cốc, hai cái chén và hai đôi đũa. Cô rót rượu ra hai cốc thì bỗng dưng... Trương Vô Ky xuất hiện. Họ lặng lẽ đối ẩm như ngày nào không hề nói đến cuộc chiến đấu một mất một còn ở chùa Vạn Pháp. Tôi mong những lứa đôi trên đời này có được những bữa ăn ấm cúng tình yêu như vậy.

Chương XVII.

Kim Dung trở lại Việt Nam

Báo *Lao động* số 69-70/98 ra ngày 30.4.1998 đã có bài phỏng vấn ông Thúy Toàn, phó giám đốc nhà xuất bản Văn Học (Hà Nội) về việc sắp tới nhà xuất bản này sẽ in hàng loạt tiểu thuyết võ hiệp của nhà văn Kim Dung (Hong Kong). Báo *Lao động* gọi đây là một “dự án”, có nghĩa là việc dịch và in các tác phẩm của Kim Dung đã, đang và sẽ trải qua một quá trình đầu tư lớn cả về tài chính lẫn trí tuệ. Có lẽ nguồn tin trên đang tạo ra một sự quan tâm, ngạc nhiên lẫn thú vị trong giới bạn đọc trung niên trở lên của *Kiến thức ngày nay* bởi chỉ có *Kiến thức ngày nay* mới “chịu” đăng tải những bài nhận định của tôi về tác phẩm Kim Dung từ năm 1993 đến nay, khi tác phẩm của nhà văn này chưa được phép chính thức cho xuất bản.

Chưa nói đến những chức năng to lớn khác của văn học, chỉ bàn đến chức năng giải trí thôi thì các tác phẩm của Kim Dung đã có thể xếp ở hàng đầu. Với cách kể chuyện lôi cuốn, hấp dẫn; chương hồi nối tiếp chương hồi; tình tiết nối tiếp tình tiết; Kim Dung đã tạo ra một thế giới trong một thế giới. Ở điểm này, dường như Kim Dung đã đi vào con đường mà các bậc tiền bối sáng tạo ra *Phong*

thần diễn nghĩa, Liêu trai chí dị, Tây du ký... đã từng đi. Nhưng so với các bậc tiền bối, kỹ thuật tiểu thuyết của Kim Dung lâm ly biến ảo hơn, bút pháp tài hoa hơn, văn chương thanh nhã hơn. Trong bản báo cáo đọc trước Đại học Bắc Kinh nhân ngày Kim Dung được mời về đây để trao học hàm Tiến sĩ danh dự, ông Nghiêm Gia Viêm, nhà nghiên cứu văn học đã ca ngợi: “Kim Dung đã đưa tiểu thuyết võ hiệp lên ngang hàng với văn học cung đình”. Kim Dung được xếp hạng trong danh sách 10 nhà văn lớn của văn học Trung Quốc. Tất nhiên, độ “lớn” của ông không chỉ dừng lại ở chỗ tác phẩm của ông đem lại nguồn giải trí cho độc giả. Ông lớn hơn những tác gia khác ở chiều sâu về kiến thức. Tác phẩm của ông là một sự dung nạp khá phong phú những kiến giải về triết học Đông phương, sử học, địa lý học, y học, võ học, văn học. Trong đội ngũ những nhà văn hiện đại của Trung Hoa, ông là người được học hành bài bản: tốt nghiệp cử nhân luật ở Đông Ngô pháp học viện Thượng Hải, không ra làm luật sư mà nhận công việc quản thủ thư viện để đọc rồi sang Hong Kong làm báo. Cũng có lẽ, ông may mắn xuất thân trong một dòng tộc có truyền thống văn học: viễn tổ là Tra Y Hoàng, Tra Thận Hành, Tra Kế Tá từng là các nhà văn thời Minh mạt - Thanh sơ; ông nội từng là nhà thơ có tác phẩm in trong đời vua Quang Tự. Nhưng chiều sâu văn hóa hay truyền thống văn học của gia đình chỉ là một chuyện. Cái cơ bản nhất vẫn là “nội lực” của chính Kim Dung: đi tìm một con đường mới, một thể loại tiểu thuyết mới; xây dựng một phong cách mới; thể hiện bằng một bút pháp mới; hình thành một dòng văn học mới: văn học tiểu thuyết võ hiệp. Kim Dung hoàn toàn khác với các nhà văn phương Tây, lại

cũng khác với những nhà văn Trung Hoa hôm nay và ngày xưa. Đọc Kim Dung chính là đọc cái mới, cái độc đáo, cái “hòa nhi bất đồng” đó của ông.

Trong Cẩm nang tiêu dùng của báo *Sài Gòn tiếp thị* số ra đầu tháng 5/1998, nhà văn Hoài Anh và tôi đã trả lời bốn trang phỏng vấn về các tác giả lớn của tiểu thuyết võ hiệp và về Kim Dung giữa Sài Gòn (cũ). Cuộc phỏng vấn diễn ra trước khi có bài “Chúng tôi in Kim Dung không chỉ để kiếm lãi” trên báo *Lao động* số 69-70/98. Không hẹn mà nên, ông Hoài Anh cùng chúng tôi đều cùng có chung một cái nhìn: nên cho in lại những tác phẩm tiểu thuyết võ hiệp, đặc biệt là những tác phẩm đứng đắn. Tôi vẫn bảo lưu cái nhìn hảo cảm với những tác phẩm của Kim Dung như đã từng bảo lưu năm năm qua trong những bài viết trên *Kiến thức ngày nay*. Cho đến khi bạn đồng nghiệp *Lao động* đưa ý kiến của ông Thúy Toàn thì chúng ta đều có thể hiểu được rằng chuyện Kim Dung trở lại Việt Nam là một chuyện sẽ có thật. Vấn đề còn lại là tác phẩm tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung sẽ “trở lại” như thế nào đối với bạn đọc Việt Nam.

Thật sự, trong 24 năm qua, bạn đọc phía Bắc cũng như phía Nam vẫn có đọc Kim Dung. Đó là những tác phẩm do các ông Hàn Giang Nhạn, Từ Khánh Phụng, Từ Khánh Vân dịch trước năm 1975 tại Sài Gòn; những tác phẩm do một nhà xuất bản ở miền Trung in lại năm 1992 và những truyện “phóng tác” được in chính thức nhưng không để tên Kim Dung. Cả ba loại này đều có sự khuyết nhược: truyện in trước 1975 thì dài dòng, chưa được biên tập kỹ; truyện in

năm 1992 thì cất xén tùy tiện, nhiều lỗi về kiến thức và in ấn; truyện “phóng tác” thì quá nhiều khuyết nhược. Cho nên, việc cho in lại tác phẩm Kim Dung một cách chính thức, căn cứ vào bản in mới của Minh Hà xã năm 1997 tại Hong Kong, theo chúng tôi, là một hiện tượng đáng mừng trong sinh hoạt văn học. Việc ấy đã diễn ra vào cuối năm 1998 với bộ *Tuyết Sơn phi hồ*.

Chúng tôi xin phát biểu một vài ý kiến. Chúng ta cho in lại tác phẩm Kim Dung không phải vì Trung Hoa đã cho in lại từ năm 1985 mà vì tác phẩm của Kim Dung xứng đáng để được in lại và giới thiệu với bạn đọc Việt Nam. Một lẽ nữa, nói là in lại Kim Dung nhưng không phải tác phẩm nào của ông cũng xứng đáng để in lại. Những bộ *Độc bá quần hùng*, *Võ lâm ngũ bá truyện* tự thân nó mang nhiều chi tiết hoang đường; tốt hơn hết là không in lại. *Tiểu ngạo giang hồ*, *Hiệp khách hành*, *Thần điêu hiệp lữ*, *Xạ điêu anh hùng truyện*, *Ý thiên Đồ long ký*, *Thiên Long bát bộ*, *Lục mạch thần kiếm truyện*, *Lộc Đình ký*.... xứng đáng để được in lại. Ba là, ngay trong những tác phẩm “xứng đáng để được in lại”, các nhà xuất bản cũng nên giữ vững cái quyền biên tập. Kim Dung viết thế nào, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa in lại thế nào thì ta vẫn biên tập theo cách của ta. Chúng tôi nghĩ rằng điều quan trọng nhất là phải cảnh giác với tư tưởng Đại Hán, cái tư tưởng coi các dân tộc lân bang là cỏ rác, tăn mác đầu đó trong tác phẩm Kim Dung. Trong thời gian qua, các đài truyền hình chiếu quá nhiều phim Trung Hoa, kể cả phim hoạt hình cho thiếu nhi, quả là một điều đáng ngại. Cái mà ta cần đề phòng là nước mặn xâm thực ruộng nước ngọt.

Chương XVIII.

Tiểu ngao giang hồ

Cách đây trên 30 năm, *Tiểu ngao giang hồ* của nhà văn Trung Quốc Kim Dung đã đến với bạn đọc các tỉnh phía Nam. Nhưng đó là một Kim Dung feuilleton, một Kim Dung tác chiến mỗi ngày khoảng 1.500 chữ để đăng trên tờ *Minh báo*, một Kim Dung đi máy bay Hong Kong qua Việt Nam 1.500 chữ mỗi ngày để được dịch ra Việt ngữ đăng đại trà trên những nhật báo Sài Gòn. Luật sư Nguyễn Văn Tâm thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang, bạn của chúng tôi, nhớ lại: ngày ấy, ông còn học ở đại học Luật khoa và chính ông là thư ký giúp dịch giả Hàn Giang Nhận dịch những tác phẩm của Kim Dung. Trong căn gác nghèo trên đường Vườn Chuối quận 3, dịch giả Hàn Giang Nhận đọc tờ báo đến đâu, dịch ra đến đó. Chàng sinh viên Nguyễn Văn Tâm lót 10 tờ pelure và 9 tờ giấy than, viết lời dịch của Hàn tiên sinh bằng một cây bút bic. Ở phía dưới căn gác, hàng chục ông tùy phái của hàng chục tờ báo ngồi đợi... *Tiểu ngao giang hồ*. Viết xong bản dịch, chàng sinh viên Nguyễn Văn Tâm đem xuống phân phát cho từng người. Ai may mắn lấy được những bản phía trên còn đọc ra được chữ, ai lãnh những bản phía sau chỉ còn cách xem chữ đoán ý. Trên cơ sở tập đại thành những

hồi, những đoạn đã được đăng báo, *Tiểu ngao giang hồ* được in lại thành sách - một Kim Dung feuilleton.

Chúng tôi xin dịch lại *Tiểu ngao giang hồ* với tham vọng giới thiệu cùng bạn đọc yêu sách Việt Nam và yêu tài năng Kim Dung, một Kim Dung văn học. Khái niệm văn học ở đây gói gọn trong ngữ nghĩa văn học tiểu thuyết võ hiệp.

Tiểu ngao giang hồ là tên của một nhạc khúc không lời, viết cho đàn thất huyền cầm và sáo, do hai người bạn tri âm tri kỷ Lưu Chính Phong của phái Hành Sơn (chánh giáo) và Khúc Dương (trưởng lão của Triều dương thần giáo - thường gọi là Ma giáo) viết ra và diễn tấu. Câu chuyện bắt đầu khi phái Thanh Thành của Đư Thương Hải từ Xuyên Tây xuống Phúc Châu, tỉnh Phúc Kiến, tấn công và tiêu diệt Phước Oai tiêu cục, đẩy chàng trai Lâm Bình Chi vào cảnh nhà tan người chết, phải quy đầu làm môn hạ phái Hoa Sơn. Đại đệ tử phái Hoa Sơn Lệnh Hồ Xung là một chàng trai lãng mạn, đã gây sự với phái Thanh Thành và ra tay giải cứu ni cô Nghi Lâm của phái Hằng Sơn thoát khỏi con người dâm ác Diên Bá Quang, bị sư phụ Nhạc Bất Quần phạt lên đỉnh núi sám hối một năm. Chính trong thời gian sám hối này, Lệnh Hồ Xung đã mất người tình, người bạn nhỏ Nhạc Linh San. Cô gái nông nổi đã phụ rẫy mối tình của đại sư ca, đi theo gã mặt trắng Lâm Bình Chi diễn trai và hát khúc sơn ca Phúc Kiến “Chị em lên núi hái chè...”

Lệnh Hồ Xung học được từ thái sư thúc tổ Phong Thanh Dương chín thế kiếm vô địch của bậc tiền bối Độc Cô Cầu Bại, gọi là Độc Cô cửu kiếm. Nhạc Bất Quần của phái Hoa Sơn cũng nuôi âm mưu

chiếm đoạt bộ *Tịch tà kiếm phổ* của dòng họ Lâm như Dư Thương Hải chương môn phái Thanh Thành nhưng lão thi hành thủ đoạn tinh vi hơn và đã thành công. Lão liền tự thiên bộ phận sinh dục của mình (dẫn dao tự cung) để luyện *Tịch tà kiếm phổ*. Để đánh lừa dư luận, đánh lừa Tả Lãnh Thiên, chương môn phái Tung Sơn đang lăm le chiếm đoạt ngôi mình chủ Ngũ nhạc kiếm phái (Thái Sơn, Hằng Sơn, Tung Sơn, Hoa Sơn, Hành Sơn), Nhạc Bất Quần chép một bản *Tịch tà kiếm phổ* giả, tạo điều kiện cho đệ tử Tả Lãnh Thiên ăn cắp đưa về Tung Sơn, mặt khác lão vu cáo đệ tử Lệnh Hồ Xung đã ăn cắp được *Tịch tà kiếm phổ*, kết giao với Ma giáo và yêu cầu đồng đạo giang hồ giết họ Lệnh Hồ Xung.

Trên đường lưu lạc, Lệnh Hồ Xung đã gặp thánh cô Nhậm Doanh Doanh, con gái của giáo chủ Triều dương thần giáo Nhậm Ngã Hành và ngộ hết nỗi đau thương của đời mình. Lệnh Hồ Xung tặng cho Doanh Doanh khúc nhạc *Tiểu ngạo giang hồ*. Họ trở thành đôi bạn rồi đôi tình nhân. Khi Lệnh Hồ Xung ngắt đi, Doanh Doanh đã cống chàng lên chùa Thiếu Lâm để nghị nhà sư Phương Chứng cứu chữa cho chàng. Còn cô, cô tự nguyện để phái Thiếu Lâm cầm tù, đổi lấy sinh mạng cho Lệnh Hồ Xung. Khi Lệnh Hồ Xung hoàn toàn bình phục, chàng quay về Giang Nam, kết giao với quang minh hữu sứ của Triều dương thần giáo là Hương Vân Thiên. Biết Lệnh Hồ Xung đã học được chân truyền Độc Cô cửu kiếm, Hương Vân Thiên dàn cảnh cho chàng xuống đáy Tây Hồ cứu thoát giáo chủ Nhậm Ngã Hành. Họ kéo nhau về đỉnh Hắc Mộc Nhai, trừng trị gã phản đồ Đông Phương Bất Bại. Nhậm Ngã Hành lên ngôi giáo

chủ, mời Lệnh Hồ Xung tham gia thần giáo nhưng chàng bỏ ra đi. Chàng đi theo mối tình của Doanh Doanh.

Nhạc Bất Quần sử dụng *Tịch tà kiếm phổ* (thứ thiệt) đánh cho Tả Lãnh Thiền thua to, chiếm được ngôi minh chủ Ngũ nhạc phái (bỏ chữ kiếm). Lão dùng thủ đoạn tàn bạo, giết Định Tĩnh, Định Nhân và Định Dật, những người cầm đầu phái Hằng Sơn. Trước khi chết, ba lão ni cô này truyền lại cho Lệnh Hồ Xung chức chủ môn Hằng Sơn. Thế là chàng trai lên ngôi, cầm đầu một bầy nữ ni, trở thành chuyện hi hữu trong lịch sử võ lâm Trung Quốc. Trong chính giáo, lẫn lộn bọn tà đạo. Trong tà giáo, lại có những con người chính nhân quân tử. Kim Dung đã giải quyết vấn đề chân-giả, thiện-ác, chính-tà ấy như thế nào?

Vâng, cuộc sống vốn rất sòng phẳng. Toàn bộ những âm mưu, thủ đoạn trá ngụy của nhân vật gọi là Quân tử kiếm Nhạc Bất Quần bị phanh phui. Lão đã phải đền tội dưới bàn tay của tiểu ni cô Nghi Lâm, một người chưa hề biết oán thù, căm giận ai. Lâm Bình Chi, gã tiểu ngụy quân tử cũng đã giết vợ mình là Nhạc Linh San rồi sau đó, nhận chịu sự trừng phạt của cuộc sống. Nhậm Ngã Hành qua đời, cái tham vọng thống nhất giang hồ của lão tan theo mây khói. Doanh Doanh trở về với Lệnh Hồ Xung. Họ cưới nhau và hợp tấu cầm tiêu nhạc khúc *Tiểu ngạo giang hồ*, thành toàn ước mơ hạnh phúc, hòa bình cho cuộc sống - điều mà hai bậc tiền bối là Lưu Chính Phong và Khúc Dương chưa làm được.

*

* *

Trong sự nghiệp trước tác đồ sộ của Kim Dung, chúng tôi gọi *Tiểu ngạo giang hồ* là một siêu phẩm. Toàn bộ tác phẩm gồm 40 chương hồi. Tuy nhiên, tác phẩm lớn không phải ở chỗ dài hơi đó. Nó lớn vì chiều sâu kiến thức hàm chứa ngay trong tác phẩm.

Hai trong ba nguồn tư tưởng lớn của triết học phương Đông - Phật giáo và Lão giáo - đã được Kim Dung hình tượng hóa và cụ thể hóa qua những hình tượng văn học. Phương Chứng đại sư của chùa Thiếu Lâm là con người tiêu biểu của tư duy Thiền tông Phật giáo. Với một căn bản võ công trác tuyệt, một tâm địa từ bi, nhà sư gần như đã góp phần hóa giải những hận thù, chia rẽ, sân si. Định Nhân, Định Dật của phái Hằng Sơn là một dạng Phật giáo khác, một Phật giáo nhập thế và nhập thế. Họ hàng ma phục yêu bằng chính cái tâm hòa bình trung chính của người đi tu. Họ áp dụng nguyên tắc Miên lý tàng châm (trong cái gối bông mềm có chứa cây kim). Họ không đánh ai nhưng ai đánh vào họ thì bị kim đâm, càng đánh mạnh thì vết thương càng nặng. Họ lập ra kiếm trận là để tự giữ mình, chống ngoại địch chứ chẳng để bao vây, tiêu diệt ai.

Nhưng điểm đặc sắc nhất vẫn là tư duy Lão-Trang qua đường Độc Cô cửu kiếm. Phong Thanh Dương đã dạy cho Lệnh Hồ Xung “Dĩ vô chiêu thắng hữu chiêu”. Trong kiếm thế hữu chiêu, vì có chiêu thức cho nên để phát ra được chiêu thức ấy, con người phải có bộ vị, có ni tắc. Và quan điểm của Phong Thanh Dương là nên đánh ngay vào thời điểm chuẩn bị bộ vị, ni tắc đó. Kiếm phải phát theo ý và người kiếm sĩ phát triển kiếm ý chứ không sử dụng kiếm chiêu. Nói cách khác, người sử kiếm chứ không phải kiếm sử người và cần

đến một phong thái ung dung, liên tục như nước chảy mây trôi trong khi giao đấu với địch thủ. Cách dạy của Phong Than Dương lại vô cùng phù hợp với tâm tính lãng mạn của Lệnh Hồ Xung. Điều này làm ta nhớ đến chương “Thuyết kiếm” của Trang Tử. Lão-Trang chủ trương vô vi (không làm). Không làm nhưng không có gì là không làm (Vô vi nhi vô bất vi). Chính trên nền tảng đó, Xung Hư đạo trưởng của phái Võ Đang - nhân vật đại biểu của tư tưởng Lão-Trang đã gắn bó cuộc đời mình với sự thịnh suy, hưng vong của võ lâm Trung Quốc. Cũng chính trên nền tảng đã có một cuộc đấu kiếm kỳ lạ xảy ra: Lệnh Hồ Xung và Xung Hư đấu kiếm mà không dùng đến kiếm, chỉ lấy mắt ngó nhau, cuối cùng, Xung Hư đành nhượng bộ.

Tiểu ngạo giang hồ lắng lẽ dắt đưa người đọc đi vào cuộc hành trình tìm về những suối nguồn tư tưởng của phương Đông, một phương Đông lãng mạn bay bổng “Khi lên cao chín ngàn dặm, nương mây cỡi gió mà bay” như Trang Tử đã viết trong *Nam hoa kinh*. *Tiểu ngạo giang hồ* có cái u ẩn trầm mặc đầy suy niệm của những ngôi chùa, những đạo quan, những rừng tùng bách, bóng trắng sáng trên Trường Giang, cơn mưa tuyết mùa đông trên Ngọc Nữ phong. Xuyên suốt tác phẩm là tiếng đàn, tiếng sáo của khúc *Tiểu ngạo giang hồ*, tiếng ca buồn của Mạc Đại tiên sinh trong khúc *Tiên Tương dạ vũ*. Tác phẩm còn là sự tập hợp của nhiều kiến thức về y học, dược học, địa lý học, tử học, giải phẫu học, võ học, xã hội học. Chính nhờ đọc tác phẩm này, chúng tôi mới biết người Tứ Xuyên luôn luôn bịt khăn trắng trên đầu - tục lệ có từ hai ngàn năm trước khi để tang con người huyền thoại Khổng Minh.

Trong kỹ thuật kết cấu tiểu thuyết, có thể coi *Tiểu ngạo giang hồ* như một kịch bản phim với những đoạn chuyển cảnh rất nhanh và rất hợp lý. Những mâu thuẫn chiều sâu trong nội tâm của các nhân vật kết hợp với những mâu thuẫn chiều dài trong sự đấu tranh, trong âm mưu, trong thủ đoạn của các môn phái tạo cho cốt truyện những tình huống nghẹt thở, khiến người đọc càng đọc càng cảm thấy bị cuốn hút, say sưa. Kim Dung đã giải quyết hợp lý các mâu thuẫn đó khiến người đọc thờ phào, nhẹ nhõm và cảm thấy hạnh phúc.

Có những điều mà ta nghĩ rằng không bao giờ có thật trên đời lại xảy ra trong tác phẩm của Kim Dung một cách hợp lý và tràn đầy đạo lý. Cơ duyên nào đã đưa một cô nữ ni thánh thiện, trong như ngọc mới mười sáu tuổi dẫn thân vào nơi ô uế, phức tạp nhất là động điểm Quân Ngọc dưới chân Hành Sơn để cứu mạng Lệnh Hồ Xung? Cô đã bỗng chàng lãng tử thanh danh tàn tạ ấy ra vùng hoang sơn dã lĩnh, chấp nhận phạm giới cấm khi ăn trộm dưa hấu có thức ăn cho chàng, tụng kinh Cứu khổ cứu nạn Quan Thế Âm Bồ Tát cầu xin cho chàng tai qua nạn khỏi. Lại thay, lời kinh trang nghiêm của Phật giáo lại được đọc với hơi thở từ một trái tim tràn đầy tình yêu và đức hy sinh. Cơ duyên nào đã đưa đẩy một nàng Nhạc Linh San mới mười sáu tuổi say mê cái mã đẹp trai của Lâm Bình Chi và dễ dàng phụ rẫy mối thâm tình ban đầu mà cô đã dành cho Lệnh Hồ Xung? Cho đến khi lấy Lâm Bình Chi, nhận ra bản chất tàn bạo của gã, cô mới hối hận vì đã đánh mất một báu vật trên đời: “Nhớ xưa luyện ái Hàn công tử. Xương trắng thành tro hận

chừa tan”. Cơ duyên nào đã đến với thánh cô Nhậm Doanh Doanh, ở ẩn trong ngõ Lục Trúc thành Lạc Dương mà “nhật” được một chàng Lệnh Hồ Xung ốm o bệnh hoạn và khám phá ra được đó là người đàn ông anh hùng, trung thực, có bản sắc nhất giữa cuộc đời này? Từ bỏ ngôi vị cao quý nhất, cô gái tươi đẹp, thông minh mười bảy tuổi ấy đi theo chàng trai, bắt ếch nuôi chàng, đánh đàn ru cho chàng ngủ và khi chàng kiệt sức thì công chàng lên chùa Thiếu Lâm, chấp nhận cho phái Thiếu Lâm cầm tù để đổi lấy sự sống cho người yêu dấu. Đó là ba dạng tình yêu trên đời: một tình yêu không nói thành lời do sự mâu thuẫn giữa tôn giáo và thế tục, một tình yêu thực dụng vì say mê hào nhoáng bên ngoài mà không thấy được rõ phẩm chất bên trong, một tình yêu chân chính vì khám phá được chất ngọc bên trong mà không cần chú ý đến vẻ bên ngoài của một con người ốm o, tàn tạ. Kim Dung không lên gân bình luận, phê phán; ông chỉ tường thuật và chúng ta hiểu.

Nguyên tác *Tiểu ngạo giang hồ* của Kim Dung do Minh Hà xã in năm 1997 này hoàn toàn mới lạ, khác hẳn *Tiểu ngạo giang hồ* đã từng có trên báo chí Sài Gòn trước đây. Kim Dung đã mạnh dạn cắt bỏ một số đoạn mà ông xét thấy là không cần thiết. Thí dụ ông đã cắt bỏ khoảng 3.000 từ ngay trong hồi thứ nhất có nội dung giới thiệu về quan hệ gia tộc, võ công, sự nghiệp kinh doanh và oai lực của Phước Oai tiêu cực tại thành Phúc Châu. Ông bỏ hẳn đoạn Nhạc Linh San (trong vai cô gái bán rượu xấu xí) cứu Lâm Bình Chi bằng cách cho chàng uống rượu pha thuốc có được tính thật mạnh mà viết hẳn một đoạn mới với những tình tiết hợp lý hơn, hấp dẫn hơn.

Ông thận trọng rà từng câu, chỉnh từng ý, xem lại từng tình huống tiểu thuyết. Ngày trước, ông đã để cho Đại tung dương thủ Phí Bản của phái Tung Sơn chết đi rồi sống lại, bây giờ không còn tình huống đáng tiếc ấy nữa. Cho nên, bản dịch của chúng tôi trên nền tảng nguyên tác *Tiểu ngạo giang hồ* do Minh Hà xã in là một bản dịch mới lạ. Một chương hồi trong nguyên tác của Kim Dung rất dài, có khi đến ba bốn chục ngàn từ. Chúng tôi xin được phép cắt những chương hồi ấy ra thành những hồi ngắn hơn. Trong phần phụ lục ở cuối tập sách này, chúng tôi xin giới thiệu với các bạn hai hồi thứ bảy và thứ tám trong bộ *Tiểu ngạo giang hồ* để các bạn thưởng ngoạn.

Chương XIX.

Huyền thoại Nhạc Linh San

Đọc đi đọc lại *Tiểu ngao giang hồ* của Kim Dung, tôi cứ thầm mong rằng cô Nhạc Linh San đơn giản chỉ là nhân vật trong tiểu thuyết, rằng cô không hề có thật ở trên đời. Tôi yêu quý nhân vật này biết bao nhiêu ở những chương hồi đầu của bộ tiểu thuyết thì tôi lại ghét cô đến bấy nhiêu ở những chương hồi sau.

Nhạc Linh San là cô con gái độc nhất của chương môn phái Hoa Sơn Nhạc Bất Quần và bà Ninh Trung Tắc. Năm mười sáu tuổi, cô xuất hiện trong tác phẩm tiểu thuyết của Kim Dung với một bộ mặt xinh đẹp và đôi mắt đen lay láy, đôi mắt to tròn của một cô gái trong sáng, trong trắng, nghịch ngợm và thông minh. Do yêu cầu theo dõi hành tung của phái Thanh Thành khi chúng tiến đánh Phước Oai tiêu cục để tìm kiếm bộ *Tịch tà kiếm phổ*, Nhạc Linh San đã được “đánh” xuống phủ Phúc Châu, tỉnh Phúc Kiến, hóa trang thành một cô gái bán rượu và nấu rượu trong hiệu Đại Bảo mà chủ nhân của hiệu là nhị sư ca của cô - Lao Đức Nặc.

Hãy trở lại một chút với ngày xưa. Mười hai năm trước, Nhạc Bất Quần nhận một chàng trai không cha không mẹ là Lệnh Hồ

Xung vào làm đại đệ tử của phái Hoa Sơn. Lệnh Hồ Xung xem Nhạc Bất Quần như cha, Ninh Trung Tắc như mẹ, Nhạc Linh San như em gái. Vốn là người tứ cố vô thân, chàng trai này đã coi phái Hoa Sơn chính là mái ấm của đời mình. Thông minh, giàu nghị lực, Lệnh Hồ Xung gần như đã học hết được chân truyền của Hoa Sơn kiếm pháp và Hoa Sơn khí công. Nhạc Linh San mới ba bốn tuổi, chàng trai đã bông bế cô hái hoa bắt bướm, làm cho cô những trò chơi. Lớn lên một chút, Nhạc Linh San muốn... hái sao trên trời. Cô may những chiếc túi nhỏ bằng vải sa để Lệnh Hồ Xung bắt đom đóm về bỏ vào túi, treo các chiếc túi chung quanh giường cô ngủ để khi nào chợt mở mắt ra, cô có thể nhìn thấy hàng trăm con đom đóm lấp lánh như ánh sao. Đến khi vào tuổi dậy thì, cô đề nghị Lệnh Hồ Xung cùng cô sáng tạo ra một đường kiếm pháp riêng. Họ rủ nhau xuống thác nước luyện kiếm, đặt tên cho đường kiếm là *Xung Linh kiếm pháp*, một cách ghép hai chữ trong hai tên người, một trò chơi của trẻ con. Oái oăm làm sao, trong *Xung Linh kiếm pháp* này, Nhạc Linh San lại đề nghị đặt tên cho một chiêu thức nguy hiểm nhất là Nhĩ tử ngã hoạt (người chết ta sống).

Chỗ mạnh của Lệnh Hồ Xung là lòng nghĩa hiệp, là tính trung hậu, là tâm hồn nhân ái bao la. Chỗ yếu của Lệnh Hồ Xung là rượu. Và cũng chính vì chén rượu, Lệnh Hồ Xung bị gọi là gã lãng tử thanh danh tàn tạ, là con người không biết phân biệt trắng đen phải trái, là kết giao với bọn tà ma. Tất nhiên, đó là những nhận xét của những người đứng ngoài cuộc, còn bản chất của sự việc không phải như vậy. Mà Nhạc Linh San thì chưa bao giờ nhìn ra được bản chất

ấy; cô chỉ hiểu con người qua tiếng đồn, qua sự suy đoán. Và đó là con đường đưa cô đến chỗ mất Lệnh Hồ Xung, mất đi món bảo vật là mối tình đầu thơ ngây và tươi đẹp để về làm vợ của một gã tiểu ngụy quân tử đã tự hiến bộ phận sinh dục của mình. Đó là gã Lâm Bình Chi.

Nhạc Linh San gặp Lâm Bình Chi tại Phúc Châu. Phía trên cô và Lao Đức Nặc có ngụy quân tử Nhạc Bất Quần đứng ra thực hiện một âm mưu sâu sắc: rình rập để phỗng tay trên bộ *Tịch tà kiếm phổ* mà phái Thanh Thành đang nuôi tham vọng đánh cướp của nhà họ Lâm ở Phước Oai tiêu cục. Cuối cùng rồi âm mưu của Nhạc Bất Quần cũng thành công: lão thu nhận Lâm Bình Chi làm đệ tử, chiếm được bộ *Tịch tà kiếm phổ* và “dẫn đạo tự cung” (tự hiến bộ phận sinh dục) để luyện đường kiếm này. Cha thì được kiếm phổ còn con gái thì được gì? Nhạc Linh San lấy được Lâm Bình Chi, hưởng được toàn bộ vàng bạc châu báu của Lâm Bình Chi đem từ phân cục của Phước Oai tiêu cục tại Trường Sa về, trở thành cháu dâu của Vương Nguyên Bá, ông ngoại Lâm Bình Chi, một nhà giàu nứt tường đổ vách tại thành Lạc Dương. Làm vợ một gã đẹp trai mà cô gái này chưa hề được biết đến lạc thú của chăn gối. Vâng, Lâm Bình Chi nôn nóng trả thù phái Thanh Thành, hẳn cũng luyện *Tịch tà kiếm phổ*, cũng tự hiến bộ phận sinh dục như ông cha vợ. Cuối nhau xong, hai người ngủ riêng hai giường, chuyện chăn gối đối với họ thuần túy chỉ là sản phẩm của trí tưởng tượng. Nói theo ngôn ngữ tâm phân học hiện đại của Sigmund Freud, Lâm Bình Chi đã tự triệt tiêu năng lực tình dục Libido của mình. Ấy là vì câu đầu tiên mà *Tịch tà kiếm phổ* dạy là

Võ lâm xưng hùng

Dẫn đao tự cung

(Muốn xưng hùng bá võ lâm

Phải biết cầm đao tự thiên)

Nhưng đó là chuyện về sau, chuyện ở cuối bộ tiểu thuyết. Vấn đề ở đây chính là nhận thức về tình yêu của Nhạc Linh San. Cô gái ấy đã yêu đại sư ca Lệnh Hồ Xung của mình bằng một tình yêu nồng thắm. Gặp các bạn đồng môn, cô hỏi thăm cả mười tiếng đại sư ca đâu rồi. Thấy cha chiều theo môn quy đánh đòn Lệnh Hồ Xung, cô khóc. Nghe chuyện Lệnh Hồ Xung bị người khác truy tìm, cô kinh hãi. Lệnh Hồ Xung bị phạt giam trên núi cao, cô giành phần đưa cơm, lại giấu cho chàng một hũ rượu ngon để uống giải sầu. Thậm chí khi cha mẹ đi vắng, cô đã dám tìm lên ngọn núi cao, ngủ qua đêm với Lệnh Hồ Xung trong sơn động, tất nhiên không có việc gì bẽ bối xảy ra vì Kim Dung ít khi cho trai gái quan hệ tình dục trước hôn nhân. Một cô gái có mối tình đẹp như thế lại không cưỡng lại được trước gã “mặt trắng” Lâm Bình Chi. Vắng đại sư ca, cô dẫn Lâm Bình Chi đi luyện kiếm, hái nấm, dạo chơi trong núi Hoa Sơn rồi dạy Lâm Bình Chi học kiếm pháp. Tác giả không nói rõ trong tiểu thuyết nhưng ta vẫn biết rằng qua những ngày tháng gần gũi với Lâm Bình Chi, cô khám phá ra được Lâm Bình Chi là một tử phú. Ngoài trái tim chung tình ra, Lệnh Hồ Xung chẳng có gì hết. Lâm Bình Chi có nhiều thứ: cái mã đẹp trai như phụ nữ, vàng bạc châu báu đầy bao, cháu ngoại của một nhà giàu nhất Lạc Dương và khúc Sơn ca Phúc Kiến lạ tai: “Chị em lên núi hái chè...”. Cho

đến khi Lệnh Hồ Xung nghe được câu “Chị em lên núi hái chè” rất âm hưởng dân ca Phúc Kiến đó, chàng trai mới biết Nhạc Linh San đã bỏ mình đi theo mối tình mới. Khúc Sơn ca Phúc Kiến nát ngọc tan vàng đã cuốn toàn bộ kỷ niệm tình yêu đầu đời trôi theo dòng nước lũ. Lệnh Hồ Xung chỉ còn biết đem niềm đau của mình kể hết cho Nhậm Doanh Doanh, người con gái ẩn thân trong ngõ Lục Trúc thành Lạc Dương nghe...

Nhưng tôi không hề phiền trách tư tưởng thực dụng trong cô gái mới mười bảy, mười tám tuổi này. Điều đáng phiền trách nhất là cô đã từng sống bên cạnh người đại sư ca trên mười mấy năm mà không hề hiểu được bản chất thật thà, trung hậu, ngay thẳng của Lệnh Hồ Xung. Cha cô đã vu cáo Lệnh Hồ Xung ăn cắp *Tịch tà kiếm phổ* của nhà họ Lâm. Theo gương cha, cô cũng vu cáo Lệnh Hồ Xung đã giết một bạn đồng môn, đã chém Lâm Bình Chi đến trọng thương và đã ăn cắp *Tịch tà kiếm phổ* của Lâm Bình Chi. Nói cách khác, cô hoàn toàn không hiểu được con người của Lệnh Hồ Xung. Có lẽ đó cũng là điều hết sức may mắn cho Lệnh Hồ Xung bởi nếu chàng ta cưới một cô gái như vậy về làm vợ thì cuộc sống lứa đôi quả là sự trừng phạt.

Toàn bộ những điều mà cô cáo buộc Lệnh Hồ Xung chỉ là những dự đoán. Thực sự, chính cha cô đã làm nên tất cả những màn kịch ấy. Nhưng nâng dự đoán lên trở thành niềm xác tín thì chỉ có Nhạc Linh San; cha cô không hề tham dự vào. Cho nên, khi đã thành vợ Lâm Bình Chi, hiểu được rằng chồng mình là một gã thái giám đã tự thiến bộ phận sinh dục, Nhạc Linh San mới rõ được tất

cả. Lúc bấy giờ thì đã muộn, Lệnh Hồ Xung đã là người thuộc về Nhậm Doanh Doanh. Nhạc Linh San chỉ còn biết mượn bài thơ của Lý Thương Ẩn chép lên tấm lụa treo trên vách:

*Phụng nữ ân cần biệt cố nhân
Tóc tơ vương vấn nợ hồng trần
Nhớ xưa luyến ái Hàn công tử
Xương trắng thành tro hận chứa tan*

Cô bị chính chồng mình là Lâm Bình Chi giết. Hắn đã thành người lại cái, chỉ thích đàn ông, đâu có thích phụ nữ. Khi chết đi, vị phu nhân này hãy còn là một trinh nữ...

Đọc đến đây, tôi lại cảm thấy xót thương Nhạc Linh San. Cô sống đã không có hạnh phúc, chết đi lại mang mối hận ngàn đời. Cuối cùng, con người thực dụng ấy lại quay về với bản chất làm người tốt đẹp nhất, lại biết quý chút kỷ niệm, chút tình đầu thơ ngây, trong sáng.

*Nhớ xưa luyến ái Hàn công tử
Xương trắng thành tro hận chứa tan.*

Phụ lục I

Vũ Đức Sao Biển với “Kim Dung giữa đời tôi”

Phùng Tấn Đông

Báo Quảng Nam

Không dám nhận lời khen tặng của đồng nghiệp báo giới rằng mình là nhà “Kim Dung học” ở Việt Nam, Vũ Đức Sao Biển tự nhận mình chỉ là “người đọc” Kim Dung: “Ba mươi năm qua, tôi đã đọc Kim Dung thật kỹ và lạ thay mỗi lần đọc lại cảm thấy thêm một lần thú vị” (Dẫn nhập). Dầu gì đi nữa, đọc Kim Dung chừng ấy thời gian và đem cái “sở đọc” sở học ra làm sở dụng là viết sách, giúp nhiều người hiểu thêm những tác phẩm “ẩn tàng một chiều sâu đạo đức rất đáng trân trọng”, quả là hệ lụy của một kẻ tài hoa.

Tác phẩm được gọi là tiểu thuyết võ hiệp kỳ tình của Kim Dung xuất hiện ở Sài Gòn những năm 60 với *Độc bá quần hùng*, *Tiểu ngao giang hồ* ... Sau ngày đất nước thống nhất đã có nhiều ý kiến gay gắt cho rằng, Kim Dung mang tư tưởng “hư vô chủ nghĩa” không phân rõ “chính - tà”, đề cao tình yêu riêng tây vị kỷ. Xa hơn nữa, nhiều nhà phê bình đã bỏ qua những thủ pháp sáng tác truyền

thống của văn học Á Đông, đặc biệt của Trung Hoa, như thủ pháp vận dụng sự hoang tưởng, phi thực, những cảnh giới Liêu trai, những truyện truyền kỳ để “phê” Kim Dung phản khoa học, mắc bệnh tâm thần thể hoang tưởng, v.v...

Với hơn 300 trang khảo luận, Vũ Đức Sao Biển đã “đọc” một cách bình tĩnh, say sưa một cách thâm trầm toàn bộ 11 bộ tiểu thuyết đồ sộ hơn sáu vạn trang Quan thoại của Kim Dung. Chương “Phong cách xây dựng nhân vật” phần đầu cuốn sách đã đi sâu phân tích sức cảm dỗ mãnh liệt của văn phong nhà tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung, mà mỗi nhân vật là một hành xử, một cá tính, một số phận. “Không ai giống ai” trong hàng trăm nghìn nhân vật. Kim Dung đã dung hợp cả ba thể loại văn chương truyện, ký, lục của Trung Hoa, tạo ra những bộ tiểu thuyết võ hiệp vừa mang tính chân thực lịch sử vừa đậm tính hư cấu, vừa thuận lý vừa nghịch thường. Bút pháp “hư hư thực thực” của Kim Dung vẽ nên nhiều những diện mạo vô cùng ấn tượng như Đoàn Dự, Kiều Phong (*Lục mạch thần kiếm truyện*), Lệnh Hồ Xung (*Tiểu ngạo giang hồ*), Trương Vô Kỵ (*Ý thiên Đồ long ký*)... Ở đó có phong cách của Tư Mã Thiên (*Sử ký*), La Quán Trung (*Tam quốc chí*), Ngô Thừa Ân (*Tây du ký*) và nhiều tác giả của hàng trăm tiểu thuyết chương hồi thời Minh - Thanh.

Tác giả thiên khảo luận *Kim Dung giữa đời tôi* (Nhà xuất bản Đồng Nai, 1997) mạnh dạn đề cao Kim Dung phân rõ chính tà, cái ác tòng thiện, chữ Vô không bằng chữ Hiệp, triết lý giải thoát thâm sâu của đạo Phật, tư tưởng Vô vi chân thực trong lẽ huyền nhiệm của Lão - Trang và đặc biệt là những tra vấn cùng kiệt của nhân

sinh về đạo đức, về tình yêu, về cái đẹp... Tác giả dành nhiều chương hấp dẫn thú vị để luận về thơ ca, âm nhạc, hoa, rượu, tình yêu, tình dục... bên cạnh những “phản đề” như võ công (đao luận, kiếm luận...), cái ghen, chất hài hước... trong tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung. Tất cả cho thấy Kim Dung một nhà văn, một nhà nhân bản, một người gieo mầm thiện mỹ, không khoan nhượng trước cái ác, cái xấu, đúng phẩm cách của một nhà văn lớn. Đọc *Kim Dung giữa đời tôi* người đọc gặp lại và hiểu sâu hơn tấn bi kịch Nhận môn quan của người anh hùng Kiều Phong, nỗi đau đớn xé lòng trong tiếng rú độc ác chết người của Tạ Tốn, nỗi đau vật khờ người giữa lẽ đạo và đời của sư nữ Nghi Lâm, cái bản chất cơ hội gian ngoan bất chấp đạo lý của “Quân tử kiếm” Nhạc Bất Quần... Điều còn lại là khát vọng tự do, hòa bình, công lý và tìm “bản lai diện mục” ở những bóng đời riêng trong cõi đời xanh vĩnh thể của Lệnh Hồ Xung với Doanh Doanh, Vô Kỵ với Triệu Minh... như trước đó Trương Thúy Sơn và Hân Tố Tố (*Ý thiên Đồ long ký*).

Những tác phẩm lớn luôn được người đọc soi sáng để tạo dựng tiếp những chiều kích nhân bản mới cao hơn, bền vững hơn mặc bao dâu bể phong trần. Với Kim Dung, tác giả của những nhân vật bỏ ngổ cho chúng ta không ngớt những suy tư về khát vọng hoàn thiện nhân cách, về quyền lực và tự do, về lưới gươm và cây đàn, về điều ác và lẽ thiện, hẳn sẽ còn nhiều những cuốn sách như *Kim Dung giữa đời tôi* của Vũ Đức Sao Biển.

Phụ lục II.

Kim Dung với Sài Gòn

Nguyễn Thu - Đoàn Đạt

Sài Gòn Tiếp Thị (tháng 5.1998)

Đây là cuộc trò chuyện với Vũ Đức Sao Biển, nhà Kim Dung học, tác giả của hai cuốn Kim Dung giữa đời tôi, về những dấu ấn của tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung ở Sài Gòn.

- *Đọc tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung in trước giải phóng so với gần đây, sự cảm thụ có khác gì không?*

Trước giải phóng do tâm lý thanh niên và giới trí thức miền Nam bế tắc vì chiến tranh, người ta tìm đến những thế giới trong đó vừa có thể giải trí vừa có thể quên đi thực tại của cuộc sống. Truyện võ hiệp Kim Dung là một trong những thế giới đó.

Sau 23 năm, truyện võ hiệp Kim Dung đến với người đọc thiếu tính chân xác, một là do những truyện võ hiệp không chính thức cho phép in, hai là trường hợp NXB Quảng Ngãi năm 1992 có in một số, nhưng lại biên tập hơi vội vàng, cắt xén không hợp lý, văn chương lủng củng, lỗi bản in còn nhiều. Nguy hơn, có một số người đem truyện Kim Dung sửa tên nhân vật, thêm thắt thành ra dịch

không ra dịch, thậm chí phóng tác cũng chẳng ra phóng tác.

Trước kia, người ta được đọc những tác phẩm in ấn đăng hoàng, được dịch bởi những cây bút tài hoa như Hàn Giang Nhạn, Từ Khánh Phụng, Từ Khánh Vân. Sau này chỉ được đọc toàn những “ngụy thư”, không được thưởng thức kỹ thuật tiểu thuyết, nghệ thuật diễn đạt. Tôi đã đọc một vài bản của Nhà xuất bản Quảng Ngãi và lấy làm tiếc cho người đọc sách võ hiệp.

Theo tôi, việc chọn dịch và xuất bản các bộ tiểu thuyết võ hiệp, nhất là các tác phẩm Kim Dung một cách nghiêm túc sẽ có lợi cho việc giao lưu văn hóa và giải trí của nhiều tầng lớp công chúng.

- *Tiểu thuyết võ hiệp đã từng là môn “Hấp tình đại pháp” giúp các chủ báo thu hút độc giả?*

Ở Sài Gòn hồi ấy có khoảng 44 tờ nhật báo, trong đó có trên 10 tờ khai thác truyện võ hiệp của Kim Dung bằng cách đón tờ *Minh Báo* của Hong Kong gửi qua đường máy bay, tranh nhau dịch liền đăng feuilleton ngay ngày hôm đó. Dịch giả ăn khách Hàn Giang Nhạn có một người thư ký viết tay lót cả xấp giấy cạc-bon để tải các bản dịch cùng lúc cho các báo.

Thời đó, nếu không có truyện feuilleton Kim Dung, tờ báo sẽ kém cạnh tranh. Đã vậy họ còn phải giựt tựa cho thật ăn khách, như *Ý thiên Đồ long ký* có viết đậm về một cô gái nào đó, nhưng cũng ráng giựt lên cái tựa *Cô gái đồ long*.

Khi truyện đã đăng trọn các kỳ, các Nhà xuất bản Đường Sáng, Tân Thế Kỷ thường in lại trọn bộ, chia thành nhiều tập như *Hiệp*

khách hành 4 tập, *Ý thiên Đồ long ký* 11 tập. Tình hình kinh tế cũng để lại dấu ấn trên bề dày tập truyện, lúc đầu dày, sau vật giá mọi thứ leo thang, sách chỉ còn mỏng bằng một nửa.

- *Có phải tiểu thuyết võ hiệp đã để lại những dấu ấn trong cuộc sống khá là rõ nét? Chẳng hạn như nhiều người đã mượn tên nhân vật trong truyện Kim Dung để làm bút danh...*

Người ta đọc báo xong bắt đầu gặp nhau ở quán nước, cà phê để bình luận. Sinh viên cũng đem theo tiểu thuyết võ hiệp vào trường. Một số nhà văn mượn tên nhân vật Kim Dung mà họ yêu thích làm bút danh. Như Lê Tất Điều lấy bút danh là Kiều Phong (bang chủ Cái bang in trong truyện dịch *Thiên Long bát bộ* (2 tập) + *Lục mạch thần kiếm truyện* (6 tập) - SGTT), nhà thơ Nguyễn Sa lấy bút danh là Hư Trúc (cùng bộ truyện). Tôi cũng có một bút danh như vậy: Mạc Đại (chương môn phái Hành Sơn trong *Tiểu ngao giang hồ*)

Còn ở đại học, trong chứng chỉ Hán văn của Đại học Văn khoa, các thầy cô thỉnh thoảng cũng đem một số đoạn của Kim Dung để bình giảng cho sinh viên nghe. Tôi có một cô giáo dạy bộ môn Quan thoại ở trường Đại học Sư phạm, người Đà Loan, đặc biệt say mê tác phẩm của Kim Dung. Thỉnh thoảng cô cũng trích ra một số đoạn để giảng. Ví dụ như đoạn tử luận của Tổ Thiên Thu với Lệnh Hồ Xung (hai nhân vật trong *Tiểu ngao giang hồ*). Cũng có một số nhà phê bình tên tuổi viết phê bình, nhận định về Kim Dung, như bài Huyền sử Nhạn môn quan (nơi Kiều Phong tự sát).

Ngôn ngữ võ hiệp đã từng đi vào đời sống thị dân Sài Gòn. Chẳng hạn như một bài hát cải biên: “*Có cô gái đồ long lắc bầu cua,*

lắc ba cái ra ba con gà mái, chung hết tiền, cô trốn liền...”

Chủ yếu là ngôn ngữ võ hiệp qua ngòi bút dịch tài hoa của Hàn Giang Nhận. Lúc đó bạn bè có cái mốt chữ nhau: “Muời tám đời tổ tôn quân rùa đen”. Đây là “thành ngữ” được Hàn Giang Nhận dịch từ: “Ô quy thập bát đại”, cũng là một câu chữ thường được những nhân vật giang hồ của Kim Dung sử dụng.

Vào khoảng năm 68, qua đoạn Lệnh Hồ Xung lọt vào hang động của bọn người đui mắt, khi lâm địch, họ thường dùng câu mật khẩu “Cút con bà mày đi” để khởi đánh nhằm phe mình, câu chữ này cũng trở thành mốt.

Có những đoạn tiểu đối được đem làm ví dụ trong tu từ pháp tiếng Việt như “Gió xuân mát mẻ/ ngàn liễu xanh tươi / hoa phở sắc thắm / hương nức lòng người”.

Kim Dung cũng đi vào kịch bản cải lương hồi đó, nhưng tiếc là tôi đã không coi cải lương, nhưng nhớ là người ta cũng từng khai thác mối tình Nhạc Linh San, Lệnh Hồ Xung và Lâm Bình Chi (ba nhân vật trong *Tiểu ngao giang hồ*). Truyện Kim Dung thời đó chưa được Hong Kong dựng thành phim.

● Ông thấy giữa phim và truyện như thế nào?

Thú thật là cho đến tận bây giờ, mặc dầu nghe nhiều người ca ngợi là phim dựng hay, nhưng tôi không dám coi, vì sợ hư cái mà tôi cảm thụ qua truyện.

Bởi vì phim đã định hình, ngăn trở sức tưởng tượng. Chẳng hạn như chiêu thức “Cách sơn đả ngư” của Kim Dung thì diễn làm

sao để thấy một người đánh một người khác chết qua một bức tường? Như đoạn mà hai nhân vật một chính một tà tri âm tri kỷ trong *Tiểu ngạo giang hồ* kẻ đàn người địch tấu khúc *Tiểu ngạo giang hồ* như bão táp mưa sa, có lúc Lệnh Hồ Xung nghe như có mười cây đàn và mười cây sáo, thì dùng nhạc gì để lột tả?

- Trong truyện *Kim Dung*, người ta được thưởng thức những cái tuyệt như cầm, kỳ, thi, họa, tửu... Đường như ở ông cũng có bóng dáng *Kim Dung* vì anh vừa là thi, vừa là nhạc?

Qua tiểu thuyết *Kim Dung*, người ta có thể thấy kiến thức của ông rất rộng từ cầm, kỳ, thi, họa, tửu, dược học, tôn giáo học, địa lý học, sử học..

Chẳng hạn như nội cái phần địa lý không thôi, người ta thấy ông dẫn người đọc đi khắp một đất nước Trung Hoa mênh mông, lên phía Bắc, xuống miền Nam, qua miền Tây và lên tận trên Tây Tạng. Về sử học, ông thường dùng bối cảnh lịch sử để chuyển tải cốt truyện, nhân vật lịch sử có thật và nhân vật hư cấu đan xen, hòa quyện với nhau trong cốt truyện một cách tài tình. Chính ông dám lý giải việc Chu Nguyên Chương lên ngôi lấy hiệu là Minh Thái Tổ trong đoạn kết thúc *Ý thiên Đồ long ký*: ông ta là đệ tử của Minh giáo - một tôn giáo thờ lửa gốc Ba Tư. Minh Thái Tổ được đời ca ngợi là ông vua hiền. Nhưng Kim Dung còn dám vạch mặt Chu Nguyên Chương. Ông cho rằng đó chỉ là một kẻ lòng lang dạ thú, ác độc, thủ đoạn xảo quyệt khôn cùng. Bên cái tâm tối của ông này là một kẻ sáng ngời nhân cách: nhân vật hư cấu Trương Vô Kỵ. Một sự đối lập hết sức sinh động.

Còn dân Trung Hoa - Hán tộc, rất căm thù Mãn Châu (Thát Đát / Tartare), nhưng Kim Dung lại nghiên cứu rất kỹ Khang Hy và vẽ ra một minh quân xứng đáng cho nhân dân tôn thờ. Kiểu xây dựng Khang Hy trong *Lộc Đình kỳ thực* là giỏi.

- *Thế còn chủ nghĩa Đại Hán trong Kim Dung?*

Có đấy. Người Trung Hoa vốn tự cho phép họ đứng cao hơn tất cả những dân tộc khác. Họ gọi lân bang là tứ di: Nam Man, Bắc Địch, Đông Nhung, Tây Di.

Ngay một tên lưu manh như Vi Tiểu Bảo mà công chúa Sophia (Tô Phi Á) nước Nga sau khi chung chăn chung gối cũng đâm ra sủng ái hơn tất cả mọi sĩ quan của Sa hoàng. Đã vậy Vi Tiểu Bảo, khi ký vào hòa ước Hắc Long Giang, có một thái độ rất xác xược. Hán vốn dốt, chỉ biết có mỗi chữ Tiểu, nhưng khi ký chữ Tiểu vào hòa ước lại vẽ bôi bác chữ Tiểu giống bộ phận sinh dục nam.

Khi nói về Tây Tạng, Kim Dung thường vẽ ra chân dung những nhà sư phái Mật tông hết sức tàn bạo. Chẳng hạn như trong *Liên thành quyết*. Mô tả kinh thành Moscou lại cho là rất hủ lậu.

Kim Dung chỉ tiến bộ nhất khi viết *Lục mạch thần kiếm truyện*, vì đã vạch rõ sự gian ác của những kẻ mệnh danh là dòng tộc Hán và ca ngợi tính nhân ái của Khiết Đan Tiêu Phong, của Đại Lý Đoàn Dự.

Phụ lục III

Hiệp khách hành là một bộ đoản thiên tiểu thuyết của Kim Dung, tập trung phản ánh về một nhân vật trung tâm: chàng ăn mày nhỏ (tiểu丐) Thạch Phá Thiên. Với cách viết ngắn gọn, sinh động, Kim Dung tạo cho ta cái cảm giác được đọc một kịch bản phim, trong đó chuyển cảnh liên tục và tình tiết diễn tiến bất ngờ, thú vị.

Chúng tôi xin giới thiệu ba chương hồi trong *Hiệp khách hành* để bạn đọc theo dõi và hiểu được thêm kỹ thuật tiểu thuyết của Kim Dung.

Hiệp khách hành

Bản dịch: Hàn Giang Nhạn

Nhuận sắc, chỉnh lý: Vũ Đức Sao Biển

Hồi thứ nhất

Hầu Giám Tập phát sinh liên cố

Cách cửa Đông thành Khai Phong chừng hai mươi dặm, có một thị trấn nhỏ gọi là Hầu Giám Tập.

Trời đã xế chiều. Những lương dân khắp nơi trở về thị trấn, kẻ gánh người đội thật là tấp nập.

Đột nhiên, ở góc Tây Bắc vẳng lại tiếng vó ngựa dồn dập. Hầu Giám Tập nằm ngay bên đường quan đạo; khách thương đi lại tấp nập. Những khách kỵ mã tới đây cũng là chuyện thường nên chẳng ai buồn để ý.

Tiếng vó ngựa mỗi lúc một gần, mà là cả một đội quân lớn. Ít ra cũng có đến hai trăm nhân mã.

Bấy giờ đám lương dân trong thị trấn mới cảm thấy có điều khác lạ. Họ nghe rõ ràng tiếng vó ngựa chạy rất cấp bách thì ngơ ngác nhìn nhau tự hỏi:

- Phải chăng đây là quan quân?

Có người nói:

- Mau tránh ra kẻo bị binh mã quan quân xô ngã, dù có mất

mạng cũng chẳng biết hỏi vào đâu.

Đột nhiên lại nghe những hồi còi rít lên xen lẫn tiếng vó ngựa, tựa hồ Đông gọi Tây thưa, Nam xưng Bắc họa. Hiển nhiên, bốn mặt tám phương đều có tiếng còi. Hầu Giám Tập dường như đã bị bao vây.

Mọi người cả kinh thất sắc. Bọn người có kiến thức hơn phỏng đoán:

- Phải chăng là cường đạo?

Trong tiệm tạp hóa Hà An, một người tài công lè lưỡi nói:

- Ủi chà! Mình chỉ sợ mấy “đại ca” đó thôi!

Chủ quán họ Vương tái mặt, giờ cánh tay run run lên tường chừng như muốn đập xuống đầu anh tài công vừa rồi. Hắn quát lên:

- Mẹ kiếp! Đừng có lẻo mép “đại ca” với “tiểu ca”! Người liệu mà từ từ lỗ miệng thì các vị đại gia tới đây mà ra cái mạng chó chết của người... mới không đến nỗi bị uống tử. Hơn nữa, ban ngày ban mặt thế này làm gì có chuyện đó? Trời ơi! Chắc là có chuyện gì rồi...

Hắn lặc hắc giọng đi, miệng há hốc ra không nói thêm được nữa.

Mé đông đầu thị trấn có bốn năm con ngựa chạy tới. Những người cưỡi ngựa toàn mặc áo đen, đầu đội nón lá, tay cầm cương đao sáng loáng. Chúng lớn tiếng hô:

- Đây các anh em! Ai ở đâu phải đứng yên đó không được nhúc nhích. Người nào cựa cựa thì đừng trách những lưỡi đao không có mắt.

Chúng vừa quất tháo vừa đi ra hướng Tây. Vó ngựa nện xuống đường lát đá xanh bật lên những tiếng côm cốp nghe mà bỏ vía.

Toán này chưa dứt tiếng hô thì từ mé Tây lại có bảy tám người ngựa xông vào. Bọn này cũng mặc toàn áo đen, đầu đội nón lá kéo sụp xuống thấp nên nhìn không rõ mặt mũi. Chúng hò hét om sòm:

- Biết điều thì đứng yên, sẽ không sao hết! Còn muốn ném mùi dao thương thì cứ chạy ra.

Gã tài công trong tiệm tạp hóa Hà An quả nhiên lớn mặt. Gã cười khẩy một tiếng, nói bằng quơ:

- Gươm đao thì có mùi vị gì mà ném...?

Gã tưởng nói đùa một câu chơi cũng chẳng sao. Ngờ đâu, gã chưa nói dứt lời thì một người cưỡi ngựa vàng ở mé tả đã vung roi tung vào trong quán, móc trúng cổ gã tài công rồi giật đến “bình” một cái khiến gã ngã lăn ra mặt đường. Người cưỡi ngựa vàng phóng ngựa chạy về phía trước lời cả gã tài công xềnh xệch. Người cưỡi ngựa đi sau đuổi theo cho ngựa xéo lên. Gã tài công chỉ kịp rú lên một tiếng, chết liền.

Những người đứng đó thấy bọn này hung ác quá, chẳng ai dám nhúc nhích.

Có người muốn đóng cửa lại, nhưng hai chân tựa hồ dính chặt xuống đất, toàn thân run bần bật, muốn bước đi cũng không nổi nữa.

Cách tiệm tạp hóa Hà An sáu căn về phía đối diện có một nhà làm bánh nướng. Chảo dầu sôi sùng sục, trên phen sắt có đặt bảy

tám cái bánh. Một cụ già lưng còng đang ngồi nặn bánh vo tròn thành những trái cầu nhỏ rồi lại đè xuống cho dẹp ra. Cụ cúi húi làm, nên những chuyện kinh tâm động phách xảy ra trước mặt lơ đi như không nhìn thấy. Cụ đang rưới lên trên mặt bánh một ít nước hành mỡ rồi dùng cặp sắt bỏ bánh vào lò than đỏ. Lúc này, tiếng còi đã ngừng thổi; ngựa cũng dừng vó. Bảy tám trăm con người trong thị trấn đều im hơi lặng tiếng. Cả những đứa nhỏ đang khóc cũng bị cha mẹ chúng bịt miệng lại, không cho phát ra âm thanh.

Mọi người đang ngừng hơi nín thở bỗng nghe những tiếng lách tách phát ra từ một ngọn roi da theo đường phố lớn ở mé Tây vang lên. Người này đi rất thông thả, cước bộ rất nặng. Mỗi bước chân của y khiến cho mọi người lo lắng, tưởng chừng như trái tim mình bị xéo lên. Tiếng bước chân nặng nề chậm chạp mỗi lúc một gần.

Mặt trời sắp lặn. Một bóng người dài lê thê in xuống mặt đường cũng theo bước chân chậm chạp mà nhích gần lại. Đường phố trong Hầu Giám Tập bao phủ một làn không khí khản trương. Người nào cũng sợ hãi đứng thộn mặt ra, chỉ có một mình cụ già kia là vẫn tiếp tục nướng bánh.

Tiếng roi da lách tách đến trước cửa tiệm bánh này thì dừng lại. Người cầm roi đưa mắt ngó cụ già từ đầu đến chân rồi đột nhiên bật lên tiếng cười khẩy.

Cụ già từ từ ngừng đầu, nhìn thấy người đó thân hình cao lêu nghêu, chừng bốn mươi lăm bốn mươi sáu tuổi. Mặt già chỗ lõm chỗ lõm như vỏ quýt, chẳng chịt những nốt ruồi, cặp mắt tí hí sáng loáng.

Mụ già bán bánh hỏi:

- Đại gia muốn mua bánh phải không? Một đồng một chiếc.

Rồi mụ cầm đôi đũa sắt gấp bánh ra. Chiếc bánh nóng bỏng được mụ đặt lên một mảnh gỗ trắng tinh.

Gã cao nghều cười lạt nói:

- Đưa đây!

Rồi gã giơ tay trái ra.

Mụ già nheo mắt nói:

- Dạ!

Mụ gấp chiếc bánh nóng hổi đặt vào bàn tay gã.

Gã cau mày giận dữ quát:

- Mụ dám đùa cợt cả với lão gia ư?

Rồi gã cầm cái bánh liệng vào mặt mụ già đánh vèo một tiếng.

Thế liệng rất mạnh. Chiếc bánh mềm xèo nhưng được ném ra với một cường lực mãnh liệt, trúng vào mặt tất mụ phải bị thương.

Mụ già từ từ nghiêng đầu đi, chiếc bánh bay qua mặt mụ rồi rớt xuống phiến đá xanh “bét” một cái ở ngay bên rãnh nước bắn.

Gã cao nghều liệng bánh đi rồi xoay tay về sau lưng rút ra đôi câu liêm, bật lên tiếng kêu leng keng. Đầu câu liêm tạch dương chiếu vào, ánh bạc lóe lên chói mắt. Gã nói:

- Đến bây giờ mà chưa chịu đưa cái đó ra. Hay ngươi còn hòng trốn thoát? Họ Ngô kia! Ta tưởng ngươi nên biết điều một chút.

Mụ bán bánh nhìn gã hỏi lại:

- Ta vẫn nghe tiếng An trại chủ trại Kim Dao thường cướp bóc của nhà giàu để giúp đỡ cho kẻ nghèo. Vì vậy mà trên chốn giang hồ cũng kêu y bằng hiệp đạo. Thế mà sao nay y lại phải bọn tiểu lâu la đi làm càn? Hơn nữa lại sấn đến cả nhà mụ bán bánh nghèo nàn này để gây chuyện là cái làm sao?

Gã cao nghệu nghe mụ già gọi mình là tiểu lâu la ở trại Kim Dao thì cặp lông mày gã càng rũ thấp hơn. Gã giận như điên, quát lớn:

- Ngô Đạo Nhất! Người nhất định không đưa ra ư?

Mụ già bán bánh nghe gã gọi đúng tên họ thì trong lòng không khỏi run lên, nghĩ thầm:

- Bọn thám tử trại Kim Dao ghê thật!

Về mặt vẫn thản nhiên mụ đáp:

- Các hạ sử song câu thì hẳn là Thiết câu tử... Trương Đại Nguyên ở trại Kim Dao?

Thực ra gã cao nghệu này tên là Lý Đại Nguyên ngoại hiệu là Thần câu. Gã nghe Ngô Đạo Nhất cố ý đổi họ của mình đi, lại không nói đến ngoại hiệu của Thần câu mà kêu là Thiết câu tử thì cho là mụ cố ý khinh mình. Gã không nhẫn nại được nữa, tay trái vung câu lên ra chiêu Thủ đao cầm lai móc xuống vai bên tả Ngô Đạo Nhất.

Ngô Đạo Nhất né mình về bên hữu, cây câu của Lý Đại Nguyên

chụp xuống quăng không. Nhưng sau chiều này, gã đánh tiếp một chiều xảo diệu. Gã co tay trái về, cây cương câu liền nhằm vào sau lưng Ngô Đạo Nhất mà móc.

Ngô Đạo Nhất đột nhiên lún mình xuống tránh khỏi chiều này. Tiếp theo mụ co chân phải đá vào lò lửa. Những cục than hồng trong lò bay vọt đến người Lý Đại Nguyên. Đồng thời chảo dầu sôi trút lên đầu gã.

Lý Đại Nguyên giật mình kinh hãi vội nhảy lùi lại, tránh được than hồng, nhưng không tránh được chảo dầu. Gã rú lên:

- Úi chao!

Chảo dầu đầy đã trút vào hai chân gã. Gã đau đớn thét lên be be.

Ngô Đạo Nhất chụm hai chân lại, nhảy vọt lên không, hạ xuống nóc nhà ở phía đối diện, trong tay mụ đã cầm sẵn một chiếc kim sắt để gấp lửa.

Đột nhiên, một làn thanh quang lấp loáng. Một lưỡi đơn đao nhăm chém xuống đầu Ngô Đạo Nhất. Ngô Đạo Nhất đưa kim sắt lên đỡ đánh choang một tiếng. Hỏa quang tóe ra bốn mặt.

Cái kim sắt trông đen sì tưởng là đồ vô dụng, nhưng thực ra nó được đúc bằng thép nguyên chất nên mới gạt được lưỡi đao hất ngược trở lại.

Giữa lúc ấy, một cây lê hoa đoản thương và một cặp song đao từ mé hữu đồng thời đánh tới.

Ngô Đạo Nhất hứ lên một tiếng rồi quát mắng:

- Thiệt là bọn mặt dầy! Các người ỷ nhiều người để thủ thắng chẳng?

Mụ nhoai người đứng ngay lên. Mỗi tay cầm một gong kìm, mé tả gặt thương, mé hữu gặt đao. Thế là cây kìm được tách làm đôi và biến thành một cặp phán quan bút.

Ba người vây đánh Ngô Đạo Nhất cũng đều mặc áo đen. Chúng thấy y đột nhiên đứng thẳng người lên thì không khỏi kinh hãi vì một mụ già lưng còng bỗng biến thành người ngay thẳng!

Ngô Đạo Nhất vung đôi bút, phóng ra những chiêu hiểm độc toàn nhằm vào huyết đạo trọng yếu đối phương điểm tới. Tuy một chọi ba mà mụ vẫn chiếm được thượng phong.

Bỗng nghe đánh binh một tiếng!

Gã sử đoản thương la lên một tiếng. Chân trái trúng đòn, từ trên nóc nhà lảo đảo lóc xuống.

Trên mái nhà ở góc Tây Bắc, một lão già vừa lùn vừa ốm đứng đó. Hai tay lão chấp sau lưng lạnh lùng nhìn ba người giao đấu.

Ánh bạch quang lấp loáng, lại một tiếng choang vang lên! Gã sử đoản đao bị cây bút tay trái của Ngô Đạo Nhất đánh văng binh khí đi. Tiếp theo, gã lại bị đối phương đá trúng ngực, cũng ngã lảo đảo xuống đường phố.

Gã sử song đao thấy thế đâm ra khiếp sợ, nhưng vẫn không chịu rút lui. Gã múa tít cặp đao như tuyết rơi hoa rụng che kín quanh mình để bảo vệ toàn thân, chỉ thủ chứ không công nữa.

Lão già thấp lùn lùn từ từ bước tới. Lão đến gần mà một bên song đao, một bên song bút vẫn múa tít rít lên tiếng gió vù vù không khiếp. Bất luận lão đụng vào món binh khí nào cũng bị trọng thương. Nhưng lão thân nhiên như không thấy gì và vẫn tiếp tục tiến về phía hai người.

Gã sử song đao vội la lên:

- Sư thúc! Phải cẩn thận đấy!

Gã đánh ra một đao thu về không kịp, lưỡi đao lại quét qua lưng lão già.

Lão già giơ hai ngón tay lên cặp lấy song đao. Gã kia nắm không chắc tuột mất. Lão già buông tay ra, lưỡi đao bay vụt đi.

Lúc này mặt trời đã ngậm non Tây. Ánh kim quang rực rỡ. Lưỡi đơn đao ở trên không bay vù vù, hoàng hôn chiếu vào trông thật đẹp mắt. Nó rút xuống rất mau. Người dưới đường ai cũng ngẩng đầu lên nhìn.

Gã kia bị mất đao, chân tay luống cuống.

Ngô Đạo Nhất thừa kế phóng bút điểm vào bụng gã. Không ngờ lão già lùn giơ tay trái ra nắm lấy vai gã kéo tuột về sau lưng lão. Đồng thời lão giơ một ngón tay lên đâm vào mắt bên tả Ngô Đạo Nhất.

Chiêu thức của lão già mau lẹ phi thường. Ngô Đạo Nhất thấy rõ ràng mình có thể phóng bút đánh vào ngực lão, nhưng lão lại phóng chỉ ra một cách nhanh quá, nên đành phải tự cứu mình trước, liền thu bút về đánh vào ngón tay lão.

Lão già khẽ lái ngón tay đi để tránh chiêu thiết bút của đối phương. Đồng thời lão đưa ngón tay chếch lên điểm vào yết hầu Ngô Đạo Nhất.

Ngô Đạo Nhất đã quá đà không thể biến chiêu, đành phải lùi về phía sau một bước.

Ngờ đâu Ngô Đạo Nhất lùi một bước thì lão già cũng tiến một bước. Lão vung ngón trở bên phải ra điểm vào bụng đối phương. Ngô Đạo Nhất đã biết sử phản quan bút thì dĩ nhiên y là một tay điểm huyết thiện nghệ. Y thấy đối phương điểm ra, không dám để ngón tay đối phương chạm vào người mình.

Véo một tiếng! Cây bút tay phải Ngô Đạo Nhất vung lên đánh xuống vai lão già. Lão già xông thẳng về phía trước như muốn nhảy xổ vào người mụ. Động tác của lão đã tránh khỏi chiêu bút của đối phương. Đồng thời lão vung cả hai tay ra nhằm đánh tới trước ngực Ngô Đạo Nhất.

Ngô Đạo Nhất thân hình cao lớn. Đầu lão già chỉ ngang bằng cổ mụ. Nhưng võ công lão lợi hại vô cùng! Hai bàn tay không mà vẫn xông vào áp bức đối phương.

Ngô Đạo Nhất thấy đầu lão gần húc tới bụng, thất sắc vội lùi lại phía sau.

Bốp một tiếng! Ngô Đạo Nhất đã bị đối phương tóm lấy vạt áo trước ngực.

Ngô Đạo Nhất cảm thấy ngực bụng mình mát rượi. Trong lúc hoang mang, mụ chưa kịp nhìn xem mình có bị thương hay không.

Mụ chụm hai tay lại phóng ra chiêu Hoàn bảo lục hợp. Hai chuôi bút nhằm đánh vào hai bên huyệt thái dương lão già.

Lão già không né tránh mà cũng không chống đỡ, lại xông về phía trước. Lão vung song chưởng đánh vào trước ngực Ngô Đạo Nhất.

Mấy tiếng lách cách vang lên. Không biết mụ đã bị gãy mấy rễ xương sườn. Ngô Đạo Nhất từ trên nóc nhà ngã lún xuống đất.

Lý Đại Nguyên bị dầu sôi đổ vào cặp giò phồng cả lên. Gã kêu la rầm rĩ nhưng vì hai chân bị thương không thể nhảy lên nóc nhà để liều mạng với kẻ thù được. Gã lại biết lão già lùn Chu Mục kia tính khí cao ngạo tự phụ. Lão đã ra tay thì không muốn cho ai vào trợ lực, nên chỉ ngửa mặt lên coi hai bên giao đấu.

Vừa thấy Ngô Đạo Nhất từ trên nóc nhà ngã lún xuống, Lý Đại Nguyên nhảy xổ lại như con hổ điên, giơ song câu đâm thẳng vào bụng Ngô Đạo Nhất. Gã rất lấy làm đắc ý ngửa mặt lên trời cười sằng sặc:

Chu Mục vội la lên:

- Dừng đánh chết hần!

Nhưng chậm mất rồi! Song câu đã đâm thẳng vào bụng thì Ngô Đạo Nhất còn sống sao được?

Bất thành linh, bóng đen thấp thoáng. Lý Đại Nguyên la lên:

- Úi chao!

Rồi loạng choạng lùi lại phía sau thì thấy trước ngực ở hai bên

vú đều có một cây thiết bút đâm suốt từ ngực ra sau lưng. Gã lão đảo mấy cái rồi té huych xuống.

Nguyên Ngô Đạo Nhất lúc lâm tử còn thu tàn lực đánh mạnh một đòn. Lý Đại Nguyên không kịp đề phòng nên bị thiết bút đâm vào yếu huyệt. Đồng bọn của Lý Đại Nguyên vội chạy lại nâng gã lên thì gã đã tắt hơi rồi.

Chu Mục không thèm để ý gì đến chuyện Lý Đại Nguyên sống hay chết. Lão mấp máy môi như muốn nói gì. Lão kéo Ngô Đạo Nhất dậy, nhưng mục đã hết thở. Lão chau mày quát lên:

- Các người lột áo mũ ra và khám xét thật kỹ!

Bốn tên thuộc hạ lập tức vâng lời. Chúng lột áo Ngô Đạo Nhất ra thì thấy sau lưng mục có đeo một cái bọc bên trong lẫn áo dài. Bọc này mục đã dùng làm cái bấu dựa ở sau lưng.

Hai gã đại hán áo đen mở bọc ra coi thì thấy trong bọc còn có một cái bao nữa xếp từng lớp toàn gói vải dầu. Hai gã mở từng lớp một ra.

Chu Mục mỗi lúc một thêm lộ vẻ vui mừng. Lão lẩm bẩm:

- Ở đây rồi, ở đây rồi!

Hai gã hán tử mở mười mấy lần vải dầu thì những gói sau càng nhỏ hơn. Những gói đó chỉ chừng một thước vuông và dày hai tấc.

Chu Mục đưa tay ra quét một cái rồi nói:

- Đây là những vật để bịp người, không cần xem nữa. Mau vào lục soát trong nhà.

Hơn mười gã hán tử áo đen vâng dạ chạy vào nhà. Tiệm bán bánh trước sau chỉ có hai gian. Mười mấy người vào trong lục soát hết cả gầm giường gầm ghế, dỡ cả bát đĩa lên coi. Bao nhiêu quần áo cũng lục tung ra hết.

Chu Mục luôn miệng thúc giục:

- Phải tìm che thật kỹ, đừng để sót chỗ nào.

Cuộc lục soát kéo dài hàng giờ. Trời tối mịt không còn thấy gì nữa. Bọn đại hán đốt đèn lên, moi cả tường vách, đập cả ống táo ra.

Choang một tiếng! Một chiếc nồi đất quăng ra giữa đường vỡ thành mấy chục mảnh. Trong nồi bột gạo đổ ra lênh láng.

Giữa lúc mờ mịt ấy, một bàn tay dơ bẩn từ góc tường len lén thò vào rãnh nước bẩn từ từ sờ soạng. Đó là một đứa bé ăn xin chừng mười một mười hai tuổi. Nó đã đói meo, cả ngày không được một hột cơm nào vào bụng. Nó mệt nhoài ngồi ở góc đường.

Lúc Lý Đại Nguyên cầm chiếc bánh mà Ngô Đạo Nhất đưa liệng xuống bên rãnh nước bẩn này, gã ăn mày mở to đôi mắt, nhìn chăm chập vào chiếc bánh. Gã muốn thò tay ra lượm lấy mà ăn, nhưng thấy bọn hán tử áo đen hung dữ, sợ quá không dám nhúc nhích.

Tên tài công trong tiệm tạp hóa Hà An bị ngựa xéo chết, xác hãy còn nằm lẫn bên tiệm bán bánh. Thi thể Ngô Đạo Nhất cùng Lý Đại Nguyên cũng nằm gần đó. Mãi đến lúc trời tối mịt, ánh đèn lửa không chiếu được đến chỗ rãnh nước, gã ăn xin mới đánh bạo thò tay ra lượm mấy chiếc bánh. Bụng đói quá nên gã chẳng

cắn nghiến đến nước bần dơ đã thấm vào bánh, cứ đưa lên miệng cắn một miếng rồi ngậm lại, chứ không dám nhai. Gã sợ nhai tóp tép phát ra tiếng động sẽ bị bọn hán tử nghe thấy. Miếng ngậm miếng bánh tuy chưa nuốt xuống, nhưng trong lòng gã đã cảm thấy khoan khoái rồi.

Bọn hán tử áo đen lục tìm khắp nơi, cả đầu hè xó ngách, nơi nào cũng bị moi móc, không sót một chỗ.

Lão già lùn cũng lảng vảng tìm mãi không thấy gì, liền nói:

- Thu quân!

Những tiếng còi lại vang lên, tiếp theo là tiếng vó ngựa chạy dồn dập. Đoàn kỵ mã ra khỏi Hậu Giám Tập.

Những hán tử trong quán bán bánh khiêng thi thể Lý Đại Nguyên đặt lên yên ngựa. Chỉ trong khoảng khắc bọn họ đi hết chẳng còn một ai.

Đoàn người ngựa đi xa rồi, trong Hậu Giám Tập mới có tiếng người thì thào. Họ sợ bọn hán tử còn quay lại nên không ai dám nói to. Chủ tiệm Hà An cùng một tên tài công khác khiêng thi thể đồng bạn lên chiếc giường mà gã vẫn ngủ rồi đóng chặt cửa lại, không dám ra nữa. Những nhà khác ở bên cạnh cũng vội vã đóng cửa cài then. Chẳng bao lâu, trên đường phố trong thị trấn không còn một bóng người và cũng không còn tiếng động nào.

Gã ăn xin thấy thi thể Ngô Đạo Nhất nằm lẩn dưới đất không ai nhìn đến thì trong lòng vô cùng sợ hãi. Gã trệu trạo nhai miếng bánh rồi nuốt xuống.

Giữa lúc ấy, thi thể Ngô Đạo Nhất đột nhiên động dậy.

Gã ăn xin giật mình kinh hãi, dụi mắt nhìn lại thấy Ngô Đạo Nhất từ từ ngồi dậy. Gã sợ quá ngẩn người ra như tượng gỗ. Gã nhớ đã được nghe một tên ăn xin khác kể lại chuyện quỷ nhập tràng, bất giác trống ngực đánh thình thình. Bỗng gã thấy hai chân thấy ma đứng thẳng lên. Gã sợ quá; hai hàm răng đập vào nhau cầm cập.

Cái thầy ma kia ngoảnh đầu lại. May mà gã ăn xin ngồi co rúm vào sau góc tường nên thầy ma không nhìn thấy. Lúc này, mảnh trăng lạnh lũng chiếu xuống. Gã ăn xin nhìn rõ trên miệng thầy ma hãy còn vết máu tươi. Hai cây cương câu vẫn còn cắm ở bụng. Gã ăn xin cố rít chặt hai hàm răng để khỏi phát ra tiếng run cầm cập.

Bỗng thấy thầy ma lom khom hai chân, thò tay ra sờ soạng. Mụ cầm lấy một chiếc bánh bửa ra rồi liệng đi. Mụ sờ đến cái bánh thứ hai, cũng bửa đôi liệng đi.

Gã ăn xin sợ cuống lên, tưởng chừng như trái tim muốn nhảy ra khỏi lồng ngực. Thầy ma vẫn tiếp tục sờ soạng. Mụ sờ thấy vật gì cũng không để ý, cứ sờ đến bánh là bửa ra coi rồi liệng. Thầy ma vừa sờ soạng vừa nhích lại gần rãnh nước.

Lúc bọn hán tử áo đen sục tìm trong tiệm, họ đổ cả mẹt bánh xuống đất. Bây giờ thầy ma lại nhặt lên, bửa ra nhưng không ăn, chỉ bóp liệng đi.

Gã ăn xin thấy thầy ma lết đi từng bước một chuyển lại gần góc tường thì sợ quá, toan co giò chạy trốn. Nhưng toàn thân gã run bần bật, hai chân đã hết khí lực rồi.

Hồi thứ hai

Thạch trang chúa theo dõi lọn Kim Dao

Thầy ma cử động rất chậm chạp. Mụ bửa hơn chục tấm bánh, mất một thời gian chùng cháy tàn nén hương. Tìm mãi không thấy bánh, mụ mới từ từ quay đầu lại dường như để dòm ngó bốn phía xem còn tấm nào không.

Gã ăn xin đột nhiên nhìn ra thấy một hình ảnh, bất giác hồn vía lên mây.

Nguyên gã nấp ở trong góc bức tường, ánh trăng từ phía sau lưng chiếu lại, in bóng gã xuống mặt đất. Bóng này đầu bù tóc rối ở ngay bên chân thầy ma.

Gã ăn xin chợt thấy chân tử thi nhúc nhích. Không hiểu từ đâu đem đến cho gã một luồng dũng khí, gã kêu lên một tiếng rồi co giò chạy tuốt.

Thầy ma ồm ớ la lên:

- Bánh nướng, bánh nướng!

Rồi cất bước đuổi theo.

Gã ăn xin vấp phải quãng dây ngã lăn xuống đất. Thấy ma liền thò tay ra toan nắm lấy lưng gã. Gã ăn xin lăn đi một vòng tránh khỏi rồi lại co giò chạy. Thấy ma lồm cồm mãi không dậy được. Mụ chống tay xuống đất một hồi mới đứng lên nổi. Nhưng chân mụ dài, bước xa. Tuy mụ vừa đi vừa lảo đảo như người say rượu mà chỉ mười mấy bước đã đuổi tới sau lưng gã ăn xin.

Gã ăn xin chạy gần đến một gốc cây, chợt nhớ ra có người nói thầy ma không chạy quanh được. Gã tự nhủ:

- Mình cứ chạy quanh gốc cây là quỷ đuổi không kịp.

Gã liền dừng bước toan chạy quanh thì đột nhiên sau gáy bị nắm chặt. Gã đã bị thầy ma túm lấy.

Thầy ma cất tiếng hỏi:

- Người ăn cắp bánh của ta phải không?

Gã ăn xin khi nào còn dám chối cãi, đành gật đầu.

Thầy ma gạn hỏi:

- Người... người ăn rồi phải không?

Gã ăn xin lại gật đầu.

Thầy ma giơ tay kia ra móc trước ngực gã ăn xin đánh “roac” một tiếng. Áo gã bị rách ngay một mảng từ cổ xuống đến bụng dưới. Miếng áo rách rộng chừng bốn tấc, dài đến hai thước. Gã ăn xin chỉ mặc một manh áo, nên vừa bị thầy ma móc rách đã lộ da thịt từ trước ngực xuống đến bụng.

Tử thi lại nói:

- Ta phải mổ bụng người để móc ruột ra.

Gã ăn xin hồn vía lên mây, run run nói:

- Ta... Ta... mới cần một miếng...

Gã sợ hãi quá không nói thêm được nữa. Gã vẫn tưởng quý nhạp tràng chứ có ngờ đâu đây là người sống.

Nguyên Ngô Đạo Nhất bị lão già lùn đánh hai chưởng trúng ngực, lại bị Lý Đại Nguyên đâm cương câu vào bụng. Mụ liền phong tỏa huyết mạch cho ngất đi. Hồi lâu, mụ tỉnh lại. Bụng tuy là chỗ trọng yếu của con người nhưng bị ngoại vật đâm thương không chết ngay được. Ngô Đạo Nhất liền bò lại chỗ nướng bánh để tìm một vật mà mụ giấu trong đó. Mụ đã dùng thuốc dịch dung hóa trang và ẩn cư tại Hâu Giám Tập là cốt ý bảo vệ vật này để cường địch khỏi truy tầm ra. Mụ ở đây bình yên vô sự đã ba năm.

Mọi người ở Hâu Giám Tập đối với mụ già lưng còng Ngô Đạo Nhất chẳng có tiếng tăm gì, chẳng ai để ý. Không ai ngờ mụ đã giấu lưng còng.

Mãi đến lúc Ngô Đạo Nhất nghe tiếng còi đồn dập và hơn hai trăm nhân mã bao vây, mụ mới biết hành tàng của mình đã bị bại lộ. Trong khi hoảng hốt, mụ không biết giấu vật đó vào đâu, liền nhét ngay vào tấm bánh nướng.

Lúc Lý Đại Nguyên xuất hiện chìa tay ra bảo “Đưa đây”, Ngô Đạo Nhất đưa ngay cái bánh có giấu vật gì đó cho Lý Đại Nguyên. Quả nhiên Lý Đại Nguyên tức giận liệng bánh đi.

Ngô Đạo Nhất, sau khi bị thương tỉnh lại, không nhớ được mình đã giấu vật đó trong cái bánh nào, nên hề thấy bánh là bữa ra tìm.

Sau mụ túm được gã ăn xin thì nghĩ ngay rằng gã này đói quá, chắc đã ăn bánh và nuốt luôn vật kia vào bụng rồi. Mụ muốn mổ bụng gã ra lấy lại.

Nhưng lúc này Ngô Đạo Nhất không đem binh khí trong người biết làm sao mổ bụng gã được? Mụ nghiêng rặng, rút lưỡi cương câu ở trong bụng ra, toan xoay mũi câu lại mổ bụng gã ăn xin. Nhưng lưỡi câu vừa rút ra khỏi bụng, mụ đau không thể chịu được; máu do miệng vết thương tuôn ra như suối. Đầu cây cương câu đã chạm vào bụng gã ăn xin nhưng tay trái Ngô Đạo Nhất bỗng nhũn ra; người gã ăn xin té ngay xuống đất. Tay phải Ngô Đạo Nhất cầm cây cương câu phóng vào quăng không. Hai chân mụ trượt đi rồi nằm lăn ra. Mụ giãy giụa mấy cái rồi nằm im, bấy giờ mới chết hẳn.

Người Ngô Đạo Nhất đè lên gã ăn xin, nên gã phải cựa quậy hồi lâu mới bò dậy được. Gã liền trở gót chạy ngay. Thật là một phen hú vía! Gã ăn xin chạy được mấy bước thì chân lại nhũn ra, lộn mấy vòng rồi ngã xỉu. Tay gã vẫn còn nắm chặt miếng bánh.

Đột nhiên ở góc Đông Nam có tiếng vó ngựa vọng lại. Tiếng vó ngựa này đi rất nhanh, vừa mới nghe mà chớp mắt đã tới gần.

Dân cư Hầu Giám Tập vừa bị một phen kinh sợ như chim phải tên bây giờ lại nghe tiếng vó ngựa thì không khỏi phấp phồng lo sợ. Người nào cũng run bắn bật. Nhưng lần này chỉ có hai con ngựa đi đến và không có tiếng còi như lần trước.

Đôi ngựa này hình dạng rất kỳ dị. Một con đen tuyền, bốn vó lại trắng. Đó là con Ô vân cải tuyết, một giống ngựa nổi tiếng là lương câu. Còn một con nữa thì trái lại chỉ có bốn vó là đen còn thân trắng như tuyết. Không biết nó là giống ngựa gì. Nếu quả nó mang tên Tuyết cải ô vân thì thật là một giống ngựa tuyết quý.

Người cưỡi trên lưng ngựa trắng là một thiếu phụ mình mặc áo trắng. Nếu thiếu phụ không thắt đai màu đỏ thì ai cũng cho là người mặc hiếu phục. Trên cái đai đỏ có đeo một thanh trường kiếm. Người cưỡi ngựa ô là một hán tử trung niên toàn thân mặc đồ đen, trên lưng cũng đeo trường kiếm. Hai người phóng ngựa sóng vai mà đi. Khách kỵ mã ngồi trên lưng ngựa nhưng ra vẻ thanh nhàn chẳng khác gì đang tản bộ trong sân.

Hai người này đã nhìn thấy một cây ma và một căn nhà bị tàn phá tan hoang, bất giác đồng thanh la lên:

- Ủi chà!

Hán tử áo đen vung roi ngựa ra cuốn lấy thi thể Ngô Đạo Nhất. Dưới ánh trăng, thiếu phụ nhìn rõ mặt xác chết, lên tiếng:

- Ngô Đạo Nhất đây mà! Thế này thì An Kim Dao đã ra tay rồi.

- Ngô Đạo Nhất chết chưa lâu, vết thương hãy còn rỉ máu. Ta có thể đuổi kịp được.

Thiếu phụ gật đầu. Đôi người ngựa lại phóng nhanh về phía Tây.

Nhưng lạ thay! Tám vó gõ xuống đường lát đá xanh nghe bộp bộp tựa hồ như chỉ có một ngựa mà thôi. Đôi ngựa này vó trước vó

sau cất lên hạ xuống rất tẻ chĩnh và đẹp mắt. Cặp ngựa càng chạy càng nhanh, vụt một cái đã tới ngoài thành Biện Lương.

Đến quãng đường hẹp, đôi ngựa không thể đi song song được nữa. Thiếu phụ liền dừng cương một chút để nhường cho hán tử lên trước. Hán tử áo đen nghiêng đầu nở một nụ cười rồi phóng ngựa lên. Thiếu phụ cho ngựa chạy theo sát nút.

Đôi tuấn mã này cước lực tuyệt luân, ngựa thường không thể bì kịp.

Hai người coi tình trạng cái chết của Ngô Đạo Nhất đã phỏng đoán là có thể đuổi kịp được đoàn người trại Kim Dao, mà vẫn không thấy tung tích chúng đâu cả. Hai người có biết đâu lúc Ngô Đạo Nhất chết thật thì bọn người trại Kim Dao đã chạy xa rồi.

Hai người đuổi thêm hai giờ nữa mới nghỉ lại một chút, rồi lại lên ngựa ra đi cho tới lúc trời gần sáng thì đã thấy đằng xa có mấy ngọn lửa bốc lên. Hai người nhìn nhau mỉm cười xoay mình xuống ngựa.

Thiếu phụ đón lấy dây cương trong tay hán tử. Nàng dắt đôi ngựa buộc vào gốc cây. Hai người thì triển khinh công, đi về phía có lửa cháy.

Mấy ngọn lửa kia ở ngoài đồng nội coi rất gần mà thực ra xa tới hơn mười dặm. Nhưng hai người này khinh công vào hạng thượng thặng, đi như gió cuốn mây bay. Lúc gần đến nơi quả thấy một đoàn người chia ra vây quanh mười mấy đống lửa. Bỗng nghe những tiếng nuốt ừng ực. Thì ra, bọn này đang ăn mì.

Khi còn cách đoàn người chừng mấy chục trượng thì hai người

sóng vai đi thông thả lại.

Bông có tiếng quát hỏi:

- Ai đó? Đến đây làm chi?

Hán tử tiến lên một bước khoanh tay tươi cười hỏi lại:

- An trại chúa có trong đó không? Những ông bạn nào ở đây?

Chu Mục đã ăn xong bát mì, toan truyền lệnh cho đoàn người khởi hành bỗng nghe có tiếng bước chân và tiếng quát hỏi. Lão liền ngừng đầu lên xem. Dưới ánh lửa sáng, lão nhìn rõ hai người mới đến là một nam một nữ, một người mặc áo đen, một người mặc áo trắng đứng sóng vai trước mặt mình. Cả hai đều vào hạng trung niên. Hán tử áo đen phong tư tuấn nhã mà thiếu phụ cũng cốt cách thanh kỳ, áo xiêm diêm dúa.

Chu Mục run lên, biết ngay hai người đó là ai rồi. Lão đứng thẳng người khoanh tay nói:

- Té ra là hiền khanh lệ Thạch trang chúa ở Huyền Tố trang tại Giang Nam giá lâm!

Rồi lão lớn tiếng hô:

- Chúng vị huynh đệ! Mau mau đứng lên thi lễ! Hai vị này là Thạch trang chúa và phu nhân, tiếng tăm lừng lẫy hai miệt Nam Bắc sông Đại Giang.

Bọn hán tử đều đứng dậy khom lưng thi lễ.

Chu Mục nghĩ thầm trong bụng:

- Đôi vợ chồng Thạch Thanh và Mẫn Nhu này vốn không có đi

lại gì với trại Kim Dao. Thế mà đang đêm lại tìm tới đây chẳng biết có dụng ý gì? Hay là họ cũng vì vật đó mà đến?

Lão đảo mắt nhìn bốn phía, thấy đồng bằng bát ngát tuyệt không có bóng người nào nữa. Lão nghĩ thầm:

- Tuy kiếm thuật hai vợ chồng nhà này đến đến mực thông thần, nhưng cũng không thể địch nổi nhiều người thì ta còn sợ gì hấn?

Thạch phu nhân Mẫn Nhu khẽ bảo chồng:

- Vị này là Chu Mục lão gia ở Ung trào môn.

Tuy nàng nói nhỏ nhưng Chu Mục cũng nghe rõ. Lão không khỏi lắc làm đắc ý, liền nói:

- Té ra Băng tuyết thân kiếm cũng biết tên lão phu.

Rồi lão vội tiếp ngay:

- Lão phu không dám! Chu Mục này xin bái kiến Thạch trang chúa và Thạch phu nhân.

Bọn hán tử trại Kim Dao không biết Thạch trang chúa và Thạch phu nhân là người nào, nhưng thấy đầu lĩnh Chu Mục đối với hai người rất cung kính thì biết ngay là đôi vợ chồng kia không phải hạng tầm thường.

Thạch Thanh tửm tửm cười nói:

- Các vị bằng hữu đang dùng bữa, tại hạ đâu dám quấy nhiễu? Xin các vị cứ ngồi xuống.

Thạch Thanh lại quay sang nói với Chu Mục:

- Chu bằng hữu! Bọn tại hạ đã mấy lần được gặp Nhất phi xung thiên Trang huynh tức Trang Chấn Trung cũng ở quý môn. Vậy chúng ta cũng là chỗ quen thuộc chứ không phải người xa lạ.

Chu Mục nói:

- Nhất phi xung thiên là sư thúc của lão phu.

Trong bụng lão nghĩ thầm:

- Tuổi người còn nhỏ hơn ta mà đã kêu sư thúc ta bằng Trang huynh thì rõ ràng người có ý cho mình là bậc trưởng bối.

Trong võ lâm, thứ tự bề bậc là một điều tối quan trọng. Văn bối gặp hàng trưởng bối cố nhiên phải tỏ vẻ cung kính. Bậc trưởng bối đã sai bảo điều gì thì không được coi thường hay chống lại.

Vợ chồng Thạch Thanh thấy Chu Mục sa sầm nét mặt thì hiểu ý ngay, liền cười nói:

- Xin lỗi ông bạn! Ngày trước có cuộc hội họp ở Hoa Sơn, Trang huynh đã nói đến võ công quý môn, vợ chồng tại hạ bội phục vô cùng. Tại hạ kém đường giao thiệp, thành ra câu nói có điều mạo phạm. Mong rằng Chu thế huynh tha lỗi cho.

Thạch Thanh kêu Chu Mục bằng Chu thế huynh cũng vẫn tự xếp mình vào hàng trưởng bối.

Chu Mục đáp:

- Nếu tại hạ có điều chi mạo phạm tới hai vị, tưởng hai vị cũng nên châm chước cho. Hai vị có gì dạy bảo tại hạ có thể làm nổi là nhất định tuân theo. Còn như việc có dính líu đến tệ trại thì tại hạ

chức phận kém cỏi, nên không tự chủ trương được.

Thạch Thanh búng bảo dạ:

- Giọng lưỡi thẳng cha này thật đáo để! Hấn trút hết trách nhiệm sang người khác.

Y nghĩ vậy liền nói:

- Vụ này không liên quan gì đến quý trại, tại hạ chỉ muốn hỏi riêng Chu thế huynh một việc. Số là vợ chồng tại hạ muốn kiếm một người. Y từ Quảng Đông đến cư trú tại Biện Lương. Tên y là Ngô Đạo Nhất, chuyên sử đôi phán quan bút. Người y cao nghệu, vào khoảng ba mươi tám ba mươi chín tuổi. Tại hạ còn nghe nói gần đây y cải trang làm một người lưng còng, ẩn tích mai danh tại khu phụ cận thành Biện Lương. Chẳng hiểu Chu thế huynh có nghe tin tức gì không?

Thạch Thanh vừa nói tới Ngô Đạo Nhất, lập tức những người ở trại Kim Dao đều rung động. Có người chưa ăn xong bát mì cũng bỏ bát xuống.

Đại đa số bọn hán tử trại Kim Dao không hiểu lai lịch Huyền Tổ trang chúa cùng phu nhân. Chỉ thấy Chu Mục lẩm bẩm:

- Gã từ miệt Đông đến đây dĩ nhiên đã phát giác ra Ngô Đạo Nhất chết rồi. Nếu mình không nói, chẳng hóa ra là non tay lắm ư?

Lão nghĩ vậy liền cười ha hả đáp:

- Thạch trang chúa! Thạch phu nhân! Hai vị hỏi đến người đó thật là vừa khéo. Gã họ Ngô võ công hãy còn kém cỏi nên tại hạ đã

lập được công lao với hai vị. Ngô Đạo Nhất đắc tội với hai vị nên tề trại đã xử gã rồi.

Chu Mục vừa nói vừa chăm chú nhìn Thạch Thanh để xem y lộ vẻ vui mừng hay tức giận.

Thạch Thanh càng nghe lão nói càng biết lão ta là tay lợi hại, liềm tùm tùm cười nói:

- Ngô Đạo Nhất vốn không quen biết bọn tại hạ thì làm gì có chuyện đắc tội với vợ chồng tại hạ? Bọn tại hạ từ Nam lên Bắc truy tầm y, nói ra sợ Chu thế huynh cười chê, vì y có đất trong mình một vật.

Chu Mục hơi biến sắc nhưng rồi trấn tĩnh lại được ngay. Lão cười đáp:

- Bọn thám tử của hai vị thiệt là minh mẫn. Về chuyện này tề trại cũng đã được tin tức rồi. Chẳng giấu gì Thạch trang chúa, chuyến này tại hạ dẫn bọn anh em đến đây, cũng vì việc đó. Không biết quân chó má nào đã phao tin thất thiệt khiến cho Ngô Đạo Nhất phải uống mạng. Bọn tại hạ hơn hai trăm người bị một phen uống công chẳng kể làm chi, song còn e trở về sẽ bị An đại ca quở trách là làm việc bất lực. Trên chốn giang hồ, người ta thường hay đặt điều nói ngoa. Nếu họ tưởng trại Kim Dao lấy được vật đó thực, sẽ đến kiểm chuyện với tề trại, chẳng hóa ra oan uống lầm ru?

Chu Mục ngừng một chút rồi quay lại bảo một tên thuộc hạ:

- Trương huynh đệ! Chúng ta đánh chết họ Ngô trong trường hợp nào, sục tìm quán bánh ra sao? Người hãy thuật lại cho Thạch

trang chúa cùng phu nhân nghe đi!

Một hán tử thấp bé lên tiếng:

- Chu đầu lĩnh vung song chưởng hất mù họ Ngô từ trên nóc nhà xuống đất. Gân cốt mù bị chấn động mà gãy đứt. Ngũ tạng cũng tan nát.

Hán tử này mồm miệng liếng thoảng, nói trơn như cháo chảy, thuật hết lại một lượt. Y kể sơ lược cả việc Chu Mục khám xét cái bọc trên lưng Ngô Đạo Nhất.

Thạch Thanh gật đầu nghĩ thầm:

- Lão Chu Mục này từ lúc thấy mình đã gia tâm phòng bị, có vẻ hồi hộp không yên. Giữa Huyền Tố trang và Kim Dao trại trước nay không có chuyện gì xích mích. Nếu không lấy được vật kia thì đối với vợ chồng mình việc gì lão đề phòng đến thế?

Thạch Thanh còn biết rằng nếu bọn Kim Dao trại không lấy được vật đó thì thôi, mà nếu quả đã lấy được thì nhất định ở trong tay Chu Mục. Thạch Thanh liếc mắt nhìn thấy bọn Kim Dao trại dư hai trăm người mà tên nào cũng tráng kiện kiêu dũng. Tuy trong đám này không có tay cao thủ hạng nhất nhưng bọn họ đông, khó lòng tranh đấu được.

Thạch Thanh là người bề ngoài có vẻ hòa nhã nhưng bề trong rất cương quyết. Vừa rồi những lời nói của Chu Mục đã có vẻ xói móc y. Y lắm bả:

- Người tưởng ta chỉ có hai vợ chồng không làm gì được bọn người chẳng?

Rồi vẫn lộ vẻ tươi cười, y trở tay vào khu rừng mé tả ở phía xa xa nói:

- Tại hạ còn có câu chuyện muốn thương lượng với Chu thế huynh. Vậy mời Chu thế huynh qua khu rừng bên kia nói chuyện.

Chu Mục đáp:

- Những anh em đây đều là bạn tốt cả. Bất luận việc gì cũng có thể...

Lão định nói “bất luận việc gì cũng có thể để cho họ nghe được chẳng có gì đáng quan ngại” nhưng lão chưa dứt lời thì đột nhiên cổ tay bên trái rung lên. Lão bị Thạch Thanh kiềm chế rồi.

Cầm nã thủ pháp này là của Ung trảo môn. Chu Mục chưa giao thủ mà đã bị bắt về tay đối phương, lão tức giận vô cùng!

Thạch Thanh đồng dạng nói:

- Chu thế huynh đã nghe lời tại hạ. Thật là hay lắm!

Rồi quay lại bảo Mẫn Nhu:

- Nương tử! Ta cùng Chu thế huynh qua bên kia nói chuyện riêng rồi trở lại ngay lập tức. Vậy nương tử hãy chờ đây một chút.

Nói xong y từ từ bước đi.

Mẫn Nhu dịu dàng đáp:

- Xin tướng công tùy tiện!

Đôi vợ chồng này kính nhau như khách. Cách giữ lễ rất là chu đáo.

Bọn Kim Dao trại thấy Thạch Thanh cười hì hì cùng đi với Chu Mục tựa hồ không có ác ý chi hết mà phu nhân còn ở lại đây thì không nghi ngờ gì cả. Chúng có biết đâu Chu Mục đã bị Thạch Thanh kiềm chế không một tiếng động.

Thạch Thanh nắm tay Chu Mục kéo đi mỗi lúc một nhanh. Chu Mục chỉ muốn dừng chân đi chậm lại một chút nhưng sợ bị ngã lăn ra nên phải thục mạng chạy theo.

Thạch Thanh bỗng bỏ tay ra cười nói:

- Chu thế huynh!....

Chu Mục nổi giận hỏi:

- Người làm trò gì thế?

Tay phải ra chiêu Bặc sư thủ chụp xuống trước ngực Thạch Thanh.

Thạch Thanh đưa tay trái từ trái sang phải thành một đường cánh cung rồi nắm lấy cổ đối phương. Y lại quét sang bên trái nắm lấy luôn cả hai tay Chu Mục bẻ quặt về sau lưng.

Chu Mục vừa kinh hãi vừa tức giận, co chân phải đá về phía sau. Thạch Thanh cười nói:

- Hà tất Chu thế huynh phải nổi giận?

Chu Mục thấy hai huyết Phục thổ và Hoàn khiêu bị tê nhức. Lực đạo cái đá của lão chưa đủ để phóng ra thì chân đã mềm nhũn rũ xuống. Như vậy, lão chỉ còn một chân trái đặt dưới đất, nếu lại cất lên đá về phía sau thì tất người phải ngã chúi về phía trước. Lão

thẹn quá, mặt đỏ bừng, tức giận ấp úng:

- Người... người...

Thạch Thanh giận dữ nói:

- Cái vật ở trong người Ngô Đạo Nhất, Chu thế huynh đã lấy được rồi, tại hạ muốn coi một chút. Vậy thế huynh lấy ra đưa đây!

Chu Mục nói dối:

- Vật đó quả có thực, nhưng không ở trong mình ta. Người có muốn coi thì chúng ta trở về bên kia mới lấy được.

Hồi thứ ba

Cuộc tử đấu lý kỳ

giữa Thạch Thanh và An Phụng Nhật

Thạch Thanh cười nói:

- Tại hạ chưa thể tin được, muốn lục soát người của Chu thế huynh.

Chu Mục tức giận hỏi:

- Người định khám xét ta vậy người cho ta là hạng người nào?

Thạch Thanh không nói gì nữa, thò tay ra cởi giày chân bên trái lão luôn. Chu Mục la lên một tiếng:

- Ô hay!

Bỗng thấy Thạch Thanh móc ở đế giày ra một cái gói nhỏ. Chính là cái gói mà Chu Mục đã lấy ở trong bọc đeo trên lưng Ngô Đạo Nhất.

Chu Mục rất lấy làm lạ. Lão tự hỏi:

- Không hiểu tại sao hắn biết cái này? Chẳng lẽ hắn đã dòm dò ngay từ lúc mình lên vào chỗ kín cất giấu?

Thực ra Thạch Thanh vừa nói muốn khám xét thì thấy Chu Mục liếc mắt nhìn chân trái lão rồi đảo mắt nhìn ra chỗ khác. Y đoán là vật đó giấu ở trong gót giày. Quả nhiên vừa tìm đã thấy ngay.

Chu Mục rất đổi hoang mang, muốn mở miệng kêu người cứu viện.

Thạch Thanh nói luôn:

- Người phản bội cả An trại chủ. Nếu đem vụ này nói toạc ra thì người tất bị cực hình chặt hết mười đầu ngón tay.

Chu Mục cả kinh, bất giác hỏi ngay:

- Sao... người lại biết chuyện này?

- Ta phải biết chứ!

Rồi y nghĩ thâm trong bụng:

- Vừa rồi gã hán tử kia đã tường thuật việc sục tìm trong quán bánh nướng. Theo lời gã kể thì hiển nhiên không có sự gì dối trá, vậy mà vật đó lại có ở trong mình thằng cha này. Thế thì đúng là hán có ý đồ lừa bịp mọi người để một mình thủ lợi.

Thạch Thanh nghĩ vậy liền ôn tồn nói tiếp:

- An Kim Dao là người tinh tế vô cùng, tưởng Chu thế huynh cũng biết rồi. Vụ này Chu thế huynh bịp tại hạ còn chưa xong thì lừa dối y thế nào được?

Giữa lúc ấy, bỗng nghe có tiếng sột soạt rồi tiếng người cười hô hô đồng dục nói:

- Thạch trang chúa thiệt đã quá khen! An mỡ xin cảm ơn.

Chưa dứt lời, ba bóng người tiến vào rừng.

Chu Mục vừa nhìn thấy bọn này, lập tức sắc mặt xám xanh. Ba người này là Đại trại chủ An Phụng Nhật, Nhị trại chủ Phùng Chấn Võ và Tam trại chủ Bản Không đạo nhân của Kim Dao trại.

Lúc An Phụng Nhật phái Chu Mục đi truy tầm Ngô Đạo Nhất, y không nói đến sẽ phái người đi tiếp ứng. Không hiểu tại sao chính y cũng hạ sơn tới đây. Chu Mục nghĩ đến tội mình mưu đồ chiếm riêng vật kia, bây giờ nếu công việc vỡ lở tất thanh danh tan nát, có khi còn mất mạng nữa.

Trong lúc hoảng hốt, lão vội nói:

- An đại ca!... Cái đó bị y cướp mất rồi.

An Phụng Nhật chấp tay nhìn Thạch Thanh thì lễ nói:

- Thạch trang chúa lòng danh thiên hạ, An mỡ đem lòng ngưỡng mộ vô cùng, chỉ giận mình vô duyên chưa được thân cận. Tệ trại cũng ở gần đây, xin mời Thạch trang chúa cùng phu nhân đến chơi mấy bữa để tiểu đệ được kính cẩn nghe lời giáo huấn.

Thạch Thanh thấy An Phụng Nhật tai quần râu rậm, người thấp lùn thùn mà to lớn, có vẻ thô bỉ nhưng không ngờ hấn ăn nói rất phải phép. Hấn tuyệt nhiên không nhắc nhở gì đến chuyện đoạt mất vật kia lại còn mời về Kim Dao trại chơi. Nhưng y lại lo vào trại của hấn rồi thì dễ gì thoát thân được.

Thạch Thanh liền chấp tay đáp lễ rồi tiện tay dứt cái gói nhỏ

vào trong bọc. Y cười nói:

- Đa tạ tấm thịnh tình của An trại chủ...

Đột nhiên, thanh quang thấp thoáng. Bản Không đạo nhân đã rút trường kiếm ra khỏi vỏ. Mũi kiếm nhắm đâm vào cổ tay Thạch Thanh. Đạo nhân quát lên:

- Muốn tốt thì hãy bỏ ngay vật đó ra rồi sẽ nói chuyện.

Cử động của đạo nhân mau lẹ phi thường! Ngờ đâu Thạch Thanh còn mau lẹ hơn. Y uốn người đi một cái đã đến bên Bản Không đạo nhân. Y lấy cái gói nhỏ đưa ra đặt vào tay trái mình rồi cười nói:

- Xin biểu đạo trưởng!

Bản Không đạo nhân mừng rỡ vô cùng, không kịp suy nghĩ gì nữa, giơ tay ra nắm lấy. Không ngờ cổ tay phải bị tê nhức, thanh trường kiếm liền bị đối phương đoạt mất.

Thạch Thanh xoay kiếm lại chém vào tay Bản Không đạo nhân, đồng thời quát lên:

- Bỏ ngay vật đó ra!

Bản Không đạo nhân giật mình kinh hãi. Trước mắt ánh kim quang lấp loáng. Mũi kiếm chỉ còn cách cổ tay đạo nhân không đầy năm tấc. Đạo nhân định rút tay về để tránh thì đã không kịp nữa, đành xoay tay vứt cái gói nhỏ ra trả lại.

Phùng Chấn Võ la lên:

- Hảo công phu!

Rồi không chờ Thạch Thanh đón lấy cái gói, hấn vung đơn

đao lên đâm vào đùi Thạch Thanh.

Thạch Thanh vung trường kiếm đánh véo một tiếng đâm thẳng vào đầu Phùng Chấn Võ. Y ra chiêu sau mà lại đến trước.

Thanh đơm dao của Phùng Chấn Võ chưa kịp chém tới chân phải Thạch Thanh thì thanh trường kiếm của y đã sắp đâm vào óc Phùng Chấn Võ rồi.

An Phụng Nhật thấy tình trạng nguy cấp liền lớn tiếng la lên:

- Xin hãy lưu tình!

Thanh kiếm của Thạch Thanh vẫn tiếp tục đâm về phía trước. Phùng Chấn Võ trong lòng kinh hãi. Hấn nhắm mắt lại để chờ chết và thấy má bên phải mát rượi. Thanh trường kiếm của Thạch Thanh không đâm tới nữa. Quả nhiên y đã lưu tình! Mũi kiếm nhọn phóng gần chạm đến trước mặt Phùng Chấn Võ lại thu về.

Thạch Thanh ra chiêu thật hiểm độc, không sai huyết mạch chút nào. Y thu chiêu về cũng dễ như không.

Tiếp theo một tiếng “cách” nhẹ khê vang lên. Thạch Thanh giờ tay ra dùng thanh trường kiếm đỡ lấy cái gói nhỏ về. Động tác này mau lẹ vô cùng.

Thạch Thanh lấy lại cái gói nhỏ rồi liền thu trường kiếm về nói:

- Xin lỗi!

Y lùi ra hai bước.

Phùng Chấn Võ đứng ngay người lên, đẩy về hổ thẹn, bỏ đi không tiện mà đứng lại càng trơ trên.

An Phụng Nhật tháo chiếc đai đồng trước ngực, rút thanh đao đeo ở sau lưng ra khỏi vỏ. Lúc này mặt trời mới mọc. Ánh triều dương xuyên qua kẽ lá chiếu vào. Đao quang lấp lánh trông hoa cả mắt. Thanh kim đao của An Phụng Nhật sáng đầy lưỡi mỏng, quả là một thanh bảo đao.

An Phụng Nhật giờ kim đao lên nói:

- Võ thuật của trang chúa thật cao cường! Tiểu đệ bội phục vô cùng! Bây giờ tiểu đệ muốn lãnh giáo mấy chiêu.

Thạch Thanh cười đáp:

- Bữa nay được gặp cao nhân, thiệt là vạn hạnh.

Y nói xong lại giờ tay lên liệng chiếc gói nhỏ ra.

Bốn người còn đang ngờ ngẩn, bỗng nghe đánh véo một tiếng.

Thạch Thanh liệng thanh trường kiếm ra theo. Cái gói nhỏ vừa chạm vào cành cây ở phía đối diện thì thanh trường kiếm đã lao tới cắm chặt nó vào cành cây. Mũi kiếm xuyên vào một góc cái gói để khỏi tổn thương đến vật đựng trong đó.

Thủ pháp của Thạch Thanh đã thần tốc mà kinh lực lại vô cùng tuyệt diệu, so với hai chiêu vừa đánh bại Bản Không đạo nhân và Phùng Chấn Võ còn ghê gớm hơn.

Bốn người nhìn lên cành cây rồi lại nhìn Thạch Thanh. Bỗng trông thấy tay y cầm một thanh trường kiếm toàn thân đen sì. Y lên tiếng:

- Hắc kiếm tương hội với kim đao. Bây giờ tại hạ đề nghị ai tranh được nửa chiêu thời lấy vật kia. Các vị tính thế nào?

An Phụng Nhật thấy Thạch Thanh liệng vật kia cắm vào cành cây rồi lại đề cập đến chuyện tỷ võ đang quyết định vật đó về ai, tuyệt nhiên không muốn chiếm phần hơn chút nào. Cử chỉ công bằng này khiến cho An Phụng Nhật kính phục. Hắn liền đáp ngay:

- Tiểu đệ thật vui lòng về đề nghị của Thạch trang chúa. Xin mời trang chúa động thủ.

Ngày thường, An Phụng Nhật từng được nghe nói kiếm thuật của cặp vợ chồng Thạch Thanh - Mẫn Nhu cực kỳ tinh diệu. Vừa rồi hắn lại được mục kích Thạch Thanh chế phục Bản Không đạo nhân và Phùng Chấn Võ thì biết rằng tiếng đồn quả không ngoa. Hắn không dám sơ hở chút nào, thận trọng phóng ra ba hư chiêu.

Thạch Thanh trở mũi kiếm xuống đất. Y tỏ vẻ nhàn nhã và bình tĩnh nói:

- Xin mời các hạ ra chiêu đi!

An Phụng Nhật vung đao chém chéo đi, nhưng chiêu mới ra nửa vời lại đột nhiên xoay chiều đánh ngược lên. Y vừa động thủ đã đưa ra một trong bảy mươi hai đường tuyệt kỹ của đao pháp Phách quái đao. Chiêu này biến hóa vô cùng!

Thạch Thanh cũng vung thanh hắc kiếm lên. Chiêu đầu tiên y chống trả một cách cực kỳ nghiêm cẩn.

An Phụng Nhật đón tiếp hơn ba chục chiêu vẫn không nhận rõ được lai lịch thế kiếm của đối phương, lòng ngấm ngấm kinh hãi. Hắn đành múa đao để hộ vệ kín những huyết đạo trọng yếu.

Hai người trao đổi mấy chục chiêu mà đao kiếm vẫn không

chạm nhau. Bổng nghe một tiếng keng nhỏ. Mũi hắc kiếm đã dính vào sống kim đao rồi theo đà trượt đi. Chiêu này kêu bằng Thuận lưu nhi hạ, nguyên là một chiêu số thông thường dùng kiếm để phá đao. Nếu kiếm pháp của đối thủ kém thì An Phụng Nhật chỉ cần hất đao ra ngoài là lưỡi kiếm lập tức phải văng đi. Nhưng thế kiếm của Thạch Thanh mau lẹ quá chừng. An Phụng Nhật lúc xoay chuyển ý nghĩ muốn gạt đi thì mũi kiếm của đối phương đã chạm vào sát bàn tay của hắn.

An Phụng Nhật vô cùng kinh hãi nghĩ thầm:

- Phen này chắc là mình bị kiếm chém đứt mấy ngón tay.

Hắn muốn thu đao về lùi lại cũng không được nữa.

Giữa lúc An Phụng Nhật đang hoang mang lo lắng thì Thạch Thanh đột nhiên thu kiếm về.

An Phụng Nhật biết đối phương lừa tình. Y đành phải bỏ đao xuống.

Ngờ đâu, Thạch Thanh vòng lưỡi kiếm để lưỡi đao khỏi rớt xuống.

Bổng nghe Thạch Thanh nói:

- Chúng ta đang ở thế quân bình, không phân cao thấp, sao các hạ đã buông đao?

Đồng thời y khẽ rung thanh hắc kiếm để hất kim đao trả lại.

An Phụng Nhật lòng đầy cảm khái! Năm ngón tay liền nắm chặt lấy chuôi đao. Hắn biết rõ đối phương đã thắng mà còn muốn

giữ thế diện cho mình. Hắn vội giơ thẳng cây kim đao lên kính cẩn hành lễ theo thể Nam hải lễ Phật là thế thu đao của phép Phách quái đao.

An Phụng Nhật toan nói mấy lời cảm tạ thì Thạch Thanh đã tra kiếm vào vỏ chấp tay nói:

- Thạch mộ này được kết bạn với An trại chủ là một sự may mắn. Chúng ta bất tất tỉ thí làm chi nữa. Khi nào trại chủ thuận đường qua tề trang, mời trại chủ vào chơi đặng chúng ta hàn huyên mấy bữa.

An Phụng Nhật buồn rầu đáp:

- Tại hạ dĩ nhiên có ngày qua quý trang bái kiến.

Y tung mình nhảy đến bên gốc cây kia, rút thanh kiếm của Bản Không đao nhân ra, cầm lấy cái gói nhỏ, đưa đến trước mặt Thạch Thanh:

- Xin trang chúa nhận lấy vật này.

Thạch Thanh cười đáp:

- Đa tạ. Nhưng Thạch mộ đi đây.

An Phụng Nhật la lên:

- Xin Thạch trang chúa hãy dừng bước! Trang chúa đã giữ thế diện cho An mộ, có lý nào An mộ lại không biết? Hiển nhiên An mộ đã thất bại rồi. Xin trang chúa giữ lấy vật này. Nếu không thế chẳng hóa ra An mộ là kẻ tiểu nhân vô sỉ không biết điều ư?

Thạch Thanh tủm tỉm cười đáp:

- Cuộc tỉ võ bữa nay chưa phân thắng bại. Bao nhiêu đao pháp tinh diệu như Thanh long đao, Đoạn môn đao... trại chủ chưa từng thi triển sao đã tự cho mình thua được? Và lại trong gói đó chẳng có vật chi hết. Tại hạ e rằng Chu thế huynh mắc lừa người ta rồi.

An Phụng Nhật sững sờ hỏi:

- Bên trong không có vật đó ư?

Hắn vội xé bao ra xem. Xé hết lần nọ đến lần kia cả thầy năm lần. Trong cùng chỉ có ba chấm đen. Hắn để ý nhìn kỹ thì ra ba con bọ đã chết rồi.

An Phụng Nhật nhìn thấy xác ba con bọ thì vừa kinh hãi vừa tức giận. Nhưng hắn cố nén lòng, quay lại hỏi Chu Mục:

- Chu huynh đệ! Thế này nghĩa làm sao?

Chu Mục ấp úng đáp:

- Tại hạ cũng không biết. Lúc tại hạ tìm trong mình Ngô Đạo Nhất thì chỉ lục được cái gói nhỏ này mà thôi.

An Phụng Nhật hiểu ngay là Ngô Đạo Nhất đã giao vật đó cho người khác.

Chuyến này chẳng những uống công một phen lặn lội mà còn thương tổn đến oai phong của trại Kim Đao. Hắn liền vào cái bao giấy liệm xuống đất rồi quay sang hỏi Thạch Thanh:

- Thế này thì lại làm trò cười cho Thạch trang chúa. Nhưng tại sao Thạch trang chúa biết rõ như vậy?

Thạch Thanh mỉm cười đáp:

- Tại hạ cũng phỏng đoán thế thôi. Chúng ta đều bị người lừa gạt. Mong rằng An trại chủ lấy đại lượng mà bao dung cho.

Thạch Thanh dứt lời lại chấp tay thi lễ lần nữa rồi quay lại chào Bản Không đạo nhân, Phùng Chấn Võ và Chu Mục đoạn trở gót ra khỏi khu rừng.

Thạch Thanh trở lại bên đồng lửa bảo Mẫn Nhu:

- Nương tử! Chúng ta đi thôi!

Hai người nhảy tót lên ngựa theo đường cũ quay về.

Mẫn Nhu nhìn nét mặt lang quân, nàng không cần hỏi cũng biết ngay là chẳng được việc gì. Nàng cảm thấy đau lòng, bất giác nhỏ mấy giọt nước mắt xuống vạt áo.

Thạch Thanh nói:

- Kim Đào trại chủ cũng mắc lừa. Nương tử! Nương tử chẳng nên phiền não. Chúng ta quay lại lục tìm trong người Ngô Đạo Nhất. Không chừng mấy ông bạn ở trại Kim Đào đã vô tình nên không tìm thấy.

Mẫn Nhu tuy biết chẳng ăn thua gì, nhưng không muốn trái ý lang quân. Nàng nghẹn ngào đáp:

- Tướng công nói phải đó.

Đôi ngựa hắc, bạch phi thật nhanh, chưa tới giờ Ngọ đã về đến Hầu Giám Tập.

Dân cư trong thị trấn này hãy còn khiếp sợ, chưa có nhà nào dám mở cửa. Mọi việc giết người cướp của đã có người vào thành

Biện Lương trình quan nha. Quan nha địa phương này không dám đến ngay. Hiển nhiên họ muốn trùng trình để cường đạo bỏ đi rồi mới dẫn quân tới cho bình yên hơn.

Vợ chồng Thạch Thanh phi ngựa đến bên thi thể Ngô Đạo Nhất thì chỉ thấy một gã ăn xin mười hai, mười ba tuổi ngồi bên góc tường, tuyệt nhiên không có người nào khác.

Thạch Thanh lục soát trong mình Ngô Đạo Nhất rất tỉ mỉ, cởi cả búi tóc, tháo cả giày vớ ra mà tìm. Còn Mẫn Nhu thì vào trong tiệm bánh tra xét. Cuộc lục soát không đem lại kết quả nào. Vợ chồng Thạch Thanh buông tiếng thở dài chán nản.

Mẫn Nhu nói:

- Tướng công! Xem chừng vợ chồng mình khó lòng trả được mối thù đó. Mấy bữa nay làm cho tướng công phải nhọc mệt. Bây giờ chúng ta vào thành Biện Lương nghỉ ngơi để xem hát hoặc nghe nhạc giải cơn phiền muộn.

Thạch Thanh đã biết vợ vốn ưa tính mệnh, chẳng thích ca trường cũng không ham hí kịch. Nàng nói vậy là chiều ý mình mà thôi. Y nghĩ thế liền đáp:

- Chúng mình đã tới Hà Nam là phải vào thành Biện Lương để xem phong cảnh. Ta còn nghe nói thợ bạc tại Biện Lương khéo lắm, vào đó sắm mấy món trang sức cũng hay.

Mẫn Nhu nổi tiếng là người đẹp trong võ lâm, dĩ nhiên nàng ưa trang điểm. Nàng đã gần tới tuổi trung niên, nên càng chú trọng đến việc trang sức để giữ sắc đẹp. Hai vợ chồng mưu việc không thành,

sinh lòng chán nản, đành đi tìm thú giải muộn.

Mẫn Nhu nở một nụ cười thê lương đáp:

- Từ khi Kiên nhi chết rồi, mười ba năm nay tiền của tướng công bỏ ra mua đồ trang sức cho tiểu muội đã đủ để mở một tiệm châu báu.

Nàng nói câu “Từ khi Kiên nhi chết rồi”, châu lệ tầm tã tuôn rơi. Nàng trông thấy gã ăn xin ngồi ủ rũ ở góc tường thật là dơ dáy, bất giác động mỗi thương tâm, liền cất tiếng hỏi:

- Mẫu thân người đâu? Tại sao mà phải đi ăn xin?

Gã ăn xin đáp:

- Mẫu thân cháu... không thấy đâu cả.

Mẫn Nhu thở dài, móc trong bọc ra một đỉnh bạc nhỏ liêng xuống chân gã nói:

- Ta cho người để mua bánh mà ăn.

Nàng nhảy lên ngựa ra đi còn quay lại hỏi:

- Hai tử! Tên người là chi?

Gã ăn xin đáp:

- Cháu là... Cầu Tạt Chung ⁽¹⁾

Thạch Thanh lắc đầu nói:

- Gã này còn ngây thơ chưa biết gì hết.

Mẫn Nhu cũng nói:

- Đúng thế! Thật là một đứa bé đáng thương!

Hai người vừa nói vừa giật cương cho ngựa chạy về phía thành Biện Lương.

Từ lúc tử thi Ngô Đạo Nhất cử động làm cho gã ăn xin sợ hãi thất thần rồi mê man ngất lịm. Đến lúc trời sáng gã mới hồi tỉnh. Thấy Thạch Thanh đến nơi, gã vội ẩn vào góc tường. Gã toan chạy trốn xa hơn, nhưng thấy Thạch Thanh lật thi thể Ngô Đạo Nhất lên lục soát, gã sợ quá không dám nhúc nhích. Gã không ngờ thiếu phụ xinh đẹp kia lại ném cho mình một đĩnh bạc. Gã nghĩ bụng:

- Bà kia vừa bảo cho tiền mình đi mua bánh ăn, mà bánh mình hãy còn cầm đây.

Gã liền giơ tay lên đưa mắt nhìn tám bánh nướng mà đem qua gã đã ngọam một miếng. Gã bớt kinh sợ thì lại thấy đói dữ, liền há miệng cắn luôn. Bỗng nghe đánh sáo một tiếng! Hai hàm răng gã đau nhức tựa hồ cắn phải sắt đá.

Gã ăn xin rút tám bánh ra. Trong miệng gã có một vật rắn. Gã liền nhả ra lòng bàn tay trái thì thấy đó là một miếng sắt đen sì. Gã liếc qua một cái rồi cũng chẳng cần nghĩ đến tại sao trong bánh lại có miếng sắt này. Gã nhìn lại tám bánh thấy không còn vật gì nữa, liền cắn ăn lấy ăn để.

Chỉ trong khoảnh khắc, gã ăn xin đã ăn hết tám bánh. Gã đưa mắt nhìn thì thể Ngô Đạo Nhất, thấy gần đó còn có mười mấy cái bánh đã bửa ra. Gã tự hỏi:

- Tên quý sử nào bửa bánh ra liệng đi thế này, chẳng biết còn ăn được không?

Gã ăn xin còn đang ngần ngừ chưa biết có nên lượm những tấm bánh này không, thì bất thình lình trên đỉnh đầu có tiếng người nói:

- Đã bao vây hết bốn mặt rồi.

Gã ăn xin giật mình, kinh hãi lắm bầm:

- Sao đỉnh đầu mình lại có tiếng người?

Gã ngẩng mặt lên thấy trên nóc nhà có ba gã đàn ông mặc áo trắng đứng đó. Tiếp theo mấy tiếng veo veo lên. Có người nhảy lại gần gã.

Gã ăn xin xoay mình thấy bốn người cũng mặc áo trắng, tay cầm trường kiếm đứng hai bên. Gã ngó lưỡi kiếm sáng loáng sợ hết hồn, miệng há hốc ra.

Tiếp theo lại có tiếng vó ngựa dồn dập. Một người phi ngựa tới nơi lớn tiếng hỏi:

- Các bạn phải chăng là người phái Tuyết Sơn? Các bạn đã đến Hà Nam, xin tha thứ cho An mỗ chưa kịp nghinh tiếp.

Chớp mắt một con ngựa vàng xông đến trước mặt. Người cưỡi ngựa là một gã thấp lùn thùn mà béo chùn béo chụt, râu mọc tua tủa... Hắn không dùng ngựa, đột ngột nhảy xuống. Con ngựa vàng chạy lạng qua một bên. Xem chừng nó đã được huấn luyện rất thuần thục. Nó đi vòng xa ra một chút rồi đứng lại.

Ba gã áo trắng từ trên nóc nhà nhẹ nhàng nhảy xuống. Gã nào cũng nắm chặt tay kiếm. Gã to lớn trạc bốn mươi, lên tiếng:

- Phải chăng các hạ là Kim Dao trại chủ? May được gặp đây! May được gặp đây!

Gã vừa nói vừa đưa mắt ra hiệu cho những người mặc áo trắng đứng ở sau lưng An Phụng Nhật.

Nguyên An Phụng Nhật bị Thạch Thanh đánh bại rồi, hấn buồn rầu vô cùng. Nhưng hấn là một hán tử đã quen chịu đựng. Bỗng hấn sờ lên hàm râu tự hỏi:

- Vợ chồng Thạch trang chúa phải chăng trở lại Hầu Giám Tập? Phải rồi! Chu tứ đệ mắc lừa, không lấy được vật kia, vợ chồng y quyết nhiên phải tới đó tìm lại. Mình đã bị bại về tay y. Nếu y lấy được chẳng nói làm chi. Bằng y không lấy được thì mình tìm lại lần nữa cũng chẳng sao. Chắc Ngô Đạo Nhất cất vật này vào một nơi nào bí hiểm.

Phụ lục IV

Tiểu ngạo giang hồ

*Bản dịch: Vũ Đức Sao Biển –
Trần Hải Linh - Lê Thị Anh Đào*

Hồi thứ bảy

Một chiều Kiếm tiên bẻ chung trà

Đi được nửa ngày, đột nhiên mưa trút xuống rào rào. Chàng ghé bên đường mua một cái nón dầu to đội lên đầu. Ngoài trời tối đen mịt mù, mưa vẫn tầm tã không dứt. Chàng băng qua đường, thấy một quán trà đông nghịt người ngồi, bèn đi vào góc quán tìm một chỗ. Tiểu nhị đem ra một bình trà, một đĩa hạt bí đỏ, một đĩa đậu dặt lên bàn. Chàng uống ly trà, cắn hạt bí cho đỡ buồn. Bỗng nghe tiếng người nói:

- Chú gù kia! Cho anh em ngồi chung với được không?

Người đó không đợi Lâm Bình Chi trả lời, bèn ngồi xuống, tiếp theo lại có hai người nữa cũng ngồi xuống theo.

Lúc đầu, Lâm Bình Chi không biết người đó nói chuyện với mình. Chàng ngẩng người ra, rồi mới hiểu rằng “chú gù” chính là mình. Chàng vội cười đáp:

- Được! Được! Mời ngồi, mời ngồi!

Ba người này đều mặc đồ đen, lưng đeo dao kiếm. Họ vừa uống trà vừa nói chuyện, không đếm xỉa đến Lâm Bình Chi. Gã hán tử trẻ tuổi nói:

- Lần này, Lưu tam gia mở tiệc ăn mừng “rửa tay gác kiếm”. Buổi tiệc này không nhỏ đâu. Còn ba ngày nữa mới tới đại yến mà thành Hành Sơn đã đẩy nhóc các tân khách.

Một gã hán tử bị chột mắt nói:

- Tất nhiên rồi. Phái Hành Sơn đã có oai danh rất lớn, lại liên hợp với Ngũ Nhạc kiếm phái, thanh thế càng lớn hơn, ai mà không muốn kết giao với họ? Vả lại, Lưu Chính Phong tam gia võ công tuyệt luân, với ba mươi sáu đường “Hồi phong lạc nhận kiếm” được tôn xưng là đệ nhị cao thủ phái Hành Sơn, chỉ thua kém vị chủ môn là Mạc Đại tiên sinh một chút. Ngày thường có biết bao nhiêu người muốn cầu thân với y. Nhưng y có ba điều khác người: một là không làm tiệc mừng thọ; hai là không cưới vợ cho con trai; ba là không gả chồng cho con gái, nên chẳng có dịp nào giao tình được. Lần này, y mở tiệc ăn mừng “rửa tay gác kiếm” nên quần hào võ lâm nghe tin mà đến. Ta đoán thế nào đến ngày kia, thành Hành Sơn sẽ còn náo nhiệt hơn nữa đấy!

Một lão già có chòm râu đốm bạc nói:

- Nếu nói ai cũng đến để cầu thân với Lưu Chính Phong thì chưa chắc. Ba anh em chúng ta không phải vì vậy mà đến, đúng không? Lưu Chính Phong rửa tay gác kiếm tức là từ nay về sau sẽ không xuất quyền động kiếm nữa, quyết không hời hán đến thị phi ân oán trong võ lâm. Giang hồ coi như không có tên nhân vật này nữa. Y đã lập lời thề quyết không sử dụng đến thanh kiếm, thế thì ba mươi sáu đường “Hồi phong lạc nhận kiếm” có cao siêu đến đâu cũng trở thành vô dụng. Một người rửa tay gác kiếm thì chẳng khác

gì một thường dân, tay cao thủ tuyệt chiêu cũng như phế nhân mà thôi. Người khác kết giao với y liệu có được gì?

Gã trẻ tuổi nói:

- Lưu tam gia từ nay về sau tuy là không xuất quyền động kiếm, nhưng cũng là nhân vật thứ hai của phái Hành Sơn. Kết giao với Lưu tam gia cũng là kết giao với phái Hành Sơn rồi, và cũng là kết giao với cả Ngũ Nhạc kiếm phái nữa.

Gã họ Bành râu bạc cười nhạt nói:

- Người có nằm mơ không mà đòi kết giao với Ngũ Nhạc kiếm phái?

Gã chột mắt nói:

- Bành đại ca có lẽ không nên nói như vậy. Ai bôn ba trên chốn giang hồ có thêm một người bạn thì không phải là nhiều, bớt một kẻ thù thì không phải là ít. Ngũ Nhạc kiếm phái tuy võ nghệ cao cường, thanh thế lớn lao cũng không thể coi thường bạn bè giang hồ được. Nếu như họ thực sự kiêu ngạo tự đại, không coi người khác vào đâu thì tại sao trong thành Hành Sơn lại có nhiều tân khách như vậy?

Gã râu đốm bạc “hừ” lên một tiếng rồi không nói thêm lời nào, một lúc lâu sau mới nhẹ giọng:

- Phần nhiều là những kẻ xu phụ người có quyền thế, lão tử nhìn thấy mà không khỏi tức mình.

Lâm Bình Chi chỉ mong ba người nói chuyện không ngớt, hy vọng có thể nghe được tin tức của phái Thanh Thành. Nào ngờ ba

người nói chuyện không ăn ý, sau đó chỉ uống trà và không nói thêm một lời nào nữa. Bỗng nhiên, ở sau lưng có người gọi khẽ:

- Vương nhị thúc, nghe nói Lưu tam gia phái Hành Sơn chỉ mới năm mươi tuổi trở lại, chính là thời kỳ võ công đang cường thịnh, tại sao bỗng nhiên lại rửa tay gác kiếm? Đó không phải là hành động sai lầm sao? Y không có đủ bản lĩnh sao?

Một lão già đáp:

- Người trong võ lâm rửa tay gác kiếm có rất nhiều nguyên nhân. Nếu là một tên đại tặc trong hắc đạo, một đời gây nên tội nghiệt quá nhiều, thì khi họ rửa tay gác kiếm có nghĩa là kể như từ nay không làm những việc giết người cướp của, phóng hỏa đốt nhà nữa. Một là họ biết cải dữ làm lành để lưu lại thanh danh cho con cháu; hai là ở địa phương nếu có xảy ra đại án thì bản thân mình cũng không bị nghi ngờ. Lưu tam gia tài sản giàu sụ, họ Lưu ở Hành Sơn lại đã phát đạt mấy đời, thì đương nhiên y không liên can gì đến điều này.

Một người khác nói:

- Phải đấy, những việc đó hoàn toàn không liên can gì đến y.

Lão Vương nhị thúc nói:

- Người học võ cả cuộc đời động đến đao thương, không tránh khỏi chuyện giết người, kết nhiều thù oán. Khi tuổi đã già, người ta nhớ đến kẻ thù trên chốn giang hồ nên lo sợ, ăn ngủ không yên. Lưu tam gia mời nhiều tân khách là có ý nói cho mọi người biết rằng từ nay về sau, y không động đến đao kiếm; những kẻ thù của

y khỏi phải lo sợ nữa, y cũng không báo thù ai đâu và cũng mong họ đừng đến làm phiền y.

Gã thanh niên nói:

- Vương nhị thúc, tiểu diệt thấy làm như vậy thì thiệt thòi quá.

Vương nhị thúc hỏi:

- Tại sao lại thiệt thòi?

Gã trẻ tuổi nói:

- Lưu tam gia cố nhiên là không đi tìm họ rồi, nhưng họ lại tùy thời tùy lúc có thể đến tìm lão. Nếu như có người muốn giết lão, Lưu tam gia không động đao kiếm, há không phải là để cho người dễ áp bức sao? Lúc đó, lão không có cách gì chống trả được?

Vương nhị thúc cười nói:

- Người là kẻ hậu sinh nên chẳng có chút kiến thức gì cả. Vì như người ta muốn giết người, vậy người có trả đòn không? Hơn nữa, thanh thế phái Hành Sơn như vậy, Lưu tam gia võ công cao như vậy, y không đi tìm người ta gây chuyện thì người ta đã kính trọng y như một vị thần minh rồi, có ai muốn đến vuốt râu hùm mới dám đi tìm y gây chuyện. Lại nữa, Lưu tam gia không tự tay động thủ, chẳng lẽ chúng đệ tử của họ Lưu lại không có một người xông vào sao? Người đứng là người nước Kỳ lo chuyện trời sụp.

Lão râu đốm bạc ngồi đối diện Lâm Bình Chi lẩm bẩm:

- Cường trung canh hữu cường trung thủ, năng nhân chi thượng hữu năng nhân (người mạnh còn có người khác mạnh hơn, mình

giỏi còn có kẻ khác giỏi hơn). Ai dám tự xưng mình là thiên hạ vô địch?

Lão lẩm bẩm rất nhỏ, hai người ngồi sau không nghe.

Lão Vương nhị thúc lại nói:

- Còn có những người mở tiêu cục, nếu họ sớm biết đủ rồi mà rút lui, rửa tay gác kiếm, không sống trên lưỡi đao, đem bán sinh mạng để lấy tiền, thì cũng được coi là người thức thời.

Mấy câu này lọt vào tai Lâm Bình Chi làm cho chàng chấn động tinh thần. Chàng nghĩ bụng:

- Nếu trước đây vài năm, gia gia của ta biết dừng lại, rút lui, rửa tay gác kiếm thì có lẽ không có ngày nay.

Lại nghe gã lão râu đốm bạc lẩm bẩm:

- Ngõa quán bất li tỉnh thượng phá, tướng quân nan miễn trận thượng vong (mái ngói vỡ tan bờ giếng, tướng quân gục ngã sa trường). Những người thịnh thời thường mê muội, bốn chữ “cấp lưu dũng thoái” không dễ nói đâu.

Gã chợt mất nói:

- Đúng vậy, mấy ngày nay ta nghe người ta nói thanh danh của Lưu tam gia đang rạng rỡ như mặt trời mùa xuân, đột nhiên tam gia thối lui, thật là việc làm của người quân tử, khiến cho ai cũng khâm phục.

Bỗng nhiên, đầu bàn bên có một gã hán tử trung niên mặc áo lụa nói:

- Hôm trước, các huynh đệ ở Vũ Hán tam trấn nghe đồng đạo trong võ lâm nói Lưu tam gia rửa tay gác kiếm, rút khỏi võ lâm thật là có nỗi khổ tâm.

Gã chợt mắt quay người lại nói:

- Các bằng hữu ở Vũ Hán nói như thế nào? Bằng hữu có thể thuật lại cho nghe được chăng?

Người đó cười cười rồi nói:

- Câu chuyện này ở Vũ Hán nói thì không sao, nhưng đến thành Hành Sơn thì không thể tùy tiện mà nói càn!

Một người khác lùn mập, giọng thô lỗ, nói:

- Chuyện này nhiều người biết lắm rồi, sao người lại làm ra vẻ bí mật cao thâm quá vậy? Mọi người đều nói Lưu tam gia vì võ công quá cao, nhân duyên quá tốt nên không thể không rửa tay gác kiếm!

Giọng gã nói rất lớn. Trong quán trà bao nhiêu người đều nhìn thẳng vào mặt gã. Có mấy người hỏi lại:

- Tại sao võ công quá cao, nhân duyên quá tốt mà lại rút khỏi võ lâm? Há không phải kỳ lạ sao?

Gã hán tử mập lùn giương giương tự đắc nói:

- Không biết nội tình thì ai cũng cảm thấy kỳ lạ, nếu biết rồi thì không còn gì là kỳ lạ nữa.

Có người nghe vậy bèn hỏi:

- Vậy là nội tình gì?

Gã mập lùn chỉ mỉm cười, không nói gì cả. Một người ốm nhom ngồi cách đó mấy bàn lạnh lùng nói:

- Bằng hữu hỏi nhiều làm gì! Chính y cũng không biết mà chỉ là bạ đâu nói đấy!

Gã hán tử mập lùn không chịu được những lời nói khích, lớn tiếng nói:

- Ai nói là ta không biết? Lưu tam gia rửa tay gác kiếm là vì y biết quan tâm đến đại cục, muốn tránh sự tranh chấp bè đảng có thể xảy ra trong phái Hành Sơn!

Có mấy người há miệng hết cỡ, hỏi ngay:

- Quan tâm đến đại cục như thế nào?

- Tranh chấp bè đảng ra sao?

- Lê nào sư huynh, sư đệ của họ lại mâu thuẫn nhau?

Gã mập lùn nói:

- Ai cũng nói Lưu tam gia là đệ nhị cao thủ của phái Hành Sơn nhưng người trong bốn phái từ trên xuống dưới đều biết trình độ ba mươi sáu đường “Hồi phong lạc nhật kiếm” của Lưu tam gia đã cao hơn chương môn nhân Mạc Đại tiên sinh rất nhiều. Mạc Đại tiên sinh phóng một nhát kiếm có thể đứt đầu ba con nhạn. Lưu tam gia phóng một kiếm hót đứt đầu năm con. Môn hạ của Lưu tam gia người nào cũng hơn môn hạ của Mạc Đại tiên sinh. Trước mắt, tình hình càng lúc càng căng thẳng, nếu kéo dài thêm vài năm nữa thì thanh thế của Mạc Đại tiên sinh nhất định sẽ bị Lưu tam gia đè bẹp.

Nghe nói, hai bên đã xảy ra mấy lần xung đột. Lưu tam gia nhà to nghiệp cả, không muốn cùng với sư huynh tranh giành hư danh, vì vậy phải rửa tay gác kiếm, để sau này yên ổn làm một phú gia.

Mấy người gật đầu nói:

- Thì ra là vậy, Lưu tam gia thâm hiểu đại nghĩa, thật hiếm thấy.

Lại có người nói:

- Mạc Đại tiên sinh làm như vậy là không đúng. Y áp bức Lưu tam gia phải rời khỏi võ lâm, há không phải là tự mình làm suy yếu thanh thế của phái Hành Sơn sao?

Gã hán tử trung niên mặc áo lụa cười nhạt nói:

- Mọi việc trên đời này nào được vương tròn hết đâu. Ta chỉ cần giữ vững ngôi vị chủ trương môn nhân, thanh thế của bốn phái lên cũng được mà suy yếu cũng không sao. Chuyện ai nấy lo mà.

Gã lùn mập uống mấy ngụm trà rồi gõ vào nắp bình leng keng la to:

- Đem trà đến! Đem trà đến!

Rồi gã lại tiếp:

- Buổi lễ này rõ ràng là đại sự của phái Hành Sơn. Các môn phái đều có tân khách đến mừng, nhưng phái Hành Sơn thì...

Gã nói đến đây bỗng nhiên ở ngoài cửa có tiếng hô cảm "tình tang" rồi có người cất tiếng hát:

- Than ôi, Dương gia tận trung với nước.... Đại Tống ý y... bảo trì...

Giọng hát ngân nga kéo dài, âm sắc rất thê lương não ruột. Mọi người đều quay đầu nhìn lại, chỉ thấy một lão già ốm nhom ngồi ở bàn kế bên, sắc mặt tiêu tụy, mặc chiếc áo dài màu xanh, cũ đến nỗi màu xanh đã bạc thành màu trắng. Tướng mạo lão rất điêu linh, đúng là một người hát dạo để xin tiền.

Gã lùn mập há miệng quát:

- Hát như quỷ gào ồn ào quá đi, lại làm gián đoạn cuộc nói chuyện của lão tử.

Lập tức lão già hạ thấp giọng xuống, nhưng vẫn hát:

- Bến Kim Sa... ỳ ỳ song long hội ừ ừ thua một trận...

Có người hỏi:

- Này bằng hữu, hồi này bằng hữu vừa nói các môn phái đều có tân khách đến còn phái Hành Sơn thì như thế nào?

Gã lùn mập nói:

- Các đệ tử của Lưu tam gia đương nhiên là ở khắp nơi trong thành Hành Sơn để nghinh đón, chào hỏi khách. Nhưng ngoài những đệ tử Lưu tam gia đích thân truyền dạy ra, các vị có gặp một đệ tử nào khác trong phái Hành Sơn không?

Mọi người ngơ ngác nhìn nhau, rồi đều nói:

- Phải rồi, tại sao một người cũng không thấy! Làm như vậy chẳng phải mất mặt Lưu tam gia lắm sao?

Gã mập lùn nhìn gã mặc áo lụa cười nói:

- Tại hạ nói bằng hữu nhất gan, không dám đem chuyện tranh

chấp bè phái trong phái Hành Sơn nói ra. Kỳ thực chuyện ấy có liên can gì đâu? Người phái Hành Sơn có ai nghe thấy đâu?

Bỗng nhiên, tiếng hồ cầm lại vang lên khắp nhà. Lão lớn tuổi quát:

- Đồ tiểu nhân lại đàn hát nữa. Thật là xui xẻo.

Gã trẻ tuổi la to:

- Đừng ở đây sinh chuyện nữa, trả tiền rồi đi đi!

Gã giơ tay lên. Một xâu tiền đồng bay ra, nghe “chát” một tiếng, rớt xuống trước mặt lão già đánh đàn. Thủ pháp rất chuẩn. Lão già đó tạ ơn rồi nhặt tiền lên.

Gã lùn mập khen ngợi nói:

- Thì ra lão đệ là một danh gia âm khí, thủ thuật thật tuyệt diệu.

Gã trẻ tuổi cười nói:

- Có đáng gì đâu? Đại ca này, theo lời đại ca nói thì Mạc Đại tiên sinh chắc chắn là không đến rồi!

Gã mập lùn nói:

- Y đến để làm gì? Mạc Đại tiên sinh và Lưu tam gia bây giờ như nước với lửa, hễ gặp nhau là rút kiếm động thủ. Lưu tam gia đã nhường một bước, y cũng đã sượng ran rồi.

Lão già đàn hát vừa rồi bỗng nhiên đứng dậy, từ từ đi đến trước mặt gã mập lùn, ngoảnh đầu nhìn gã một lúc. Gã mập lùn tức giận nói:

- Lão làm cái gì vậy?

Lão già đó lắc đầu nói:

- Người nói bậy lắm!

Rồi quay người đi. Gã mập lùn tức điên người, vươn tay ra định chụp sau lưng lão. Bỗng nhiên trước mắt lóe sáng lên, thanh trường kiếm nhỏ bé quét một thế trên mặt bàn nghe “đing đing” mấy tiếng. Gã mập lùn cả kinh, vội nhảy lùi về phía sau, sợ thanh trường kiếm đâm trúng mình. Lão già từ từ nhét thanh trường kiếm vào trong đáy hồ cầm, không còn thấy đâu nữa. Thì ra thanh trường kiếm được giấu trong cây hồ cầm, chuôi kiếm thông vào đáy hồ cầm, ở ngoài nhìn vào nào ai biết được trong cây đàn cũ rích này lại có giấu cây kiếm. Lão già lại lắc đầu, nói:

- Người nói bậy lắm!

Rồi từ từ bước ra khỏi quán trà. Mọi người đưa mắt nhìn theo hình bóng lão đến khi lão mất dạng trong mưa, tiếng hồ cầm the lương còn văng vẳng vọng lại.

Bỗng nhiên có người kêu lên thất thanh một tiếng rồi nói to:

- Các vị xem kìa! Các vị xem kìa!

Mọi người nhìn theo. Tay gã chỉ vào bảy chén trà để trên bàn gã mập lùn. Mỗi chén trà đều bị kiếm cắt ngọt một vòng khoảng nửa tác. Bảy cái vòng miêng chén trà rớt xuống bên chén mà không một chén trà nào nghiêng đổ.

Mấy mươi người trong quán trà đều bu lại, bàn luận xôn xao. Có người nói:

- Người này là ai mà kiếm pháp lợi hại như vậy?

Có người nói:

- Một kiếm chém đứt bảy miếng chén trà, mà chén trà lại không ngã bể, thật là thần kỳ!

Có người nhìn gã mập lùn nói:

- May mà vị lão tiên sinh kia ra tay còn nương tình, nếu không thì cái đầu của lão huynh cũng giống như bảy cái chén trà kia.

Lại có người nói:

- Lão tiên sinh này đương nhiên là một vị cao thủ nổi danh mà tại sao bể ngoài giống như người hát dạo?

Gã mập lùn nhìn bảy chén trà, nét mặt thần thờ không còn giọt máu, không nghe được một câu nói nào.

Gã đứng tuổi mặc áo lụa nói:

- Thấy chưa? Ta đã sớm khuyên người nói ít vài câu. Thị phi chỉ vì lăm chuyen, phiền não là do tự kiêu. Hiện giờ, thành Hành Sơn này là nơi ngọa hổ tàng long, không biết còn có bao nhiêu cao nhân đến. Vị lão tiên sinh này nhất định là bạn thân của Mạc Đại tiên sinh. Lão nghe người nói xấu sau lưng Mạc Đại tiên sinh nên mới dạy cho người một bài học.

Gã râu đốm bạc nói một cách lạnh lùng:

- Bạn thân của Mạc Đại tiên sinh cái gì? Y chính là chương môn phái Hành Sơn Tiêu Tương dạ vụ Mạc Đại tiên sinh đó!

Mọi người đều kinh hãi, cùng hỏi:

- Cái gì? Y... y là Mạc Đại tiên sinh ư? Sao các hạ lại biết?

Gã râu đốm bạc nói:

- Lão phu biết chứ. Mạc Đại tiên sinh rất thích gảy hồ cầm, hát khúc “Tiêu Tương dạ vũ” thê lương, khiến cho người nghe rơi lệ. Tám chữ “Cầm trung tàng kiếm, kiếm phát cầm âm” (trong đàn giấu kiếm, kiếm phát tiếng đàn) là lời miêu tả võ công của lão. Các vị đã đến thành Hành Sơn lẽ nào lại không biết? Vị huynh đài này vừa rồi nói cái gì Lưu tam gia một nhát kiếm có thể chém đứt năm đầu con chim nhạn mà Mạc Đại tiên sinh lại chỉ có thể chém đứt đầu ba con. Một thế kiếm của y cắt đứt bảy chén trà cho huynh thấy đấy. Chén trà có thể cắt đứt thì chuyện chém đầu con nhạn có khó gì đâu. Vì vậy mà lão chủ huynh đệ nói vậy.

Gã mập lùn sợ hết hồn, cúi đầu không dám trả lời. Gã hán tử mặc áo lụa trả tiền trà rồi kéo gã đi.

Mọi người trong quán rượu thấy Tiêu Tương dạ vũ Mạc Đại tiên sinh biểu lộ thần công trên đời có một thì chẳng ai không sợ hãi, không ai không rã rời. Vừa rồi gã mập lùn xưng tụng Lưu Chính Phong mà lại phê bình Mạc Đại tiên sinh rồi mình cũng lên tiếng phụ họa, không chừng vì vậy mà rước họa vào thân.

Ai nấy trả tiền xong rồi ra khỏi quán. Chỉ trong khoảnh khắc, quán trà đông nghẹt người ngồi ồn ào, huyền não mà bây giờ vắng teo. Ngoài Lâm Bình Chi ra, chỉ còn lại hai người khách khác đang úp mặt xuống bàn ngủ.

Lâm Bình Chi nhìn bảy cái miệng chén trà và bảy cái vòng cắt trên chén trà, nghĩ thầm:

- Lão này bề ngoài có vẻ hạ tiện, một ngón tay cũng có thể đẩy ngã lão. Nào ngờ thanh trường kiếm của lão mới hoa lên một cái thì đã chém đứt bảy chén trà. Nếu ta không ra khỏi thành Phúc Châu thì làm sao biết trên đời này lại có những nhân vật như vậy? Ta ở trong Phước Oai tiêu cục cũng như ếch ngồi đáy giếng nhìn trời, vẫn nghĩ những tay cao thủ lợi hại trên giang hồ dù giỏi đến đâu bất quá cũng chỉ bằng gia gia của mình mà thôi. Than ôi! Nếu ta có thể bái người này làm sư phụ, dụng tâm luyện công thì may ra mới có thể báo được đại thù, bằng không thì suốt đời không còn hy vọng nữa.

Chàng lại nghĩ:

- Sao mình không đi tìm Mạc Đại tiên sinh thành khẩn cầu xin lão cứu cha mẹ mình và nhận mình làm đệ tử?

Chàng liền đứng dậy, lại chợt nghĩ:

- Lão là trưởng môn phái Hành Sơn. Ngũ Nhạc kiếm phái và phái Thanh Thành giao du với nhau. Lão làm sao lại vì một người không quen biết mà đắc tội với bạn bè?

Nghĩ đến đây, chàng lại ngồi thừ người ra, cụt hứng.

Hồi thứ tám

Dùng khí công uống hậu nhĩ tửu

Bổng nghe tiếng nói mềm mại thánh thót:

- Nhị sư ca, trời mưa mãi không tạnh, quần áo tiểu muội ướt hết cả rồi. Chúng ta vào đây uống trà đi.

Lâm Bình Chi trong lòng chấn động. Chàng nhận ra đó là giọng nói của cô gái bán rượu xấu xí đã cứu tính mạng mình. Chàng vội vàng cúi mặt xuống. Chợt nghe tiếng một lão già trả lời:

- Phải đấy, uống chén trà nóng cho ấm bụng.

Hai người đi vào quán trà, ngồi xuống cái bàn đối diện Lâm Bình Chi, hơi xéo qua một chút. Lâm Bình Chi liếc mắt khẽ nhìn. Đúng là thiếu nữ bán rượu mặc áo màu xanh ngồi quay lưng về phía chàng. Người kéo ghế ngồi ngang chính là lão Tát, mạo xưng là tổ phụ của thiếu nữ. Chàng nghĩ bụng:

- Thì ra hai người này là sư huynh sư muội, lại cải trang làm ông cháu, đến thành Phúc Châu có mưu đồ. Không biết tại sao họ lại cứu mình? Nói không chừng họ biết gia gia má má của mình ở đâu.

Chủ quán trà thu dọn những chén còn sót lại trên bàn và đem trà nóng lên. Lão già nhìn thấy bảy miệng chén trà ở trên bàn bên cạnh, bất giác la lên một tiếng nhỏ “ui chao”, nói:

- Tiểu sư muội, sư muội nhìn kia!

Thiếu nữ cũng vô cùng kinh ngạc, bèn hỏi:

- Công phu của người này thật tuyệt diệu. Ai là người chém đứt bảy miệng chén trà này vậy?

Lão già nói khẽ:

- Tiểu sư muội, ta kiểm tra kiến thức của sư muội một phen. Nhất kiếm thất xuất có thể làm bể ngọc tan vàng; Tiểu muội có biết ai chém đứt bảy miệng chén này không?

Thiếu nữ giả bộ nổi giận, nói:

- Tiểu muội chưa nhìn thấy, làm sao biết là ai chém...

Bỗng nhiên nàng vỗ tay cười nói:

- Tiểu muội biết rồi! tiểu muội biết rồi! Ba mươi sáu đường “Hồi phong lạc nhật kiếm” chiêu thứ mười bảy “Nhất kiếm lạc cữu nhật” là kiệt tác của Lưu tam gia, Lưu Chính Phong.

Lão già cười lắc đầu nói:

- Chỉ sợ kiếm pháp của Lưu tam gia chưa tới trình độ này. Sư muội chỉ đoán trúng một nửa.

Thiếu nữ giơ ngón tay trở lên, chỉ vào mặt lão cười nói:

- Nhị sư ca đừng nói, tiểu muội biết rồi. Đây... đây là Tiêu

Tương dạ vũ Mạc Đại tiên sinh!

Bỗng nhiên có bảy tám âm thanh cùng vang lên. Có người vỗ tay, có người cười ha hả, đều nói:

- Sư muội có đôi mắt tinh tường quá.

Lâm Bình Chi kinh hãi, thầm hỏi:

- Ở đâu đến nhiều người như vậy?

Chàng nhìn trộm chỉ thấy hai người ngủ gục trên bàn đã đứng dậy, còn năm người khác từ trong nội đường quán trà đi ra. Có người ăn mặc như phu khuân vác, có người tay cầm bàn tính giống như nhà buôn, lại có người cho con khỉ con ngỗng trên vai, giống như muốn dùng con khỉ để làm trò.

Thiếu nữ cười nói:

- Ô, thì ra các “ông” nấp cả ở đây làm cho tiểu muội giật thót cả người! Đại sư ca đâu?

Gã có con khỉ cười nói:

- Tại sao hễ gặp mặt thì sư muội gọi chúng tôi là các “ông”?

Thiếu nữ cười nói:

- Bọn sư ca cứ nấp nánh lên lút để dọa nạt người, không khác gì bè phái tào lao trong chốn giang hồ sao? Đại sư ca sao không cùng đi chung với các sư ca?

Gã có con khỉ cười nói:

- Tại sao sư muội không hỏi ai khác mà chỉ hỏi đại sư ca? Gặp

mặt chưa nói được hai ba câu, thì đã hỏi hai ba câu đại sư ca đâu rồi? Sao sư muội không hỏi Lục sư ca?

Thiếu nữ dậm chân nói:

- Không! Sư ca con khỉ này ở đây chưa chết lại cũng không bị thương là tốt rồi, hỏi sư ca nữa để làm gì?

Gã có con khỉ cười nói:

- Đại sư ca cũng không chết, không bị thương, sư muội hỏi y làm gì?

Thiếu nữ làm bộ giận nói:

- Tiểu muội không nói chuyện với sư ca nữa. Từ sư ca, chỉ có sư ca là người tốt. Vậy sư ca cho tiểu muội hỏi đại sư ca đâu?

Gã ăn mặc như phu khuân vác chưa kịp trả lời thì mấy người kia cười lên nói:

- Chỉ có tứ sư ca là người tốt, còn bọn ta là người xấu. Mà lão tứ lại không nói chuyện với sư muội.

Thiếu nữ nói:

- Không cần đâu. Không nói thì không nói. Các sư ca không nói thì tiểu muội cùng với nhị sư ca đi dọc đường gặp nhiều chuyện cổ quái ly kỳ, đừng có hòng tiểu muội kể cho các sư ca nghe nữa câu.

Người ăn mặc như phu khuân vác vẫn không nói với cô, ngay ra như khúc gỗ, bây giờ mới nói:

- Hôm qua, bọn ta cùng với đại sư ca chia tay nhau ở Hành

Dương. Đại sư ca bảo chúng ta đi trước. Chúng ta ở đây đợi hơn nửa ngày, chắc đại sư ca đã tỉnh rượu cũng sắp đến bây giờ.

Thiếu nữ nhũ mày nói:

- Lại uống rượu nữa ư?

Người ăn mặc giống phu khuân vác nói:

- Phải!

Gã cầm bàn tính nói:

- Đây là lần đại sư ca uống rượu cho thỏa thích, từ sáng sớm uống cho đến trưa, lại từ trưa uống cho đến tối. Tính ra, y uống được hai ba mươi cân rượu ngon!

Thiếu nữ nói:

- Uống như vậy chẳng hại đến thân thể sao? Sao sư ca không khuyên đại sư ca mấy lời?

Gã cầm bàn tính le lưỡi nói:

- Đại sư ca mà nghe người khác khuyên thì có mà mặt trời mọc hướng Tây. Trừ phi tiểu sư muội khuyên y, thì đại sư ca có thể uống ít đi một bát, nửa cân.

Mọi người đều cười ồ lên. Thiếu nữ nói:

- Tại sao lại uống nhiều như vậy? Có phải ý gặp chuyện gì cao hứng chẳng?

Gã cầm bàn tính nói:

- Việc này phải hỏi đại sư ca. Chắc có lẽ đại sư ca biết đến

thành Hành Sơn thì sẽ được gặp mặt tiểu sư muội, nên lòng y vui vẻ, đặc biệt uống nhiều thêm một chút.

Thiếu nữ nói:

- Sư ca lại nói vớ vẩn rồi!

Nhưng lời nói lại tỏ ra vui mừng.

Lâm Bình Chi nghe sư huynh muội họ cười nói, chàng nghĩ thầm:

- Nghe bọn này nói chuyện, thì cô nương này với đại sư ca của nàng dường như có tình ý với nhau. Nhưng mà nhị sư ca đã già như thế này thì đại sư ca đương nhiên phải già kú để. Cô nương này không quá mười sáu mười bảy tuổi, tại sao lại yêu một người già như vậy?

Chàng liền nghĩ lại, lúc đó mới hiểu ra:

- À! Phải rồi. Cô nương này mặt mày rõ chẳng rõ chít, tướng mạo xấu hoắc, ai cũng không thương nổi. Vì vậy cô đành phải yêu một lão già nghiện rượu đã góa vợ.

Chàng nghe thiếu nữ hỏi lại:

- Ngày hôm qua, đại sư ca đã uống rượu từ sáng sớm rồi, phải không?

Gã có con khỉ nói:

- Không nói cho sư muội nghe rõ thì sư muội cũng không buông tha cho chúng ta. Sáng sớm ngày hôm qua, tám người chúng ta định lên đường. Đại sư ca bỗng nhiên ngủ thấy mùi rượu, y nhìn

xem thì thấy một lão ăn mày tay cầm bầu rượu, đang kê miệng vào bầu uống. Lúc đó con nghiện rượu của đại sư ca nổi lên. Đại sư ca liền tiến lại lão ăn mày chuyện trò, khen rượu của lão thơm ngon và hỏi đó là rượu gì? Lão ăn mày đáp: “Đây là “Hầu nhi tửu!”. Đại sư ca hỏi: “Tại sao gọi là “Hầu nhi tửu”?”. Lão ăn xin nói: “Có bấy khỉ ở trong rừng Tương Tây biết hái trái cây làm rượu. Bấy khỉ hái những quả rất tươi rất ngọt, vì vậy làm ra rượu cũng cực kỳ ngon. Lão ăn xin gặp được ở trong núi, vừa lúc lũ khỉ không có ở nhà, bèn lấy trộm ba bầu rượu, còn bắt theo một con khỉ con”. Con khỉ ấy tức là chú khỉ này đây. Gã vừa nói vừa lấy tay chỉ chú khỉ trên vai. Chân sau của chú khỉ bị cột bằng một sợi dây buộc vào cánh tay của gã. Con khỉ không ngừng sờ đầu gã tai, nhãn mặt chau mày, trông rất buồn cười.

Thiếu nữ nhìn chăm chăm vào con khỉ, cười nói:

- Lục sư ca! Thảo nào ngoại hiệu của Lục sư ca là Lục hầu nhi. Lục sư ca và chú khỉ nhỏ này đúng là một cặp huynh đệ vậy!

Gã Lục hầu nhi vênh mặt lên nói một cách nghiêm chỉnh:

- Chúng tôi không phải là anh em ruột thịt, mà là sư huynh sư đệ. Chú nhỏ này là “sư ca” của ta, còn ta là lão nhị!

Mọi người nghe vậy đều bật cười ha hả.

Thiếu nữ đó cười, nói:

- Được rồi! Lục sư ca dám nói vòng vo để chửi xéo đại sư ca. Để xem tiểu muội đi tố cáo, đại sư ca sẽ đá Lục sư ca lộn nhào mấy vòng coi chơi!

Rồi cô lại hỏi:

- Tại sao “người anh em” đó lại đến với Lục sư ca?

Lục hầu nhi nói:

- Người anh em ta ư? Tiểu muội nói con tiểu súc sinh này phải không? Trời ơi! Nói ra thì dài dòng lắm, nhức cả đầu!

Thiếu nữ cả cười nói:

- Lục sư ca không nói thì tiểu muội cũng đoán được. Nhất định là đại sư ca đem con khỉ này về bảo Lục sư ca trông nom, để chú khỉ nhỏ này cất rượu cho đại sư ca uống.

Lục hầu nhi nói:

- Sư muội quả thật là một...

Gã muốn nói tiểu muội là một “cục phân”, nhưng mới nói được mấy chữ, gã lập tức nín lại, rồi đổi giọng:

- Đúng rồi. Đúng rồi. Sư muội đoán rất đúng!

Thiếu nữ mỉm cười nói:

- Đại sư ca thích làm những chuyện kỳ cục lạ đời. Con khỉ ở trong rừng mới biết làm rượu, khi bị người ta bắt về làm sao có thể đi hái trái để cất rượu được. Lục sư ca thả nó đi hái trái đi. Tại sao nó không đi?

Cô dừng lại một chút rồi cười nói:

- Nếu không thì tại sao lại không thấy Lục sư ca cất rượu?

Lục hầu nhi ngẩng mặt lên nói:

- Sư muội! Sư muội không tôn kính sư huynh, nói năng lung tung không có tôn ti gì cả.

Thiếu nữ đó cười nói:

- Chao ôi! Bây giờ còn bày đặt ra là sư huynh nữa! Lục sư ca, sư ca chưa nói đến chính đề. Tại sao đại sư ca uống rượu từ sáng đến tối không thôi?

Lục hầu nhi nói:

- Phải rồi. Lúc đó đại sư ca không chê dơ bẩn, bèn đến bên lão ăn xin năn nỉ lão cho uống rượu. Chao ôi! Trên người lão ăn xin đó cấu ghét lớp lớp, dày có ba tấc; chảy rịn trên áo rách chui ra chui vào, nước mắt nước mũi đầy cả mặt. Có lẽ trong bầu rượu của lão cũng có không ít đờm, nước mũi...

Thiếu nữ bặm miệng, chau mày nói:

- Đừng nói nữa, người ta nghe phát nôn nê!

Lục hầu nhi nói:

- Sư muội buồn nôn, còn đại sư ca thì không buồn nôn đâu. Lão ăn mày đó nói: “Ba bầu “Hầu nhi tửu” của lão uống hết chỉ còn lại hơn nửa bầu, quyết không thể cho ai”. Đại sư ca lấy ra một lạng bạc, nói: “Ta mua một lạng bạc một hớp rượu”.

Thiếu nữ vừa tức giận vừa buồn cười:

- Tham uông như quý vậy.

Lục hầu nhi nói tiếp:

- Lão ăn xin đồng ý, bèn nhận bạc rồi nói: “Chỉ được uống một

hóp thôi ghen”. Đại sư ca nói: “Đã nói là một hóp, tức nhiên là uống một hóp!”. Đại sư ca cầm bầu rượu kê sát trên miệng, há miệng uống. Nào ngờ một hóp của đại sư ca quá dài, chỉ nghe tiếng ừng ực, đại sư ca đã uống một hơi cạn sạch nửa bầu rượu. Thì ra đại sư ca sử dụng khí công sư phụ đã truyền thụ cho, không cần lấy hơi mà uống như rồng hút nước. Hơn nửa bầu rượu đại sư ca uống sạch không còn một giọt.

Mọi người nghe đến đây, cùng cười lên ha hả.

Gã Lục hầu nhi lại nói:

- Tiểu sư muội, nếu ngày hôm qua sư muội ở Hành Dương, tận mắt thấy công phu uống rượu của đại sư ca thì sư muội không thể không phàm phục mà cúi đầu lạy năm cái sát đất. Đại sư ca thần ngưng tại Đan điền, khí đưa vào Tử phủ, thân bay bổng vượt qua Hoa Nhạc, khí xông cao lên tận mây xanh, làm rung động cả sao Bắc Đẩu. Môn khí công này sử dụng đến độ xuất thần nhập hóa, huyền diệu vô cùng!

Thiếu nữ cười lăn cười lộn, rồi nói móc:

- Miệng Lục sư ca trơn như mỡ, cứ bốc thơm đại sư ca lên tới trời xanh. Hừ, sư ca dám lấy khẩu quyết của chúng ta ra mà chế nhạo, nên cẩn thận đó nghe!

- Ta không ăn ốc nói mò. Ở đây có sáu vị sư huynh đệ, ai cũng nhìn thấy cả. Có phải là đại sư ca sử dụng khí công uống sạch bầu “Hầu nhi tửu” không, quý vị?

Mấy người bên cạnh đều gật đầu nói:

- Sự thật đúng như vậy đó, tiểu sư muội.

Thiếu nữ thở dài rồi nói:

- Công phu này rất khó, mọi người không ai luyện nổi, chỉ có mình đại sư ca học được. Ai ngờ y lại đem ra lường gạt lão ăn mày để uống rượu.

Giọng nói của cô dường như vừa giận dữ lại vừa có ý ca ngợi.

Lục hầu nhị nói:

- Đại sư ca uống sạch bình rượu, tất nhiên lão ăn xin đó không chịu. Lão nắm vạt áo của đại sư ca mà la: “Rõ ràng là người nói chỉ uống một hớp. Tại sao ngươi nốc sạch nửa bầu rượu của ta?”. Đại sư ca cười nói: “Quả thực, ta chỉ uống có một hớp. Lão có thấy ta dừng lại để lấy hơi không? Không lấy hơi tức là chỉ một hớp thôi. Chúng ta chưa bàn bạc là một hớp lớn hay một hớp nhỏ. Kỳ thực ta chỉ mới uống có nửa hớp, nói một hớp thật ra chưa đủ. Một hớp thì một lạng bạc, nửa hớp thì chỉ nửa lạng. Hãy trả lại ta nửa lạng đây!”.

Thiếu nữ cười nói:

- Đã uống rượu của người ta, mà còn đòi tiền lại ư?

Lục hầu nhị nói:

- Gã ăn mày tức quá định khóc. Đại sư ca nói: “Lão huynh. Lão huynh nóng nảy như vậy, nhất định là một quân tử hảo rượu! Nào nào, ta làm chủ xị, kính mời lão huynh một bữa cho say!”. Đại sư ca bèn kéo lão ăn mày lên một túp lều bên đường. Cả hai thi nhau cùng

uống, chén chú chén anh không ngừng nghỉ. Bọn ta đợi đến giữa trưa, hai người vẫn còn uống. Đại sư ca muốn có con khỉ nên bảo lão đưa con khỉ cho mình chăm sóc. Đợi đến xế chiều, lão ăn mỳ say lăn ra đất, bò dậy không nổi; đại sư ca vẫn ngồi rót rượu uống tì tì nhưng nói năng vẫn rất tỉnh táo. Y bảo chúng ta đến Hành Sơn trước rồi y sẽ tới sau.

Thiếu nữ nói:

- Thì ra là vậy!

Thiếu nữ trầm ngâm một lúc rồi nói:

- Lão ăn mỳ đó có phải là người trong Cái bang không?

Người giống phu khuôn vác lác đầu nói:

- Không phải. Lão không biết võ công, trên lưng không đeo túi.

Thiếu nữ nhìn ra ngoài trời một hồi lâu, thấy mưa vẫn tầm tã không ngớt. Nàng lẩm bẩm một mình:

- Nếu đại sư ca cùng với anh em tới đây ngày hôm qua thì hôm nay khỏi phải dầm mưa lướt gió mà đi!

Lục hầu nhi nói:

- Tiểu sư muội! Sư muội nói sư muội và nhị sư ca trên đường gặp rất nhiều chuyện ly kỳ. Vậy sư muội hãy kể lại cho chúng ta nghe đi.

Thiếu nữ nói:

- Lục sư ca sốt ruột làm gì? Đợi đại sư ca đến rồi kể cũng

không muốn, để muối khỏi phải kể nhiều lần. Các vị sư ca hện gặp nhau ở đâu?

Lục hầu nhi đáp:

- Không hện gì cả. Thành Hành Sơn này không lớn gì mấy, tất nhiên sẽ gặp nhau thôi. Được! Tiểu sư muối gạt ta, bảo ta kể việc đại sư ca uống “Hầu nhi tửu” mà chuyện của mình lại lờ đi không nói nhé.

Thiếu nữ dường như không tập trung tâm trí, nói:

- Nhị sư ca! Xin nhị sư ca hãy kể lại cho các vị sư ca nghe được không?

Cô nhìn phía sau lưng Lâm Bình Chi một cái, rồi nói:

- Ở đây có nhiều tai mắt, chúng ta đi tìm một khách điểm, rồi hãy nói.

Một gã khác cao ngệu từ nãy tới giờ không nói gì, bây giờ mới lên tiếng:

- Trong thành Hành Sơn, bao nhiêu khách điểm lớn nhỏ đều chật ních tân khách. Chúng ta lại không muốn đến quấy nhiễu Lưu phủ, hãy chờ đại sư ca thêm một lúc nữa rồi chúng ta đến miếu tự đường ở ngoại thành nghỉ chân. Nhị sư ca tính thế nào?

Lúc này đại sư ca chưa đến, lão già kia trở thành thủ lĩnh của bọn đồng môn. Lão gạt đầu:

- Được! Chúng ta ở đây đợi đại sư ca vậy.

Lục hầu nhi sốt ruột, khẽ nói:

- Tên lưng gù này chắc có lẽ là một người điên, ngồi ở đây cả nửa ngày rồi, vẫn không cục cựa. Đếm xỉa đến gã làm chi? Nhị sư ca, sư ca và tiểu sư muội đến Phúc Châu thám thính được gì? Phước Oai tiêu cục đã bị pháí Thanh Thành làm cỏ rồi. Nhà họ Lâm không có võ công chân thật gì cả sao?

Lâm Bình Chi nghe bọn họ nói đến tiêu cục của mình càng chú ý hơn. Lão già nói:

- Ta và tiểu sư muội gặp sư phụ ở Trường Sa. Sư phụ bảo chúng ta đến thành Hành Sơn gặp đại sư ca và các vị sư đệ. Chuyện ở Phúc Châu hãy tạm để qua một bên. Tại sao Mạc Đại tiên sinh bỗng nhiên có mặt đây, sử dụng chiêu “Nhất kiếm lạc cửu nhận” vậy? Các sư đệ đều nhìn thấy cả chứ?

Lục hầu nhi đáp:

- Đa phải.

Rồi gã đem chuyện mọi người bàn tán Lưu Chính Phong vì sao rửa tay gác kiếm, Mạc Đại tiên sinh bỗng nhiên xuất hiện ra sao, mọi người kinh hãi thế nào lần lượt kể ra.

Lão già “hừ” lên một tiếng, một lúc sau mới nói:

- Trên giang hồ ai cũng nói Mạc Đại tiên sinh và Lưu tam gia có chuyện bất hòa. Lần này, Lưu tam gia rửa tay gác kiếm mà hành tung của Mạc Đại tiên sinh lại kỳ bí như vậy, càng khiến cho người ta không thấu hiểu được nội tình!

MỤC LỤC

Lời tựa		5
CHƯƠNG I.	Thư pháp và võ công	9
CHƯƠNG II.	Võ lâm ngũ bá · Dụ ngôn về chính trị	16
CHƯƠNG III.	Tứ di trong truyện võ hiệp Kim Dung	20
CHƯƠNG IV.	“Luật hôn nhân” trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung	25
CHƯƠNG V.	Từ AQ đến Vi Tiểu Bảo	33
CHƯƠNG VI.	Thiên Long bát bộ và luật tục thảo nguyên	41
CHƯƠNG VII.	Bang giao Tống-Liêu nhìn qua Thiên Long bát bộ	48
CHƯƠNG VIII.	Khi Vi Tiểu Bảo hình sự hóa quan hệ dân sự	53
CHƯƠNG XI.	Lý Tự Thành Chính sử và tiểu thuyết	59
CHƯƠNG X.	Hàng giả tống Vân Nam	64
CHƯƠNG XI.	Thử nhìn Libido qua tác phẩm Kim Dung	71
CHƯƠNG XII.	Đau thương A Tử	78
CHƯƠNG XIII.	Kim Dung đặt lại mấy vấn đề lịch sử	83
CHƯƠNG XIV.	Vi Tiểu Bảo phá án đua ngựa	89

CHƯƠNG XV.	Người Tây dương trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung	95
CHƯƠNG XVI.	Suy niệm ký tiểu hữu	99
CHƯƠNG XVII.	Kim Dung trở lại Việt Nam	105
CHƯƠNG XVIII.	Tiểu ngạo giang hồ	109
CHƯƠNG XIX.	Huyền thoại Nhạc Linh San	118
Phụ lục I.	Vũ Đức Sao Biển với “Kim Dung giữa đời tôi”	124
Phụ lục II.	Kim Dung với Sài Gòn	127
Phụ lục III.	Hiệp khách hành (trích)	133
Phụ lục IV.	Tiểu ngạo giang hồ (trích)	180

KIM DUNG GIỮA ĐỜI TÔI

TỪ AQ. ĐẾN VI TIỂU BẢO

VŨ ĐỨC SAO BIỂN

Chịu trách nhiệm xuất bản:

LÊ HOÀNG

Biên tập:

PHẠM SỸ SÁU

Vẽ bìa:

NGUYỄN VIỆT HẢI

Sửa bản in:

NGUYỄN LỤC

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

161B, Lý Chính Thắng – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

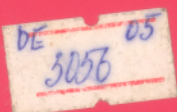
In 1.500 cuốn, khổ 14x20cm tại Xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng, số 100 Lê Đại Hành, P.7, Q.11, TP. HCM. ĐT: 8555812 - 8552517. Số đăng ký KHXB : 175/274 do Cục xuất bản cấp ngày 29-02-2000 và giấy trích ngang KHXB số 313/2000. In xong và nộp lưu chiểu tháng 04 năm 2000.

CÙNG MỘT TÁC GIẢ:
VŨ ĐỨC SAO BIỂN (ĐỒ BÌ)

- Tiểu thuyết : Hoa hồng trên cát (1989)
 Ảo ảnh sương khói (1991)
- Âm nhạc : Thu, hát cho người (1998)
- Tiểu phẩm trào phúng :
 Bản báo cáo biết bay (1983)
 Vạn tuế đàn ông (1989)
 Vĩnh biệt thốt nốt (1996)
 Thở thê cùng hoa hậu (1998)
 Ba đời ham vui (1999)
- Biên khảo : Kim Dung giữa đời tôi - *quyển thượng* (1996)
 Kim Dung giữa đời tôi - *quyển trung* (1997)
 Kim Dung giữa đời tôi - *quyển hạ* (1999)
- Bút ký : Ngôn ngữ từ những phiền cảm thạc (1998)
- Phóng sự điều tra :
 Người mang số Q1 2629 (1999)

SẮP IN :

Kim Dung giữa đời tôi (toàn tập)
Oan khuất AQ
Đi tìm sự thật
Thơ chữ Hán



Giá : 16.800đ